

VẠN PHÁP QUA CÁI NHÌN CỦA DUY THỨC

Tác giả Thích Thắng Hoan

MỤC LỤC

Trang

*- LỜI NÓI ĐẦU..... 4

I.- NGUỒN GỐC PHÁT SANH RA

THỨC..... 8

II.- VẠN PHÁP ĐỐI VỚI TÂM

THỨC..... 13

A.- Vạn Pháp Của Thế Giới Ngoại

Cảnh.....14

B.- Vạn Pháp Trong Thế Giới Nội

Tâm.....16

1.- Những Chủng Tử Có Nguồn

Gốc.....18

a)- Một Dạng Thức Thuộc Về

Cảnh Giới.....19

b)- MộtDạngThứcThuộc

VềTâmLý.....20

c)- MộtDạngThứcThuộcVề

Vật Lý.....22

2.- NhữngChủngTửKhôngCó

Nguồn Gốc.....23

A/- MộtLoạiThuộcVềNghệp

Lực.....24

a)-NhữngChủngTử

Nghệp Thiện..... 24

b)-NhữngChủngTử

Nghệp Ác..... 36

c)- NhữngChủngTử

Tiểu Tùy..... 48

d)- NhữngChủngTử

TrungTùy..... 57

e)- NhữngChủngTử

Đại Tùy..... 59

g)- NhữngChủngTử

BấtĐịnh.....64

B/-MộtLoạiThuộcVề

Nghệp Tướng..... 69

1)- HữuTìnhTướng..... 69

2)- Vô Tình Tướng.....	73
3)- Vô Minh NghiệpTướng...	75

<i>a/- Chủng Tử Vô Minh</i>	
<i>NghiệpTướng.....</i>	<i>76</i>
<i>b/- Chủng Tự Chủng Phần</i>	
<i>Của Tám Thức.....</i>	<i>77</i>
<i>c/- NghiệpTướng Của</i>	
<i>Tứ Đại.....</i>	<i>79</i>

III.- NGUYÊN LÝ XÂY DỰNG	
VẠN PHÁP NGOẠI CẢNH.....	80

1.- Yếu Tố Xây Dựng Vạn Pháp	
Ngoại Cảnh.....	81
a. Một Là Bốn Đại.....	82
b. Hai Là Nghiệp Tướng.....	85
c. Ba Là Nghiệp Lực.....	86
d. Bốn Là Thức Lại Da.....	88

2.- Hình Thức Xây Dựng Chúng Sanh	
Hữu Tình Và Vô Tình.....	90

A.-- Hình Thức Xây Dựng	
Chúng Sanh Hữu Tình.....	92

1/- Sự Quan hệ Của Chúng Sanh	
Hữu Tình Qua Mười Hai Nhân	
Duyên.....	94
2/- Giáo Nghĩa Mười Hai Nhân	

Duyên.....	95
3/- PhươngThứcXâyDựng Chung SanhHuuTinh.....	102
<i>a, NhữngĐiềuKiệnĐểXây</i>	
<i>Dựng,.....</i>	102
<i>b, TrongTiếnTrìnhXây</i>	
<i>Dựng,.....</i>	104
 B.-PhươngThứcXâyDựng Chúng Sanh Vô Tình.....	
	109
 <i>1, NhữngĐiềuKiệnĐể</i>	
<i>XâyDựng.....</i>	110
<i>2, TrongTiếnTrìnhXây</i>	
<i>Dựng.....</i>	113
 C.- PhươngThứcXâyDựngVũTrụvà ChúngSanhHữuTinh.....	
	114
D.- CôngThứcXâyDựngVũTrụVà Chúng Sanh HữuTinh.....	
	116
 IV.- VẠN PHÁP NGOẠI CẢNH QUAN HỆ NGUYÊN LÝ NHÂN QUẢ NGHIỆP BÁO.....	
	118
 1/- VềNhânQuả.....	
	119
2/- SựBiếnChuyểnCủaNhânQuả.....	
	120
3/- NhânQuả Quan Hệ Ba Đời.....	
	121
4/- NhânQuả Ba Đời Quan hệ	

Nghiệp Báo122

V.- KẾT LUẬN.....125

LỜI NÓI ĐẦU

Vạn pháp là dân từ chung trong đó bao gồm tất cả chúng sanh hữu tình và chúng sanh vô tình. Chúng ta đề cập đến vạn pháp tức là đề cập đến hai loại chúng sanh này, chúng sanh hữu tình và chúng sanh vô tình.

Như vậy vạn pháp trong vũ trụ từ đâu sanh ra và sanh bằng cách nào? Hay nói một cách khác chúng sanh hữu tình và chúng sanh vô tình từ đâu sanh ra và sanh bằng cách nào?

Đề tài này là một vấn đề nhức óc cho các nhà khả o cứu. Các nhà tôn giáo, các nhà triết học cũng như các nhà khoa học hiện nay đưa ra nhiều tư tưởng, nhiều luận thuyết cố tìm ra đáp số cụ thể trên bình diện khoa học, nhưng cuối cùng cũng phải bó tay. Một số học thuyết đưa ra vấn đề trên dựa theo đức tin để lý giải cho nên có các cách mớ hồ, huyền hoặc, hoang đường, thiếu cụ thể, không có cơ sở khoa học, vì thế không thể kiểm chứng được; một số triết học cũng là vấn đề trên lại phân tích chi li thành những tư tưởng có các cách má y mớ c, phứ tạp, rời rạc trong trậ đồ tư tưởng tượng nhiều hơn trên bình diện thực nghiệm cho nên cũng không biện chứng được; còn một số tư tưởng khoa học thì đưa ra

ên thờ ỉchuyểnhoá thànhiệntượng trong vũ trụ;
điểnhìn như cáckinh lượngồmcó Kinh Hoa Nghiêm,
Kinh Lăng Già Tâm Ấn, Kinh Pháp Hoa,..v.v..... lànhữngkinhchính do
đứcPhậtriểnkhai vàđiềudặcbiệt, trênhànhrìnhtriểnkhai,
giáolý củangườigiảngiảichủđềđềudựatrênlãnhvựctuchứngcủangườiđ
ểbiệnnhưng, nghĩalànhữngchủđềđem ra biệngiải qua
sựchứngngộ(nhậpPhậtri kiến)
củangườiđểchứngminh.Cóthểkhảngđịnhnhữnggìcủangườichứngngộth
ấybiếttìnhữngngườichưachứngngộkhôngthểnàothấybiếtdược.

Trong giáolýPhậtgiao,
córátnhiềutrườngpháilýgiảivạnphápvôcùngphongphú,
trongđóđángchúynhiềunhấtrênlãnhvựckhoa
họcthựcnghiệmvàtrênlãnhvựcpườngrìnhquynạp, chínhlàhaitrườngph
áiDuyThứcTôngvàPhápTướngTông.
TrườngrpháiDuyThứcTôngthìkhaitriểntậncùngnguyênlývạnpháplạidự
atrênlãnhvựcTâmThứclàmtôngchỉ;
cònrườngrpháiPhápTướngTôngthìcũngkhaitriểntậncùngnguyênlývạnp
háplạidựatrênlãnhvựcPhápTánlàmtôngchỉ.
DuyThứcTôngthìchủtrườngrvạnpháphđềudo Thứcbiến,
nêngọilàDuyThức; cònPhápTướngTôngchủtrườngrvạnphápdo
DuyThứcbiếnđềuphátnguồnừnổithếgìochânnhưvọnghiện. Hai
trườngrpháiDuyThứcTôngvàPhápTướngTôngnày,mặcdùđứngrênlậptr
ườngrkhácnhau, mộtbênlàTâmThứcmộtbênlàPhápTánh,
đểbiệngiảinguyênlýcủavạnpháptrongđó bao
gồmcó cáttâmlinhvàvậtlýphổihợpđểlàmsángtỏtứởngcủamình,điềudặ
cbiệt,cảhaivẫnhổtươnglẫnnhaurênncuộchànhrìnhquynạp,

rốt cuộc rồi cả haicũng đều tìm ra
đáp số cho vấn đề vạn pháp trong vũ trụ từ đâu sanh ra.

Riêng Thắng Hoan thì lại dựa trên những điểm đã chọn nơi tư tưởng siêu phàm của hai trường phái Duy Thức Tông và Pháp Tướng Tông, gom góp lại và sắp xếp theo tiến trình khoa học làm thành một tác phẩm với nhan đề là “Vạn Pháp Qua Cái Nhìn Của Duy Thức”. Nội dung tác phẩm này cũng dựa vào phương trình quynạp và diễn dịch như trên đã nói qua để giải thích vấn đề. Luận của tác phẩm này giải thích chủ đề bằng phương pháp Nhân Minh Luận nhằm mục đích là sáng tỏ lập trường, đồng thời phối hợp chặt chẽ tư tưởng của Duy Thức Tông và Pháp Tướng Tông để biện giải song hành trên hai lãnh vực tâm linh và vật lý, mà trong đó học tâm linh là chủ yếu và vật lý là phụ thuộc, nguyên tâm linh thì thuộc về chánh báo, còn vật lý thì thuộc về y báo. Điều đáng chú ý, trong tác phẩm này, từng loại chủ đề đều được giải thích qua hình thức thí dụ, giúp cho mục tiêu lý giải của chủ đề đó được nổi bật phân minh trên bình diện thực tại, hầu giúp cho người nghiên cứu dễ dàng tiếp nhận tư tưởng thâm sâu ẩn chứa bên trong. Còn giá trị tư tưởng như thế này của tác phẩm “Vạn Pháp Qua Cái Nhìn Của Duy Thức” xin hờn giải và mong chờ quý độc giả bốn phương để tâm bình phẩm, ngõ hầu giúp cho tác giả tuchỉn hạ icho được choàn hảo hơn. Có thể khẳng định, tác phẩm này cũng là một tư tưởng mới trong những tư tưởng của Duy Thức Học

cđược ra đời trong thái độ khiêm nhường,
xingỏ đến quý đợc giở bốn phương là món quà tri thức trao tặng.

Ngày 15 tháng 4 Dương lịch 2018, Phật lịch 2562

Thích Thắng Hoan.

VẠN PHÁP QUA CÁI NHÌN CỦA DUY THỨC

I.- NGUỒN GỐC PHÁT SANH RA THỨC

Duy Thức, có nhiều luận định nghĩa qua nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng theo Khảo Nghiệm Duy Thức Học, quyển I, trang 9 giải thích: “Duy Thức nghĩa là chỉ có sự hiểu biết là trên hết”. Ngoài sự hiểu biết này của Duy Thức, không có vật nào khác thay thế được nên gọi là Duy Thức. Theo Duy Thức Học vạn pháp trong vũ trụ gồm cả tâm lý và vật lý đều do Duy Thức tạo dựng và duy trì sự sanh tồn của chúng,

gọi là Duy Thức Biến. Theo

Thức Biến Hiện của tác giả Đại Đức Thích Phổ Huân, trang 14, giải thích:

“Chỉ có Thức là chân tâm của hết thảy vấn đề, chỉ có Thức mới lo lắng sống chết, chỉ có Thức mới thấy rõ sanh tử,..... và cuối cùng chỉ có Thức ta

mới học Phật để chuyển cái thức hiểu biết phàm phu trở thành Thánh trí giải thoát”. Ý Nghĩa của Duy Thức ở đây không cần định nghĩa thêm vì ai cũng đều hiểu biết khi đọc đến tên của nó và cũng không cần phải inó đến xuất xứ hay tiểu sử của nó, vì xuất xứ hay tiểu sử không nằm trong chủ đề ở đây muốn trình bày. Vậy Thức từ đâu sanh ra?

Hầu như các bộ Luận Phật Giáo, trong đó có nhiều cách giải thích về Thức, như có Luận giải thích: “Căn duyên Trần sanh Thức”,

nghĩa là căn và trần là nguồn gốc phát sanh ra

Thức, nhưng căn và trần thì thuộc về vật chất mà Thức thì thuộc về tinh thần,

nếu đúng như thế có thể khẳng định rằng, vật chất sanh ra Thức, hay

nói cách khác vật chất sanh ra

tinh thần; căn và trần khi bị hư hoại thì Thức không còn, hay

vật chất khi bị hư hoại thì tinh thần cũng không còn. Sự giải thích trên đây cũng

giống như phái Duy Vật chủ trương: “vật chất sanh ra tinh thần hay bộ não

con người sinh ra tư tưởng”; điểu hình như và o thời đức Phật còn tại thế, phái Ajitakesa Kambalichủ trương: “thân thể con người là do bốn yếu tố: địa, thủy, hỏa, phong kết hợp lại mà thành, khi chết thì tứ đại lại hoàn tứ đại, không trọng dụng về phương diện tinh thần, đạo đức là yếu hủnghiã khoa ilạc chọn hục thể là mục đích.” Điều này được ghi ở thích trong quyển Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ ở trang 24 của Hoà Thượng Thích Thanh Kiểm và còn nhiều thuyết nữa của chủ trương cũng tương tự như thế. Theo Khảo Nghiệm Duy Thức Học, lối chủ trương này không được chính xác, thí dụ: anh A đang ngủ say, anh B lấy muối của anh A, lúc đó miệng của anh A vẫn hép môi, nhưng anh không biết đó là muối, nguyên vì sáu Thức của anh A đang ngủ hủ không có hiện hủ để hiểubiết,..... Chính trong giáolý của Phật, 6 Căn và 6 Trần cộng lại được gọi là 12 xứ (Dvadasa – àyatana) và cộng thêm 6 Thức nữa thì thành 18 Giới (Astadasa – dhātu), trong Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ của Hoà Thượng Thích Thanh Kiểm, trang 114; riêng 12 Xứ được phân làm hai loại: Một là 6 sở y và hai là 6 sở duyên; 6 Sở Y tức là chỉ cho 6 Căn (tức là 6 giác quan), nghĩa là sáu chỗ dành cho sáu Thức nương tựa sanh khởi tác dụng để hiểubiết; còn 6 Sở Duyên tức là chỉ cho sáu Trần Cảnh, nghĩa là sáu chỗ hay là sáu đối tượng dành cho sáu Thức tác dụng để hiểubiết. 18 Giới gồm có 6 Thức, 6 Căn, 6 Trần, nghĩa là sáu Thức nương nhờ sáu Căn để hiểubiết sáu Trần; từ đó có thể xác định, sáu Thức lẽ dĩ nhiên tự có bản thể riêng biệt không phải do sáu Căn duyên nhờ sáu Trần để sanh ra chúng nó. Đi đến kết luận Căn (miệng anh A) duyên Trần (muối) không thể sanh ra Thức, hay nói cách khác, bộ não con người không thể sanh ra tư tưởng. Như thế Thức từ đâu sanh ra?

Theo

DuyThứcHọc, Thứcphát sanh từ nơi Tâm chơn lấy Tâm là bản thể của mình nên gọi là Tâm Thức;

theo DuyThứcPhươngTiệnĐàm của ĐườngĐạiViên nói rằng:

“Tâm là thể, Thức là dụng, Tâm Thể thì vô tướng, vô phân biệt..... Thức Dụng thì có hình tướng và có phân biệt”; Tâm Thể nghĩa là chỉ bản thể của tâm,

còn Thức Dụng nghĩa là chỉ sự tác dụng của Thức.

Điều này dùng thí dụ cho dễ hiểu, Tâm Thể cũng tương tự như nước biển,

Thức Dụng cũng tương tự như lượn sóng,

Tâm Thể thì vô tướng cũng giống như nước biển yên lặng không có lượn sóng,

còn Thức Dụng thì có hình tướng cũng giống như lượn sóng nổi dậy; Tâm Thể

hiên lặng giống như nước biển không có tướng sóng nhỏ sóng lớn (vô tướng)

và cũng không có phân biệt cho sóng nhỏ sóng lớn;

còn Thức Dụng thì biến động,

giống như lượn sóng nổi dậy có hình tướng sóng nhỏ sóng lớn và có phân biệt sóng nhỏ sóng lớn.

DuyThứcHọc, của Hoà Thượng Thích Thiện Hoa, trang 137 và 138 nói rằng, mỗi con người,

mỗi chúng sanh hữu tình đều có tám thức hiểu biết được gọi là tám Tâm Thức,

tám Tâm Thức này mỗi Tâm Thức đều có chủng tử riêng gọi là Tự Chứng Phần

;

Tự Chứng Phần là phần thể tánh của mỗi Tâm Thức và chúng nó không có tên,

nhà DuyThức mượn tên của các Căn (giác quan) để đặt tên cho chúng nó,

như:

1, Tâm Thức hiểu biết qua con mắt gọi là Nhãn Thức,

- 2, Tâm Thức chiểu biết qua lỗ tai gọi là Nhĩ Thức,
- 3, Tâm Thức chiểu biết qua lỗ mũi gọi là Tỷ Thức,
- 4, Tâm Thức chiểu biết qua miệng lưỡi gọi là Thiệt Thức,
- 5, Tâm Thức chiểu biết qua thân thể gọi là Thân Thức,
- 6, Tâm Thức chiểu biết qua Ý (Mana) gọi là Ý Thức,
- 7, Tâm Thức chiểu biết qua Thắng Nghĩa Căn gọi là Mạt Na Thức;
Thắng Nghĩa Căn, nghĩa là chỉ huyệt giác quan chiểu biết qua danh
nghĩa thừ thắng của nó
- 8, Tâm Thức chiểu biết qua Hỗ Tương Căn gọi là A Lại Da Thức.
Hỗ Tương Căn, nghĩa là chỉ huyệt giác quan hỗ trợ lẫn
nhau giữa Thức A Lại Da và Thức Mạt Na; nói cách khác, Thức
A Lại Da vừa là đống va giác quan giúp cho Thức
Mạt Na nường tự để hiểu biết, còn Thức Mạt Na cũng vừa là
đống va giác quan giúp cho Thức A Lại Da nường tự để hiểu
biết; cho nên giác quan của hai thức này được gọi là Hỗ Tương
Căn.

Hiện tượng vạn pháp trong vũ trụ này, mỗi một pháp dù lớn như địa cầu hay nhỏ như vi trần đối với sáu Tâm Thức đều thể hiện sáu khía cạnh khác nhau và sáu khía cạnh đó gồm có: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp; trong sáu khía cạnh khác nhau của một pháp, mỗi Tâm Thức đều chỉ có khả năng hiểu biết một khía cạnh riêng biệt theo khả năng của mình mà không thể thay thế cho năm Tâm Thức khác để hiểu biết thế ^
mặt năm khía cạnh ngoài khả năng của mình, như Nhãn Thức chỉ hiểu biết khía cạnh hình sắc của một sự vật mà không thể hiểu biết âm thanh, mùi hương, chất vị,

cảm xúc và pháp trần của một sự vật nói trên;
 Nhĩ Thức chỉ hiểu biết khác nhau tinh của một sự vật và không thể hiểu biết
 thì sắc, mùi hương, chất vị, cảm xúc và pháp trần của một sự vật nói trên;
 bốn Tâm Thức còn lại cũng giống như Nhãn Thức, Nhĩ Thức,
 nghĩa là không thể thay thế cho nhau để hiểu biết những khác nhau ngoài
 khả năng của mình nơi một sự vật. Hơn nữa năm Tâm Thức ở trước không thể tr
 ực tiếp để hiểu biết và pháp một cách chân thật mà chỉ hiểu biết và pháp
 qua Tượng Phần (Images) do Kiến Phần (phần tác dụng)
 của chính chúng nó biến hiện, nghĩa là kiến phần của chúng nó biến hiện ra
 tượng phần (phần hình tượng) của một sự vật để hiểu biết. Ý
 Thức chỉ có thể hiểu biết Tượng Phần của Pháp Trần (phần ảnh hưởng =
 illusions) và Tượng Phần của Pháp Trần này chính là tánh chất, giá trị,
 ý nghĩa của năm Trần từ nơi một sự vật bên ngoài được kết tụ thể hiện và năm tr
 ần này là năm khác nhau sắc, thanh, hương, vị,
 xúc, của một sự vật nói trên; Tâm Thức Mạt Na chỉ hiểu biết ảnh hưởng
 (illusions)
 của các pháp bên ngoài với hình thức pháp trần và ảnh hưởng của các pháp bên
 trong A Lại Da với hình dạng Tượng Phần của mỗi chủng tử do
 Kiến Phần tự nó biến hiện. Tâm Thức A Lại Da
 cũng chỉ hoàn toàn hiểu biết ảnh hưởng của pháp bên trong nội tâm qua
 hình dạng Tượng Phần do
 Kiến Phần riêng nó tự biến hiện từ nơi chủng tử trong kho tàng A Lại Da.
 Theo Duy Thức Học có thể nói, trong tám Tâm Thức,
 mỗi Tâm Thức chỉ có thể hiểu biết giá trị pháp qua
 Tượng Phần Ảnh Tử do
 Kiến Phần của nó biến hiện, trong đó kể cả pháp nơi thế giới bên ngoài và
 pháp nơi thế giới chủng tử bên trong nội tâm A Lại Da.

Chúng nó không thể hiểu biết trực tiếp đến cảnh giới của vạn pháp kể cả bên trong lẫn bên ngoài. Trường hợp này cũng tương tự như dòng điện (kiến Phần A Lại Da) chọn lấy hình tượng (tướng phần) của cảnh giới trong DVD (cảnh giới chũng tử A Lại Da) chiếu lên trên màn ảnh TV mà không phải mang cả cảnh giới trong DVD đưa lên trên màn ảnh TV. Cảnh giới trên màn ảnh TV một khi bị điệt tắt khiến chúng nó mất dạng, điều đó không có nghĩa là cảnh giới trong DVD đã bị xoá, đây có nghĩa là cảnh giới trong DVD sẽ tiếp tục chiếu lên trên nhiều màn ảnh TV khác.

II.- VẠN PHÁP ĐỐI VỚI TÂM THỨC:

Vạn pháp trong thế gian theo Duy Thức Học thuộc thế giới ngoại cảnh, tất cả đều là Tướng Phần (phần hình tượng) của vạn pháp thuộc thế giới chũng tử trong nội tâm đã được chọn lấy để xây dựng thành hình mà không phải toàn bộ vạn pháp thuộc thế giới chũng tử trong nội tâm tự động hiện lên thành hình tượng vạn pháp trong thế gian thuộc thế giới ngoại cảnh. Trường hợp này cũng giống như cảnh giới trên màn ảnh chính là tướng phần được dòng điện chọn lấy từ nơi cảnh giới trong DVD mà không phải cảnh giới trong DVD toàn bộ tự động hiện lên thành hình trên màn ảnh. Chúng tử vạn pháp của thế giới trong nội tâm so với hạt giống của vạn pháp thuộc thế giới ngoại cảnh khác nhau như thế nào?

Chúng tử vạn pháp của thế giới trong nội tâm A Lại Da
muốn thành hình vạn pháp nơi thế giới ngoài cảnh phải qua
điều kiện Nhân Duyên.

Chúng tử vạn pháp của thế giới trong nội tâm chính là Nhân,
còn những hạt giống của vạn pháp nơi thế giới ngoài cảnh chính là Duyên
(trợ duyên)

nhằm để trợ giúp cho Nhân đi đến kết quả là thành hình tượng nơi thế giới ngoài
cảnh.

Không có Duyên trợ giúp thì Nhân nhất định không thể thành được Quả.

Vì thế hiện tượng vạn pháp nơi thế giới ngoài cảnh trong kinh Phật thường gọi
à do nhân duyên sanh. Vấn đề này phải saussẽ giải rõ hơn.
Vạn pháp của thế giới ngoài cảnh đối với Tâm Thức như thế nào?

A,- VẠN PHÁP CỦA THẾ GIỚI NGOẠI CẢNH.

Vạn Pháp trong thế gian thuộc thế giới ngoài cảnh,
theo Duy Thức Học tổng quát có hai loại, một loại có thể chất và một loại không thể chất; một loại có thể chất,
nghĩa là nó có sức sống để nảy nở và phát triển, gọi chung là
“Hữu thể thi thiết pháp”. Hữu thể nghĩa là có thể chất;

Thi thiết nghĩa là thi hành thiết lập xây dựng;
Hữu thể thi thiết pháp nghĩa là những pháp có thể chất, có sức sống do
Thức A Lại Da thi hành thiết lập xây dựng thành hình tượng trong thế gian.
Một loại không có thể chất, nghĩa là nó không có sức sống,
không có nảy nở và phát triển, Duy Thức cho nó là một pháp chết,
gọi chung là “Vô thể tùy tình pháp”. Vô thể nghĩa là không có thể chất;

Tùy tình hình là xây dựng tùy theo tình cảm, tùy theo sở thích, tùy theo nhu cầu; Vô thể tùy tình pháp hình là những pháp không có thể chất, chỉ do Ý Thức tùy theo tình cảm kết hợp đất, nước, gió, lửa xây dựng thành hình tượng trong thế gian. Vạn pháp trong thế gian do Thức A lại Da xây dựng thành hình tượng gồm có chúng sanh hữu tình và chúng sanh vô tình như, sơn hà địa địa, trăng sao, cỏ cây hoa lá..v..v..... trong đó có bốn hồng thiệt. Còn vạn pháp trong thế gian do Ý Thức kết hợp đất, nước, gió lửa xây dựng thành hình tượng trong thế gian gồm có lâu đài, thành phố, phi thuyền, tàu bè..v..v..... trong đó có bốn hồng giả bằng chất nhựa. Vạn pháp có thể chất và vạn pháp không có thể chất của thế giới trong ngoài cảnh nhàn nhàn đều do nhân duyên sanh và trưởng thành qua các duyên hỗ trợ. Vạn pháp nơi thế giới ngoài cảnh nhàn nhàn có thể chất, trong đó mỗi một pháp đều do Thức A lại Da dựa theo bản ý yếu tố quan hệ nhau xây dựng nên (bản nhân duyên sanh); bản ý yếu tố theo Duy Thức Học gồm có: đất, nước, gió, lửa, nghiệp tướng, nghiệp lực, Thức A Lại Da; bản ý yếu tố (bản nhân) này liên kết nhau (nhân duyên) để thành hình một pháp trong vạn pháp nơi thế giới ngoài cảnh nhàn nhàn. Còn vạn pháp nơi thế giới ngoài cảnh nhàn thuộc loại không thể chất, trong đó mỗi một pháp chính do Ý Thức đứng ra điều khiển kết hợp bốn yếu tố vật chất (bốn nhân duyên) để xây dựng nên; bốn yếu tố vật chất gồm có: đất, nước, gió và lửa; bốn yếu tố này quan hệ nhau (nhân duyên) để thành hình một pháp không thể chất trong vạn pháp nơi thế giới ngoài cảnh nhàn. Vạn pháp có thể chất và vạn pháp không thể chất nơi thế giới ngoài cảnh nhàn đã là

do nhân duyên sanh thành thì tất nhiên cũng phải do nhân duyên tiêudiệt và thời gian sanh diệt của chúng lâu hay mau đều do năng lực chất lượng (do nghiệp lực) mỗi loại của chúng quyết định, nguyên vì sự sanh tồn của chúng, theo Duy Thức Học đều là giả hợp tạo thành nhiệm vụ trong thế gian theo nhu cầu quan hệ để đáp ứng nghiệp của mỗi cá thể.

Vạn pháp có thể chất và vạn pháp không thể chất có mặt trong thế gian nơi thế giới ngoài cảm nhận dù đã là giả hợp duyên sanh không thật thể nhưng mà sáu Tâm Thức trước, từ Nhân Thức cho đến Ý Thức không thể hiểu biết được tánh chất chân thật của chúng một cách trực tiếp khách quan không qua trung gian tương phần ảo ảnh. Ngược lại Kiến Phần là phần tác dụng của sáu Tâm Thức chỉ giá tiếp duyên đến Tương Phần ảo ảnh của vạn pháp mà chúng quan hệ để hiểu biết. Tất cả như ~ ngho thuyết, những tượng...v..v.....hiện có mặt trong thế gian đều do Ý Thức của họ tượng tượng xây dựng nên và sự thành quả những tượng tượng này của chúng nó,

theo Phật giáo chỉ hoàn toàn là những thứ ảo giá riêng tu theo quan niệm tình cảm từng cá nhân góp nhặt xây dựng thành hình, mà chính chúng nó không phải chân lý đích thực có giá trị phổ quát cả không gian và thời gian, nghĩa là những ngho thuyết này, những tượng tượng này không có giá trị khắp không gian bác òi và cũng không có giá trị khắp thời gian trải qua tứ quá khứ cho đến vị lai muôn đời về sau. Hiện tượng vạn pháp trong thế gian đã là duyên sanh giả hợp thì không thể và cũng không phải là chân lý, thế mà những ngho thuyết, những tượng tượng dựa theo Ý Thức xây dựng nên lại càng rời và vòng đai vọng tượng điên đảo, hoàn toàn không có giá trị chân lý đích thực.

B,-VạnPhápTrongThếGiớiNộiTâm.

Trongthếgiớinộiâm cũngcóvạnphápvàvạnphápnàyvớihìnhthứclàchủn
gửđượctàngtrủlâuđờित्रongnộiâm A Lại Da vàtâm A lại Da
chínhlàkhochứatấtcảhồsơcủavạnphápmàbộñãocủatấtcảchúngsanhhữ
tìnhtheoDuyThứcHọckhôngphảilàkhochứa.Trongnộiâmchúng ta
córátnhiềuhìnhhảncủavạnpháp,
đượcthânhậntừnhữngcảnhgiớicóthểchất (hữuthểthithiếtpháp)
vànhữngcảnhgiớikhôngthểchất (vôthểtuyệtìnhpháp)
từthếgiớingoạicảnhđemvàocáttừnkhochứa, nghĩalàchúng ta
đãthamquannhữngcảnhgiớinào,
nhữngchúngsanhhữutìnhnàooởbênngoàithìhìnhhảncủanhữngcảnhgiớid
ó, hìnhhảncủanhữngchúngsanhhữutìnhđóđềucómặttừntrongnộiâm A Lại
Da, nhữcảnhgiớithànhphốSàiGòn, thànhphốNha Trang, thànhphố San
Jose..v.v..... vàhìnhhảnh A, hìnhhảnh B,
hìnhhảnhchịC..v.v.....,nhữngcảnhgiớinhữnghìnhhảnhđâyínhlàmộtsố
hápủavạnphápvớihìnhthứclàchủngửđangnằmyêntrongnộiâm A Lại
Da.

ChủngTửđúngnhiệacủanóínhlàhạtgống,
nhưngnhàDuyThứcợlầmlẫnvớinhữnghạtgốngvậttchấtnớngoạicảnhnh
ưtinh cha huyếtmẹ, trứngchim, hạtđậuxanh, hạtlúa..v.v.....
chonênvãngiữnguyêndanhtừlàchủngửđểchodễphânbiệt.Vạnphápvớ
oạicảnhgồmcóchúngsanhhữutìnhvàchúngsanhvôtìnhhiệncómặttừn
hếgianvớinhữnhìnhtượngkhácnhauthìchủngửởtrongnộiâmA Lại Da,
nguồngốcphátsinh ra

những hình tượng đó cũng có vô số chủng tử không giống nhau.

Hơn nữa những chủng tử nói trên lại còn nương tựa và chiêm rảnh nơi trong Tâm Thức Lại Da để làm mô hình kiến trúc cho việc kiến tạo vạn pháp trong thế gian.

Xét về tánh chất, trong nội tâm A Lại Da, chủng tử tuý có vô số mà Duy Thức thường gọi là Nhất Thiết Chủng Tử, còn Tâm Thức A Lại Da dung chứa chúng nó mà Duy Thức gọi là Nhất Thiết Chủng Thức, Nhất Thiết Chủng Thức là tên khác của Tâm Thức A Lại Da. Tất cả chủng tử mặc dù tuý nhiều, nhưng không ngoài hai loại: những chủng tử có nguồn gốc và những chủng tử không có nguồn gốc. Những chủng tử có nguồn gốc được gọi là bản hữu chủng tử và chủng tử không có nguồn gốc được gọi là thi khởi chủng tử. Thi là mới, Khởi là phát khởi; Thi Khởi Chủng Tử nghĩa là những chủng tử so với chủng tử có nguồn gốc thì mới phát sanh sau này. Trước hết xét về tánh chất, những chủng tử có nguồn gốc (bản hữu chủng tử), ở trạng thái nguyên thể khi chưa tác dụng được nhận định như sau

1.- Những Chủng Tử Có Nguồn Gốc:

Những chủng tử có nguồn gốc, nghĩa là những chủng tử có thể chất chân thật được phát sanh từ thể tánh chân thật của các pháp.

Thể tánh chân thật của các pháp nếu như không có thì nhất định không những chủng tử này, mặc dù chúng đã biến tướng thành nhiều hình thức. Thể tánh chân thật của các pháp mặc dù biến tướng thành nhiều hình thức,

nhưng chúng không mất bản chất chân thật,
 nghĩa là bản chất của chúng vẫn không bị biến đổi theo hình tượng.
 Trường hợp đây cũng giống như tán nhưốt của nước mà dù biến tướng thành hình
 thể hình thức, có lúc biến thành hình thức sương mù,
 có lúc biến thành hình thức mây khói...v.v.....
 nhưng nó không mất bản chất của tán nhưốt.
 Những chủng tử có nguồn gốc đây ở trạng thái nguyên thể được phân loại trên
 ba dạng thức: một dạng thức thuộc về cảnh giới,
 một dạng thức thuộc về tâm lý và một dạng thức thuộc về vật lý.

a)- Một Dạng Thức Thuộc Về Cảnh

Giới:

Những chủng tử cảnh giới trong nội tâm A Lại Da
 Đà đều tiên chính là cảnh giới ẩn nấp được phát nguồn từ cảnh giới
 bá oử a chú Phật trong mười phương nơi thế giới chân như ẩn hiện. Cảnh giới
 y
 bá oử a chú Phật trong mười phương thí dụ như mặt trăng thiệ trên trời xanh,
 còn những chủng tử cảnh giới ẩn nấp thí dụ như mặt trăng dưới đáy hồ;
 mặt trăng dưới đáy hồ là ẩn nấp được cảnh hiện từ nơi mặt trăng thiệ trên trời xa
 nh,
 giả sử nếu không có mặt trăng thiệ trên trời xanh thì hẳn định không mặt trăng
 ẩn nấp dưới đáy hồ, cũng thế nếu không có cảnh giới y
 bá oử a chú Phật trong mười phương ẩn hiện thì hẳn định không có chủng tử
 cảnh giới ẩn nấp trong nội tâm A Lại Da
 và nếu không có chủng tử cảnh giới ẩn nấp trong nội tâm A Lại Da
 thì hẳn định không có cảnh giới nghiệp duyên sa nà y nơi thế giới ngoài cảnh.

Cảnh giới y báo của chư Phật trong mười phương, theo Biện Trung Biên Luận Tụng Thích chính là cảnh giới Trung Đạo Thắng Nghĩa. Điều này được thấy trong quyển “Biện Trung Biên Luận Tụng Thích”, dịch giả Thích Thắng Hoan, nơi Lời Dịch Giả có đoạn nói: “Theo Luận này, Trung Đạo Thắng Nghĩa là cảnh giới thù thắng y báo của chư Phật, nguyên vì hai chữ Thắng Nghĩa mà luận này giải thích chính là chỉ hoc cảnh giới thù thắng.

Trung Đạo Thắng Nghĩa đích thực là quả của Bồ Tát Đạo, chư Phật nhờ nhân Bồ Tát Đạo mà chứng được quả Pháp Thân chánh báo và cảnh giới Niết Bàn y báo của chư Phật an trụ. Cảnh giới Niết Bàn y báo cũng chính là cảnh giới Trung Đạo Thắng Nghĩa; điều đó không khác nào như người học ngành y khoa là nguyên nhân và thi đậu thành Bác Sĩ là kết quả chánh báo, đồng thời là thương hay phòng mạch là cảnh giới y báo của Bác Sĩ sinh hoạt.”

Tâm A Lại Da của ai đầu tiên tiếp nhận cảnh giới của chư Phật trong mười phương? Người tu hành khi thành Phật có trở lại thành chúng sanh nữa không?

Tâm Thức A Lại Da của ai đầu tiên tiếp nhận cảnh giới của chư Phật? Trước khi giải thích vấn đề này, chúng ta cần phải duyệt qua nguyên tắc để được thành Phật.

Nguyên tắc để thành Phật mà tất cả các Kinh Phật đều giải thích qua, nghĩa là muốn thành một vị Phật phải trải qua bang nguyên tắc là tự giác, giá tha,

hạnh nguyện giác ngộ đã viên mãn. Nguyên tắc tự giác, nghĩa là người tu hành phải xoá sạch tất cả chủng tử phiền não chướng tử vô lượng kiếp về trước trong

TàngThứcALại Da khôngcònđáuvết. Nguyêntấcgiáctha, nghĩlàngườiituhànhphảixoásạchtấtcảcảnhgiớisở tri chướngrầnsahoặcvàvôminhhoặctrongTàngThức A lại Da cũngừvôlượngkiếpvềtrước. Sau khihoàntấttựgiácvàgiácthathìhạnhnguyệngiácnộcủanguườiituhànhđãh oàntất, nghĩlàngườiđóđãchuyểntàngThứcALại Da trởthànhTríĐạiviênCảnh,tứcnườiituhànhđóđãđượcthànhPhật. Cũngừýnghĩanày, cácvịBồTátHuyềnthừa, nghĩlàhọchưathànhBồTátĐạithừa, tronglúcđómặcdùhộđãxoásạchtấtcảphiềnnãochướngvàcảnhgiớisở tri chướngrầnsahoặctrongTàngThứcLại Da củahọ, nhứngvôminhhoặccủahọchưaxoásạch, chonêntàngThức A lại Da củahọchưachuyểndượcthànhTríĐạiviênCảnh. Vô Minh HoặccủacácvịBồTátHuyềnthừađãbámdínhchặtlâuđờilâukiếpvàotron gTàngThức A lại Da củahọ, cũngiốngnhứttámgườngsoimặtdãbịbụibậmbámdínhchặtvàolâuđời;điề uđặcbiệtởchỗngườixoábụitrêntámgườngsoimặt, bụisạchtớidãuthìcảnhbênngoàihiệnvàorõnétdếndó, mặcdùbụitrêntámgườngđây chưasạchhoàntoànnhưxưa.Thìđây cũngvây , BồTátHuyềnthưaxoábụitrầnvôminhtrêntámgườngTàngThứcALại Da, bụitrầnvôminhsạchtớidãuthìcảnhgiớiniếtBàn củachưPhậthiệnvàotám gườngTàngThức A lại Da đếndó, mặcdùbụitrầnvôminhchưasạchhoàntoàn.Trongkhiđangxoátiếpbụitrầnvôminh, nhứngcảnhgiớiniếtBàn tịchtịnhliềnnhiệntronggườngTàngThức A Lại Da củacácvịBồTátHuyềnthưahiệnlênrấtlàđẹpđẽ,

các vị Bồ Tát này tự thấy vô cùng thích thú và tưởng rằng mình đã chứng đắc liề
 n trụ và đó không tiến thêm nữa, cũng như các bậc chứng quả A La
 Hán liên trụ và quả vị của mình không tiến qua
 quả vị Bồ Tát; đó là lối rẽ đầu tiên của các vị Bồ Tát
 Huyền Thừa. Các vị Bồ Tát nói trên vì đammê cảnh giới Niết Bàn nhiễm nhiễm tro
 ng gương Tạng Thức A Lại Da của các vị,
 vì sự đammê, các vị nói trên chun và o cảnh giới Niết Bàn nhiễm nhiễm sanh hoạt;
 trường hợp này cũng giống như một chành thanh niên đammê một cô gái inà o đ
 ó, vì quá đammê,
 tối lại an nhàn mớ thấy mình cùng đi với cô gái đó trong mộng. Hiện tượng này
 trong bài Sám Quy Mạng: “Uổng nhập mê lưu, tùy sanh tử dĩ phiê utrâm.”,
 nghĩa là uổng và o dòng mê (đammê,
 mê vọng), chạy theo sanh tử để nổi chìm. Đây là khởi đi để đầu tiên cho sự luân
 hồi sanh tử của các vị Bồ Tát Huyền Thừa,
 nghĩa là từ cảnh giới Niết Bàn tịch tịnh nhiễm nhiễm của chư Phật liên chuyển
 sang chũn từ cảnh giới Niết Bàn nhiễm nhiễm đuyê trong Tạng Thức A Lại
 Da của các vị Bồ Tát Huyền Thừa.

Còn câu hỏi,

người tu hành khi thành Phật có trở lại thành chúng sanh nữa không?

Có thể khẳng định, người tu hành khi thành Phật không bao
 giờ thành chúng sanh trở lại, thí dụ như người trở thành bác sĩ thì người đó có
 bao giờ trở lại người chưa đi học Bác Sĩ;
 cũng như chậu nước đục ngầu đem đi lóng trong và có bao
 giờ đem chậu nước trong vừalóng quậ y đục trở lại như ban đầu được không?
 Hỏi tức là đã trả lời rồi.

Chũn từ cảnh giới nhiễm tử trong nội tâm đượcnội kết từ nước cảnh giới Niết Bàn
 y

báo củachưPhậtttrongmườiphươngchínhlànhântướng,cònảnhgiớivọnghiệnđầutiênnơingoaicảnhđượcphátxuấttừnơichungtửcảnhgiớỉảnhửcủachưPhậtttrongmườiphươngchínhlàquảtướngvàthếgiớiquảtướngđầutiênnơingoaicảnhnày cũngchínhlà môhìnhkiểumãđầutiênde chocácthếgiớinghiệpduyênvêsaunươngtựasanhkhởi.Chúngtửcảnhgiớỉảnhửtrongnộitâm cũngđượcghepvàoloạichungtửcónguồngốc (bảnhữuchungtử), vìnhữngchungtửcảnhgiớinày chínhlàcảnhgiớỉảnhử củachưPhậtttrongmườiphươngđã đượcnộikết.Cònnhữngchungtửcủaảnhgiớinghiệpduyênnộitâm A Lại Da cũngchínhlànhữngảnhửcủaảnhgiớivọnghiệnthuộccquảtướngnơingoaicảnhđãnộikếtđểlànhântướng,chonênnhữngchungtửcủaảnhgiớinghiệpduyênnày cũngđượcgọilàchungtửkhôncónguồngốc (thủkhởichungtử).

b). MộtDạngThứcThuộcVềTâmLý:

Nhữngchungtử tâm lý này cũnglà nănglựccónguồngốc,nghĩalàchúngđều đượcphátsanhtừtâmtrivàchúngchọnấychântâmlà mthểchomình, vithếchúngđượcgọilàchungtửcónguồngốc (bảnhữuchungtử), nguyên do bảntánhcủachúngđãlàbảnchấttânthật, làtrítuệ sángsuốtchonênnongđóchúngkhôncóvấnđềsanhdiệttănggiảm vàchúngchỉcóvấnđề tácdụng hay không tácdụng màthôi; chúngkhítácdụngthìcó mặttrongtấtcảvạnphápđểsanhhoạtvàkhikhông tácdụngthìchúngtrởvềbảntánhnàyên.Sự tácdụng haykhông tácdụng củachúngthídụngnhưsáu TâmThứctrước, từNhãnThức, NhĩThức, TỷThức, ThiệtThức, ThânThứcvà Ý Thức, khichúng tácdụngthìchúng ta thức, khichúngkhông tácdụngthìchúng ta

ngủ, khichúngđịchơithìchúng ta nămở.
Nănglựccủachúngkhisanhhoạtkhôngcóvấndềtăngtrởng hay
giảmthiểu, màởđâychỉcóvấndềsinhhoạttùyduyên; nghĩalàởbốicảnh
to

lớnthìnănglựccủachúngmởrộngvàởbốicảnhnhỏbéthìnănglựccủachúng
thu hẹp.Nănglựccủachúngthídụnghư nănglựccủadòngđiện,
nănglựccủadòngđiệnkhiởbốicảnhbóngđèn một100
wattthiánhángđiệnmởrộngra xa, cònkhiởbốicảnhbóngđèn 5 volt
thiánhángđiệnthu hẹpnhỏ lại.Nhữngbảntánhnày củachúngđều an
trụnoichântâmđểlàmđiểmmựachoviệctácđụngsanhkhỏideểbiếnthànhhìn
htướng, thếênchúngcũngđượcgoibảntánhtrụchủng.
Bảntánhcủanhữngchúngtửnàyđều an trụnoichântâm,
chọnlấychântâmlàmtếccủamình. Bảntánhcủanhữngchúngtửnày,
theoKhảoNghiệmDuyThứcHọcquyễn I cùngmộttácgiả, trang 255
giảithích:

“TánhchấtnghyênthểcủahạtgioਂgtámThứcTâmVươngchínhlàchỉchotá
nhchấtrítuệccủaTạngNhưLại. TánhchấtrítuệccủaTạngnhulai an
trụtrongphápướngcủamỗitâmthứcđểbiếnthànhhạtgioਂgtámThứcTâm
Vương.”

Nhữngchúngtửđâyđổivớinguồnthểcủachúngnócòncótênnữlàtựchứng
phần; tựchứngphần, theoKhảoNghiệmDuyThứcHọcquyễn I,
củathíchThắngHoan, trang 149 giảithích:
“làphầnthểchấtcủaTâmThức,
phầnnàycókhả năngkiểmsoátvàchứngthựcsựhiểubiếtvạnpháphoặcdún
ghoặcsaicủakiếnphần (phần tácdụnghiểubiết) nóitrên.”
ĐâylàchỉhochúngtửcủatámThứcTâmVương.

TámThứcTâmVươngnghĩalà támâmthứcnàychuyênlàmchủnhậnthứcv

à nếu như không có tâm thức này góp mặt thì không có nhận thức và cũng không có thế gian.

Từ đó tánh chất của những chúng từ nay nhà Duy Thức gọi là chúng tử có gốc (bản hữu chúng tử).

c). Một Dạng Thức Thuộc Về Vật Lý:

Dạng thức vật lý nghĩa là hình thức về nguyên lý của vật chất. Nguyên lý của vật chất ở đây là chỉ bốn nguyên lý tứ đại; bốn nguyên lý này gọi là đại, và chúng có mặt khắp cả không gian haicõi (cõi dục và cõi sắc) và thời gian từ quá khứ vô lượng kiếp về trước cho đến vị lai muôn đời về sau nên gọi là Đại. Bốn nguyên lý này gồm có: đất, nước, gió, lửa. Bốn nguyên lý này chính là nguồn gốc sanh ra vạn pháp về vật chất trong thế gian. Theo

Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển I cùng một tác giả, trang 254 giải thích bốn nguyên lý này như sau:

“Bốn nguyên lý hạt giống này khi chưa tác dụng vẫn còn ở vị trí năng lực đờnthuần của đất, nước, gió, lửa. Bốn nguyên lý tứ đại ở trạng thái năng lực đều thuộc về bản thể của vật chất và cũng là nguyên nhân để sanh ra vật chất. Nguồn gốc phát sanh ra bốn nguyên lý tứ đại chính là Thức A Lại Da, nguyên vì thể tánh của thức này cũng là năng lực.” Năng lực của Thức A Lại Da

nơi nơi khi cộng nghiệp tập khí của các phiềnnãovô minh để tạothành chúng tử nghiệp tướng của bốn năng lực tứ đại. Trường hợp này cũng tương tự như ánh sáng mặt trời chung và không khí, trong đó có hơi nước, mây mù..v.v..... tạothành cầu vồng (rainbow). Năng lực Thức A Lại Da

chun và o chun g tởn g h iệ p tởn g củ a đấ t, nước, gió, lử a biế n th à n h b ố n n ă n g lự c tởn đạ i.

Thi đ ụ n hử đ iệ n lự c là m ộ t n ă n g lự c và n ă n g lự c n à y chun và o n g h iệ p tởn g b ố n g đ ề n th i ph ấ t r a á n h s ắ n g, chun và o n g h iệ p tởn g m ấ y ph ấ t th à n h th i ph ấ t r a tiế n g, chun và o m ấ y ph ấ t n h iệ t th i ph ấ t r a sứ c n ố n g, chun và o qu ấ t m ấ y th i ph ấ t r a g ió ..v..v.....N ă n g lự c củ a Thứ c A L ậ i D a là m ộ t th ậ t th ể ch ơ n ê n b ố n n ă n g lự c củ a n g u y ê n l ý tởn đạ i cũ n g là m ộ t th ự c th ể . N h ữ n g đ iề u đ ặ c b iệ t b ố n n ă n g lự c củ a tởn đạ i ch i th ậ t th ể n ơ i th ế g i a n c ó v ậ t c h ấ t và k h ơ n g th ậ t th ể n ơ i th ế g i ớ i c h ầ n h ư k h ơ n g v ậ t c h ấ t, n g u y ê n v ì n ơ i th ế g i ớ i c h ầ n h ư, n ă n g lự c Thứ c A L ậ i D a chuyế n th à n h n ă n g lự c củ a t r í Đạ i V i ề n C ả n h th i lú c đ ố n n ă n g lự c củ a tởn đạ i cũ n g b iế n th ể th ơ đ ể r ồ i m ấ t đ ạng . B ố n n ă n g lự c củ a n g u y ê n l ý tởn đạ i cũ n g là m ộ t th ậ t th ể ch ơ n ê n cũ n g đ ượ c g h ế p và o l ọ a i ch ũ n g tởn c ó n g ồ n g ố c (b ả n hữ u ch ũ n g tởn).

2.- Những Chũn g Tởn K h ơ n g C ó N g u ồ n

G ố c:

N g o à i ch ũ n g tởn t ấ m Thứ c T ầ m V ườ n g và ch ũ n g Tởn Tởn Đạ i c ó n g ồ n g ố c, c ò n c ó n hữ n g ch ũ n g tởn k h ấ c đ o n h iề u đ ờ i n h iề u k iế p h u ầ n t ậ p (n ộ i k ế t) th à n h h i n h t ườ n g ch ũ n g tởn, đ ượ c g ọ i c h u n g là th i k h ỏ i ch ũ n g tởn; th i k h ỏ i ch ũ n g tởn g h i ấ l ầ n hữ n g ch ũ n g tởn m ớ i s ả n h k h ỏ i s ả n n à y s ố v ớ i n hữ n g ch ũ n g tởn củ a t ấ m Thứ c T ầ m V ườ n g và ch ũ n g tởn củ a Tởn Đạ i th i c h ứ n g k h ơ n g c ó n g ồ n g ố c.

B ả n c h ấ t n hữ n g ch ũ n g tởn k h ơ n g c ó n g ồ n g ố c n à y (th i k h ỏ i ch ũ n g tởn)

t ồ n g q u ấ t g ồ m c ó h ầ i l ọ a i:

m ộ t l ọ a i t h ụ c v ề n g h iệ p lự c và m ộ t l ọ a i t h ụ c v ề n g h iệ p tởn g.

A/- Một Loại Thuộc Về Nghiệp Lực:

Loại nghiệp lực thì không có hình tướng, chỉ toàn là năng lực dùng để thúc đẩy, để lôi kéo và chúng nó được kết tụ thành những chủng tử. Trong những chủng tử nghiệp lực, có những chủng tử thuộc loại nghiệp thiện, có những chủng tử thuộc loại nghiệp ác và có những chủng tử thuộc loại nghiệp không thiện không ác (nghiệp trung tính). Tất cả chủng tử nghiệp lực này đều được tàng trữ trong Tâm Thức ALại. Đak không ngoài mục đích nhằm để chỉ đạo thúc đẩy cho tất cả con người tiến thân trong chiều hướng thiện hay trí tuệ để lôi kéo tất cả con người đi trong chiều hướng đạo lạc. Trước hết những chủng tử nghiệp thiện như ởng dẫn con người hành động, nó nâng và ý nghĩ theo chiều hướng thiện để được an lạc, hạnh phúc chân thật; những chủng tử nghiệp thiện này cũng thuộc về loại tâm lý và chúng chỉ đạo cho các tâm vương sinh hoạt theo chúng quyết định. Những chủng tử nghiệp thiện này gồm có: tín, tinh tấn, từ, quý, vô tham, vô sân, vô si, kính an, bất phóng dật, hành xả, bất hại.

a)- Những Chủng Tử Nghiệp Thiện:

Thiện là lương thiện, là hiền lành, chúng hoàn toàn tốt đẹp. Nghiệp là một thứ năng thuần nhất, có khả năng hướng dẫn con người đi vào con đường chân thiện mỹ của những bậc xuất thế. Chủng Tử Nghiệp Thiện là những hạt giống

nghiệp lựctâm lý mang tánh chất thán thiện nhằm chỉ đạo con người chuyên cần là những việc lợi ích cho chúng sanh.

Tất cả muôn pháp là nhữcửathếgiandềunươngnhờchúngtửtâm lý nghiệp thiện này để sanh trưởng.

Mười một chủng tử tâm lý nghiệp thiện này được giải thích như sau:

1, Tín (Faith): là tâm lý tin tưởng, đức tin. Tâm lý tin tưởng nghĩa là tin tưởng một cách chân thành và chân chánh và on những điều mình đã chọn lựa kỳ càng. Đức tin, nghĩa là tin tưởng chân thật có bản chất: thật, đức và năng.

a/- Thật: nghĩa là tin tưởng chân thật về phương diện sự tướng và tin tưởng chân thật về mặt lý tánh.

*- Tin tưởng chân thật về phương diện sự tướng, về hiện tượng trong thế gian như, tin tưởng luật nhân quả, luân hồi, thiện ác, nghiệp báo.

*- Tin tưởng chân thật về phương diện chân lý như, tin tưởng lý Duy Thức có khả năng cải tạo con người trở thành bậc A La Hán, Bồ Tát và Phật.

b/- Đức: là đức tánh, là giá trị, nghĩa là tạo o đức tánh cho con người có giá trị về sự tin tưởng nói trên trở nên hoàn toàn thanh tịnh và chân chánh.

c/- Năng, là năng lực chuyển hoá, nghĩa là năng lực tin tưởng chân thật có khả năng chuyển hoá con người từ hạng thấp trở nên bậc thánh, biến đổi thế gian ác trở về tốt trở thành thế gian an lạc và thanh tịnh.

Công dụng của tâm lý này nhằm mục đích đối trị tâm lý bất tín (tâm lý không tin tưởng) và khiến con người luôn luôn say mê làm việc lành, làm một cách thích thú.

Thí dụ, học thuyết Duy Thức nhằm đưa ra luyện con người có đức tin chân chánh và đức tin đó được thể hiện một cách kiên cố qua bốn phương diện sau đây:

***-Phương diện sự thật:**

Duy Thức Học trình bày hiện tượng tâm lý và vật lý của con người, của vạn pháp trong thế gian một cách cụ thể, trình bày có tác dụng khoa học và thực tế. Duy Thức Học giải thích nguyên lý của vạn pháp một cách tinh tường, rõ ràng, sâu sắc, không mơ hồ, khiến người học nghiên cứu dễ dàng tiếp thu và dễ dàng nhận thức.

***- Phương diện lý thật:** Duy Thức Học hướng dẫn con người nhận chân được thể tánh của vạn pháp và nguồn gốc phát sinh ra thân thể cũng như tâm linh của con người qua ngưỡng cửa Duy Thức. Duy Thức Học trình bày những nguyên lý trên rất có phương pháp, công nghệ thuật, bắt đầu khởi đi từ nơi sự tương (từ nơi hình thức) để hiện bày được lý tánh của vạn pháp,

dẫn dụ một cách khéo léo để giúp cho con người ghiên cứu hạnh phúc, không bị lầm lạc và không bị lầm lạc về sự tương ứng như về lý tánh.

*- **Phương diện đức tánh**: Duy Thức Học nhằm mục đích đào luyện con người trở nên chơn thật và giúp đỡ con người không bị lầm lạc bởi những tà thuyết, bởi những tà giáo mê hoặc, lôi kéo, dụ dỗ.

Người nào hiểu thấu được lý Duy Thức một cách tường tận thì người đó nhất định sẽ có tâm minh rất sâu xa, có chánh tri kiến thật thông suốt.

*- **Phương diện công năng**: Chúng ta tin tưởng rằng, phương pháp tập quán chiếu của Duy Thức có khả năng chuyển hoá con người trở thành đức Phật và kiến tạo xã hội trở thành thế giới thanh tịnh an lạc. Người có tâm lý này không bao giờ thiếu đức tin.

2, Tinh Tấn (Effort), có chỗ gọi là Cần. Tinh tấn nghĩa là tâm lý siêng năng, hăng hái tiến tới mà không ngừng. Trạng thái tâm lý này sanh hoạt thường khi đến con người siêng năng, chuyên cần đoạn trừ các vi phạm, và thực hành các việc lành, nghĩa là những điều tội ác chưa sanh khởi thì hướng dẫn con người cương quyết ngăn ngừa không cho chúng nó sanh khởi. Còn những điều tội ác đã sanh khởi thì hướng dẫn con người cố gắng diệt trừ tận gốc. Ngược lại, những điều thiện chưa sanh khởi thì thúc đẩy con người quyết định thực hiện cho kỳ được bằng cách tạo dựng những duyên thuận lợi khiến cho chúng nó sanh khởi. Còn những điều thiện đã sanh khởi thì con

người cố gắng thúc đẩy trợ lực giúp cho chúng nó cho được tăng trưởng lớn mạnh. Tâm lý này có năm tánh chất:

a>-Bi Giá Tinh Tấn: nghĩa là tiến tới mãi không bao giờ sợ chết, cũng giống như chiến sĩ mặc áo giáp ra trận.

Thí dụ, Khi có đức tin chánh pháp, Hoà Thượng Thích Quảng Đức can đảm tự thiêu vào năm 1963 để bảo vệ lý tưởng Phật Giáo hiện đang bị một chế độ hà khắc kỳ thị, đàn áp và tiêu diệt tôn giáo.

b>- Gia Hanh Tinh Tấn: nghĩa là siêng năng giác ngộ cố sức thực hiện cho kỳ được những điều mà mình đã tin tưởng, dù chogặp phải bao khó khăn gian khổ đến mức nào thì chảnh nghĩ cũng không nản chí.

Thí dụ, người tu hành khi chọn một pháp môn nào thích hợp, hộtậ tâm giác ngộ tu luyện, thực tập mãi không bao giờ nản chí và ngã lòng. Họ tu mãi cho đến khi công thành quả mãn, đạt đến mục đích những điều mà họ đã chọn. Trên đường tu tập, dù chogặp phải những trở ngại và những khó khăn, họ cũng không ngã lòng.

c>- Vô Hạ Tinh Tấn: nghĩa là tiến lên mãi không chệudừng bước. Người tu tập tin tấn này thì cương quyết tiến lên mãi không thôi, cố đạt đến mục đích cuối cùng những điều mà họ mong muốn.

Thí dụ, người tu thiền định, khi chứng được bậc Sơ Thiên (Thiền đầu tiên) thì lại không chệudừng chân tại đó.

Họ vẫn tiếp tục chuẩn bị tu tập tiến lên thêm nữa cho đến khi nào đạt được bậc

uối cùng là Tứ Thiên
một trong bốn bậc thiền định mà họ đã chọn.

(Thiền thứ tư),

d>- Vô Thoái Tinh Tấn: nghĩa là tiến tới mãi không bao
giờ thối chí ngã lòng dù chophải trả với gì rất đỗi.

Thí dụ, trên con đường học,
người tu thiền nếu như bị thất bại cách này thì tiếp tục cách khác.

Họ tập không bao giờ nản chí, không bao giờ ngã lòng và không bao
giờ bỏ cuộc gì nữa dù trên đường trước những công trình tu học mà họ đã đi qua.

e>- Vô Túc Tinh Tấn: nghĩa là hăng hái tiến lên mãi không bao
giờ biết đủ hoặc dừng bước để an phận.

Thí dụ, trên đường học, người tu thiền đã trải qua nhiều cấp bậc,
nhiều địa vị của sự chứng đắc. Tuy mỗi cấp bậc,

mỗi địa vị có đôi chút phước báo riêng, danh vọng riêng,
nhưng họ không cho là đầy đủ và không chi dùng chôn để thụ hưởng.

Học cứ hăng hái tiến lên mãi cho đến khi nào đạt được mục đích cuối cùng là tà
nh Phật thì chừa đó họ mới mãn nguyện.

Đặc tánh của tâm lý tinh tấn là đối trị tâm lý già đi để cho việc là nh được hoàn
thành một cách viên mãn.

3, Tàm (Shame): là tự xấu hổ riêng mình.

Trạng thái tâm lý này thường tôn trọng danh dự cá nhân, chonên khiến con
người không làm những điều tội ác để có thể tổn hại đến thanh danh.

Nếu như người nào lỡ làm đã phạm những điều tội lỗi,

mặc dù người khác chưa

hay

biết, nhưng tâm lý này khiến họ rên gục cảm thấy xấu hổ,
cảm thấy lương tâm bị cắn rứt không sao chịu được, Cho
nên họ vẫn nơm nớp sợ hãi chử anh hùng lỗi lầm mà họ đã lỡ gây nên và từ đó họ
hông còn tiếp tục hành động phạm pháp nữa. Đặc tánh tâm lý này là đối tritâm
lý vô tà m để ngăn ngừa việc cáckhôngchophátsanh.

Thí dụ, đạo hữu A là người tiêubiểu đạo đức duy nhất trong xóm,
nguyên vì đạo hữu đã thối giới Bồ Tát. Đứng trước bao nhiêu sắc đẹp cámdỗ,
đạo hữu khéoléotránh né.

Bởi vì đạo hữu sợ mất danh giá củamình mà lối xóm ai cũng tin
tưởng và kính trọng. Một hôm, đạo hữu lạixiêu lòng bởimột cô M
dùng sắc đẹp quyến rũ mọi cách. Nhưng khi đã lỡ phạm giới,
mặc dù lối xóm chưa ai biết đến, đạo hữu tự mình cảm thấy xấu hổ,
cắn rứt lương tâm không sao chịu được,
liên nơm nớp sợ hãi và phátnghuyện từ đây chừabỏ hẳn,
khôngchotáiphạm nữa.

4, Quý (Embarrassment):
là thẹn với người. Trạng thái tâm lý này thường khiến con
người tởn trong dư luận xã hội,
chonên họ không dám làm những điều tội ác. Một khi lầm lỡ hành động những
điều tội lỗi, họ liền cảm thấy e thẹn trước quần chúng và vô cùng lo
sợ không chịu nổi dư luận củaxãhội.
Đặc tánh tâm lý này nhằm đối tritâm lý vô quý và ngăn ngừa những việc tội lỗi
khôngchophátsanh.

Thí dụ, anh B
 cũng là một đạo hữu trong xóm và cũng đã thọ Bồ Tát Giới giống như anh A.
 Nhưng anh ta thường lén lút đi đêm với cô M. Bà con
 lối xóm nghe thấy cùng nhà bạn tán về anh. Anh B
 nghe được liền cảm thấy thẹn thuồng với mọi người, rồi tự động bỏ hẳn,
 không còn tá phạ nữa.

5, Vô Tham (Non-Attachment): là không tham lam.
 Trạng thái tâm lý này khiến con
 người không tham đắm những cảm nhận dục lạc giả tạo trong thế gian.
 Họ sẽ như có thừa của cải thì thích bố thí cho những kẻ thiếu thốn.
 Họ bố thí một cách vui vẻ và không tỏ thái độ hối tiếc trong khi cho.
 Họ sẽ như không có thừa của cải thì cũng không tham cầu những gì quá khả
 năng. Đặc tánh tâm lý này thường hay thúc đẩy con
 người mở rộng tình thương đối với mọi người và mọi vật, họ thích lo
 giúp đỡ cho những kẻ khổ sở và hy sinh hết mình không quan ngại khó khăn.
 Tâm lý này thường đối trị tâm lý tham khiếm không cho phát sanh.

Thí dụ, một Bác sĩ C cư ngụ tại một tỉnh thuộc miền nam Việt Nam. Và năm
 1950, Bác sĩ là một người tham lam nhất trong vùng,
 là kẻ ăn hối lộ số một nơi tỉnh này. Mọi người, ai
 cũng phải nể mặt và sợ uy quyền của Bác sĩ với chức vụ cao cấp trong chánh qu
 yền. Về sau khi được đạo đức giá o dục,
 Bác sĩ hồi tâm hướng thiện liền trở thành một Phật tử chân chính của các chùa.
 Từ đó Bác sĩ đã không tham cầu tiền tài và danh vọng nơi thế gian,
 lại còn phát tâm Bồ đề dùng mã nh tịnh tấn bố thí cho những người nghèo khổ đó
 i khổ và lúc bấy giờ ông được lòng dân chúng ủng hộ.

6, Vô Sân (Non-Hatred): là không sân hận, nghĩa là không nóng giận và cũng không thù hận.

Trạng thái tâm lý này thường khiến con người khi đối diện trước những nghịch cảnh trái ngược luôn luôn vẫn giữ thái độ bình tĩnh, an nhiên tự tại. Họ không bao giờ thù hận với những ai đã từng cố ý gây đau khổ cho họ và nếu như gặp phải những hoàn cảnh bất hạnh, đến tối, họ chẳng những cảm tâm nhận chịu, không chút thở than, trách móc số phận. Nếu ai làm cho họ đau khổ, gây cho họ oan khiên, họ cũng không thù ghét, cũng không trách cứ ai, đã vậy lại còn thương hại, lại còn khoan dung tha thứ cho những kẻ đã làm lỗi. Đặc tính tâm lý này thường đối trị và chặn đứng tâm lý sân hận không cho phát sanh.

Thí dụ, chị K trước đây thường hay sân hận, ưa gây gỗ, ưa nói sáo, gặp ai thì gây nấy. Câu chuyện thì ít nhưng chửi lại xích ra cho thêm nhiều, thêm lớn. Câu chuyện thì quá bé nhỏ, nhưng chửi lại xích ra cho to lớn. Chị ạ ơn nhiều thù oán với những người chung quanh. Ngày nay nhờ đạodức giáo dục, chị trở thành người hiền lương, ít nói. Nhiều người khiêu khích chị, hạ chị, nhưng chị đã không bực tức, không thù oán họ mà lại còn thương hại và giúp đỡ mỗi khi họ gặp phải những tai nạn khổ đau. Người đời thường cho chị là kẻ hiền như ông Phật.

7, Vô Si (Non-Ignorance): là không ngu si mê muội. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người khi đối diện với vạn pháp về mặt sự tướng cũng như về mặt lý tánh đều sáng suốt, đều hiểu biết một cách thông minh,

phân biệt rõ ràng lẽ chán tà, chân vọng, không còn chút mờ ám, mê muội và lừa dối. Đặc tính của tâm lý này là đối trị tâm lý si mê không choph át sanh.

Thí dụ, chúng ta mỗi khi đã hiểu được lý Duy Thức một cách tường tận và rõ ràng thì đối với những chủ trương có chân chánh hay sai lầm của bao nhiêu học thuyết hay của bao nhiêu tông giáo đều nhận định rất sáng suốt, không còn bị si mê lừa dối và cũng không còn bị ai dụ dỗ hay lừa dối nữa.

8, Khinh An (Pliancy): là nhẹ nhàng và an định. Trạng thái tâm lý này khiến cho tâm con người trở nên nhẹ nhàng, thư thái, an nhiên tự tại và điềm tĩnh trước những vấn đề, trước những biến cố tai họa khiêu khích. Thân tâm của kẻ khinh an thì không bao giờ chao động mỗi khi đối diện với bất cứ vấn đề khổ đau của cuộc đời. Người khinh an thì không vui mừng trước những điều may mắn mang đến cho họ và cũng không lo sợ một khi rủi ro dồn dập xảy ra cho họ, nghĩ là những lo âu, buồn khổ, hối tiếc không bao giờ khuấy động tâm tư của kẻ khinh an. Đặc tính của tâm lý này là đối trị tâm lý hôn trầm.

Thí dụ 1: Anh B lãnh một trọng trách nặng nề với ông chủ là phải hoàn tất công việc trong thời gian sớm nhất là mười ngày mà ông chủ đã giao phó. Anh lập tức chuyên cần dù mệt mỏi với công việc đó để sớm được hoàn thành. Khi hoàn tất công việc đúng kỳ hạn mà ông chủ đã quy định, anh liền thở một hơi dài thoải mái, cảm thấy nhẹ nhàng,

thư thái như vờ như trút xuống một gánh nặng trên vai. Đó là trạng thái khi anh an mà anh B đã được thụ hưởng trong giờ phút an lạc trên.

Thí dụ 2: anh A nhờ tu hành chính chắn lâu năm, nên không còn mang bệnh chấp trước nữa.

Một cái anh luôn luôn nở nụ cười hiếu. Bao

niên phiến nào không còn khuấy đục trong tâm hồn của anh.

Bởi thế anh cảm thấy trong người của mình nhẹ nhàng, thư thái, dù cho ở bất kỳ hoàn cảnh nào. Tâm hồn nhẹ nhàng,

thư thái thường được biểu lộ nơi con người của anh qua phong cách đi đứng, nói năng, giao thiệp và cư xử với mọi người chung quanh. Đối với họ, anh A không bao giờ tỏ thái độ bực tức, khổ sở, hoặc bất trí trước mọi hoàn cảnh đâu thương thử thách.

9, Bất Phóng Dật (Conscientiousness): là không buông lung, không phóng túng. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người mỗi khi sinh hoạt luôn luôn kèm chế tâm trong khuôn khổ đạo đức. Người có tánh không buông lung là người rất mực tận tụy và chuyên cần trong những công việc thực hiện các điều thiện. Bất cứ giờ phút nào, họ cũng quan tâm ngăn ngừa những việc cácmột cách thận trọng không cho chúng phát sanh. Người không buông lung thì thường siêng năng thú liễm tâm không cho tự do phóng túng, thường gìn giữ phong cách trong những cử chỉ đi đứng, nằmgồi, ý nghĩ, nói năng, hành động, làm thế nào biểu lộ được đạo đức thuần lương. Đặc tánh của tâm lý này là đối trị tâm lý phóng dật.

Thí dụ, anh X tu hành tinh tấn,
siêng năng gìn giữ giới luật thật nghiêm minh. Anh
đi đứng nắm giữ điều không bao
giờ trái phạm quy cũ và luật pháp của Thiên môn.

10, Hành Xả (Equanimity): Hành là hành động, Xả là buông bỏ.
Hành xả nghĩa là hành động tạo tác mà không chấp trước.
Trạng thái tâm lý này thường khiến con người không bao giờ chấp trước
hay khoe khoang với bất cứ ai
những thành quả mà họ đã đạt được choặc đã chứng đắc một cách vẻ vang.
Người hành xả thì không quan tâm đến những lời khen chê, không tự hào,
không kể công với mọi người về những việc làm của họ khi họ thi ân bố đức cho
chúng sanh. Những việc phước thiện,
những điều tốt đẹp đối với người hành xả chỉ là phương tiện,
chỉ là chiếc thuyền dùng để đi đến mục đích giải thoát và giải thoát,
mục đích chứng thành Phật quả. Khi chứng quả Phật,
người hành xả cũng bỏ luôn phương tiện,
cũng bỏ luôn chiếc thuyền mà không còn chấp trước nữa,
nghĩa là những phương pháp thực hành, những pháp môn tu học,
những địa vị tốt đẹp, mà dù đó là những pháp lành,
nhưng tất cả chỉ là phương tiện đối với người hành xả trên đường tu tập.
Người hành xả không chon những thứ đó là cứu cánh,
thế nên họ không cần phải cố chấp và bảo thủ. Nhờ buông bỏ tất cả,
thân tâm của người hành xả trở nên an lạc, thanh tịnh, và giải thoát thật sự.
Đặc tánh của tâm lý này là đối trị tâm lý trạo cử không chophát sanh.

Thí dụ, người tụt phạm hạnh hành xả thường sống an lạc, tự tại và giải thoát. Họ không chấp trước, không kiêu cách, không háo danh, không khoe khoang, không lập vị, không làm tướng, không tỏ ra chomọi người biết mình là kẻ lãnh đạo, không tỏ ra mình là bậc chântu để được tôn kính. Con người thanh thoát thường an tịnh, thường thả nhiên, không cảm thấy phiền não sân si nổi lên là bản độn tâm trímỗikhimình đối diện với những kẻ thiếu lễ độ, thiếu cung cách trong lúc xử sự với nhau.

11, BấtHại (Non-Harmfulness):
là không làm tổn hại. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người hay thương xót, chia sẻ và giúp đỡ người khác. Người có tâm lý bất hại điềukhiếnthì không thích chém giết và cũng không bao giờ có tâm giết hại một ai hoặc cố tâm làm tổn thương đến sanh mạng của một sinh vật dưới bất cứ hình thức nào, dù đó là một sinh vật quá nhỏ bé. Người bất hại thường trảirộng tâm từ bi, tôn trọng, bảo vệ sự sống và hạnh phúc của chúng sanh. Đặc tính của tâm lý này là đối trị tâm lý tổn hại khiến không chonóphát sanh.

Thí dụ, anh D
trước kia là người daobúa, chuyên sống nghề đánh thuê chém mướn, giết người không gómtay. Ngày nay anh trở thành kẻ tu hành. Tình thương của anh mở rộng. Anh chẳng những không giết người và lại còn không nỡ giết hại sanh mạng của anhững loàiivật. Anh thường tỏ chức phóng sanh và cứu sống các loàiivật mỗi khi thấy chúng bị tai nạn.

b)- Những Chủng Tử Nghiệp Ác:

Còn những chủng tử tâm lý tội ác như tâm lý tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến.

Những tâm lý này là nguồn gốc của phiền não căn bản và cũng là gốc rễ của vô minh, là nguyên nhân của sanh tử luân hồi. Chúng luôn luôn khiến con người mê lầm chấp trước và bámlấy những ngã tướng pháp tướng giả tạo ở chỗ chân thật; chúng thường hay quá nhiều, thường là mầm oạt tâm trí của con người, khiến cho con người cũng như các chúng sanh hữu tình khác quên mất đi bản tánh chân thật của họ; chúng nó còn lôi kéo, điều khiển sai xử con người chạy theo đuổi bắt những ảo vọng điên đảo của cuộc đời mà chính cuộc đời đó vốn đã giả tạo.

Những tâm lý này còn có tên nữa là chủng tử tâm lý của sanh phiền não.

Câu Sanh Phiền Não, nghĩa là những chủng tử tâm lý phiền não này sanh ra đời cùng một lượt với con người. Nó khác con người hay chúng sanh hữu tình bị sanh tử luân hồi cũng từ nơi chúng và chúng cứ mãi bám víu không chịu buông thả,

chọn nhà Duy Thức gọi chúng là của sanh phiền não.

Sáu chủng tử tâm lý phiền não căn bản gồm có:

1, Tham (Desire): là tham lam đắm nhiễm. Trạng thái tâm lý này thường xúi dục con người tham đắm, nhiễm trước năm dục lạc của thế gian, năm dục lạc như: tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, tham đắm nhiễm trước không bao

giờ biết đủ. Vì tham đắm nhiều trước năm dục lạc nói trên, con người gây ra những điều tội lỗi sản sinh luân hồi trong bao cõi không bao giờ tận ngộ.

Đặc tính tâm lý này thường chận đứng không cho chủn giữ tâm lý vô tham phát sanh.

Thí dụ, vấn đề ăn, mặc và ở là bay ết ốt ất cần thiết cho con người để sống còn trong xã hội. Nhưng con người trong khi ăn uống cộng thêm tâm lý tham và o thì biến thành chứng bệnh tham ăn khó trị. Chừng đó là m cho vấn đề ăn uống trở nên xấu xa vô nghĩa. Cho đến vấn đề mặc và ở đều cũng giống như thế cả.

2, Sân (Anger): là nóng giận. Trạng thái tâm lý này thường hay xúi dục con người phát sanh tức giận, thù ghét, bực dọc, cảm thấy khó chịu trước những nghịch cảnh trái ngang đau khổ dồn dập đến, khiến cuộc sống của họ không được bình yên và khiến tâm của họ mãi bị xáo trộn không được an nhiên tự tại. Những người có tâm sân hận thì lại ham thích gây ra những tội ác trong xã hội.

Đặc tính của tâm lý này thường chận đứng không cho chủn giữ tâm lý vô sân phát sanh.

Thí dụ, anh A và anh B là hai người bạn chí thân với nhau từ lâu. Một hôm vì lời khiêu khích của anh C. hai anh A và B trở nên thù nghịch với nhau, hai người đều nổi sân hận lên, miệng thì chửi, tay thì đánh, đấm đá lẫn nhau từ đời. Họ chửi nhau và đánh nhau, không cần biết ai phải, ai quấy và nếu như lúc đó có người đứng ra hoà giải, hai anh cũng không chịu nghe.

3, Si Mê (Ignorance): là người si mê mù, không sáng suốt (si mê thuộc chi nhánh vô minh). Trạng thái tâm lý này khiến con người thường không sáng suốt trước mọi vấn đề thiện ác, tốt xấu, đúng sai của thế gian. Người si mê thì không thể phân biệt được những lẽ phải quấy, chánh tà, chân vọng của mọi pháp trong thế gian để khỏi bị lầm lạc. Người si mê thuộc loại si mê tởm đoạn, thường cuồng tởm, cứ mãi chạy theo những pháp bất chánh, hành động theo những tà giáo của ngoại đạo. Si mê có hai tánh chất: si mê về lý và si mê về sự:

a, Si mê về lý (lý si): tức là si mê về phương diện chân lý. Si mê về lý, nghĩa là không thông suốt bản tâm chân thật thanh tịnh của mình hiện ở đâu và cũng không nhận chân được bản thể của vạn pháp hiện ở chốn nào. Về phương diện chân lý, người bị si mê lầm lạc, thường mê vọng chấp trước ngã tướng pháp tướng giả tạo của vạn pháp, lầm tư ở ngch là chân thật, rồi cứ mãi điên đảo say mê chạy theo bóng máchấy chúng nó không buông xả. Đây là thuộc về loại vô minh căn bản.

b, Si mê về sự (sự si): tức là si mê về phương diện tự tướng của vạn pháp, nghĩa là không hiểu biết tinh tường mặt thật của những sự vật trong thế gian. Con người si mê về sự tướng không hiểu những sự vật trong thế gian đều do nhân quả nghiệp báo quyết định, lại cho rằng tất cả hoàn toàn thực tại, thường còn, không bao giờ bị sanh diệt biến hoại, chonên bị tà kiến, ác kiến tạo ra rất nhiều pháp tà nhiễm.

Đặc tính của tâm lý này nhằm mục đích đứng chung với tâm lý vô si không cho phát sinh.

Ba chúng tôi tâm lý tham, sân và si mê là đồng gốc chuyên môn là mục đích của sự tu hành của chúng ta và chúng tôi không cho bám môn học giả thoát (giới, định, huệ) tự do phát sinh.

Thí dụ, Tông giáo Ấn Độ là đạo thờ con bò. Họ thần thánh con bò như thần thánh trời Phạm Thiên. Họ quý trọng con bò hơn tánh mạng con người. Họ si mê cuồng tín, không biết đâu là chân vọng và đâu là sai. Người nào khởi tâm thương hại in ể như đứng ra giải thích rõ ràng về sự lý của vạn pháp với mục đích giúp họ sớm giác ngộ được mặt thật của sự việc thì lúc đó họ đã không chịu nghe theo mà lại còn bả o chửi một cách gượng ép để biện hộ cho những điều mê tín mà họ đang tôn thờ. Đạo thờ heo..v..v..... đều cũng giống như thế.

4, Mạn (Pride): là khihin mạn, ngạo mạn. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người tỏ thái độ cao ngạo, hống hách, khinh khimọi người chung quanh. Con người khihin mạn thường đề cao cá nhân trên hết và cho mọi người chung quanh đều là thuộc hạ thấp hèn. Họ ý mình có tài đức chút, hoặc cậy thế lực sẵn có hơn người thường xem ai không ra chi. Họ thường biểu lộ những cử chỉ, bày tỏ những thái độ qua những trường hợp như là: có khi hành động lộ vẻ ra ngoài và cũng có lúc đối xử ngầm giấu bên trong tâm, chúng ta

chỉ để ý đến thì mới nhận biết được sự ngạo mạn của họ.

Tâm lý mà này được phân làm sáu loại như sau:

a,

Man: nghĩa là người khinh mạn, ý mình có đôi chút tài năng hoặc quyềnh thế này o đó thì tự hào, hãnh diện, biểu lộ cử chỉ cao ngạo, hống hách, chỉ thấy mình trên hết và bắt buộc mọi người phải iquanta tâm đến mình.

Còn đối với những kẻ tài năng và quyềnh thế ngang hàng với mình thì đối xử thi ếu phong cách và lễ độ trong khi giao tiếp mọi người trước công chúng.

Thí dụ 1, ông N chỉ có trình độ đệtứnhưngthi rớt, nhưng ông được may mắn có người giúp đỡ đi du học nước ngoài; khi trở về nước ông được mời làm Phó Giám Đốc Ngân Hàng. Thế là ông ra mặt cao ngạo, nhìn mọi người không ra chi. Nhưng ghen ói, sau đó không lâu, ông bị đuổi ra khỏi Ngân Hàng vì không biết làm việc, không có khả năng điều hành công ty, rồi từ đó ông biệt tích không biết đi đâu.

Thí dụ 2, ông T và ông H là hai người bạn thân với nhau và tài năng của hai người đều tương đương nhau. Ông T thì may mắn hơn được phong chức là Giám Đốc của một xí nghiệp phân bón.

Một hôm, ông H muốn gặp ông T để thăm, nên từ Cần Thơ lên thành phố Sài Gòn. Ông T đã không tiếp là nhân viên ra tiếp. Trong khi tiếp chuyện, người nhân viên tỏ thái độ bất cần trước mặt ông H. Ông H bất mãn ra về.

b,

Quá Mạn:

nghĩ là đối với những người tài năng và địa vị ngang hàng với mình, người quá mạn thường tỏ thái độ kiêu cách, tự cho mình hơn họ. Còn đối với những người tài năng và địa vị hơn mình, người quá mạn lại khoe khoang, tự cho mình bằng họ.

Thí dụ 1, cùng một địa vị ngang nhau, trước mặt công chúng, anh X có bệnh quá mạn thích ra mặt thầy đời, tỏ ra mình là người lãnh đạo, tự cho mình là kẻ chỉ huy, đi cá đặ t người này, sai bảo người kia và bắt mọi người phải theo sự điề u khiể n của mình mà thật ra anh X không có nhiệm vụ chi cả.

Thí dụ 2, thấy người ta có địa vị cao sang hơn mình, người có bệnh quá mạn lại ưa thích khoe clác, ưa khoe khoang với mọi người rằng: tài năng ông đó đầ u có hơn tôi, tại ông gặp gỡ thờ i nên mới đượ c địa vị như thế. Tôi ế n như ra lãnh đạ o thì đầ u có thua ông gấ y.

c, Mạn Quá Mạn: nghĩ là tranh lấ y phần hơn. Theo nguyên tắc, người ta thật sự đã hơn mình về khả năng cũ ng như đứ c độ, thế mà mình lại tranh lấ y phần hơn với họ và lên mặt quả quyết rằng mình không thua họ. Ai khuyê n can mình cũ ng không chậ nghe.

Thí dụ, anh A và anh B tranh tài với nhau. Kết quả Ban Giám Khảo chấ m anh A thua anh B. Nhưng anh A không chậ thua, anh việ n đứ lý do phẫ n đố i ch là Ban Giám Khảo bắt công, thiên vị. Anh cương quyết đấ u tranh đò i hỏi anh B phải thilại. Ai có khuyê n can anh cũ ng không nghe.

d, Ngã Mạn: nghĩa là ỷ lại và ô dâm chửi tày nã và quyên thế đã có, con người ngã mạn thường đê cao cá nhân, tự cho mình là quý trọng hơn hết; khi gia otiếp với bất cứ ai, họ thường tự cao, khinh khị và lãn áp mọi người chung quanh.

Thí dụ, anh K là một nhà chánh trị có tài năng và có địa vị trong xã hội, đương kim là một Tỉnh Trưởng. Anh thường tỏ thái độ cao ngạo, tự tôn vinh mình và tự cho mình là nhân vật quan trọng trong xã hội. Cho nên anh ta nhìn mọi người dưới cái pmắt thấ phèn và cho họ không xứng đáng là người để anh ta làm quen. Người nà on ếun hức có tài năng bằng anh ta hoặc cvượt bực hơn anh ta thì người đó bị anh ta tìm mọi cách chèn ép, lãn áp và đề đầu họ xuống không cho người lên.

e,

Tăng Thượng Mạn: nghĩa là những kẻ chưa chứng ngộ đến chỗ chân lý tuyệt đối, chưa đạt được chánh đạo mà lại đi quảng cáo, đi khoe khoang, làm ra vẻ mình đã chứng đắc, nhằm mục đích là mờ mắt mọi người.

Thí dụ, một vị tu pháp môn nà o đó có chuyên nghiệp ô dâm chửi, rồi lập vị, làm tướng, khoe khoang, dùng mọi kỹ thuật quảng cáo cho mọi người biết mình là kẻ đã chứng đắc để mê hoặc chúng sanh. Đồng thời họ đi khoe bai các pháp khác của Phật đê là sai lầm, chỉ có pháp củahọ mới là đúng chân lý..v..v.....

g, Ty Liệt Mạn: nghĩa là biết mình kém tài, kém đứ chớ người ta mà lại vẫn khoe khoang với mọi người rằng: mình có nhiều tài, nhiều đứ chớ họ và đi kích bác người này, chê bai người nọ, cho tất cả không ai bằng mình. Đặc tánh tâm lý này là nguyên nhân sanh ra các tội lỗi và chận đứng không cho tâm lý kinh an phát sanh.

Thí dụ, anh G thì học clem nhem không có bằng cấp chi cả. Nhưng anh ta vẫn khoe khoang và khoe clác với mọi người rằng, anh ta nà o là có chứng chỉ này, có bằng cấp nọ, rồi anh ta mượn áo cử nhân, mượn áo tiến sĩ chụp hình để loè đời. Nhưng khi vào thực tế, anh ta chẳng làm đượ trò chi, bởi lẽ anh chẳng có khả năng, chẳng có trình độ chút nà o cả.

5, Nghi (Doubt): là nghi ngờ, do dự, nghĩa là không tin tưởng và on hững điề u mà trước kia họ đã tin. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người hay nghi ngờ giá trị những pháp chân chánh, nghi ngờ cả về phương diện sự tướng cũng như phương diện chân lý. Có sáu lý do sanh nghi:

- a> Nghe phải những pháp không chân chánh
- b> Thấy một số nhà sư hành trì những pháp thuộc tà giáo, chấp trước và bảo thủ những điề u hiể u biết sai lầm củ a họ.
- c> Thấy những người tin tưởng và hành trì Phật pháp có nhiều cách khác nhau, cũng như giá trị thích giá o lý củ a Phật có nhiều chỗ chổn gườ c nhau.
- d> Vì cã tánh ngu độn, không sáng suốt và không thông minh.
- e> Vì giá o lý củ a Phật quá cao siêu.

f> Vì giá trị của Phật quả rộng lớn.

Đặt tâm của tâm lý này thường làm trở ngại sự phát triển của những việc lành và cũng thường chận đứng không cho tâm lý tín phát sanh.

Thí dụ, chị M
được nghe thầy bổn sư giảng về pháp môn Tịnh Độ. Thầy trình bày rất
hay chonênchị tin theo. Đến khi thị thành,
chị tumbãimà không thấy kết quả chúnà onhư ý muốn.
Chị bắt đầu nghi ngờ chorang, cảnh Cực Lạc Phương Tây thật sự không có,
đây chỉ là do máy ông thầy bịa ra đấy thôi. Từ đó chị bỏ đạo Phật,
không còn theo nữa.

6, Ác Kiến (Afflicted view): Ác là những điều xấu xatội lỗi,
chẳng những có hại cho mình mà còn có hại cho mọi người chung quanh,
có hại cả đời này mà còn có hại đến cả đời sau. Kiến là thấy, là nhận thấy,
là hiểu biết,
là quan niệm và chấp trước. Ác Kiến nghĩa là nhận biết một cách sai lầm về sự
việc và chấp trước kiên cố những điều sai lầm đó.
Người ác kiến chẳng những gây tai
hại cho họ và lại còn ảnh hưởng đến những kẻ chung quanh,
ảnh hưởng ngay cả đời này cũng như đời sau.
Trạng thái tâm lý này đối với pháp đều hiểu biết điên đảo, vọng tưởng,
hiểu biết sai lệch và nhận thức không đúng chân thật về sự cũng như về lý.
Sự nhận thức sai lầm và điên đảo của tâm lý ác kiến được phân làm năm loại ác
ác như sau:

a)- Thân Kiến (View of the transitory collection [as real mine]): là chấp ngã, tứ là chấp trước cho rằng, thân thể thuộc năm muỗn này chính là cái Ta chân thật. Người bị bệnh thân kiến thường nghĩ đến mình, thường nghĩ đến quyên lợi của mình trước chết, không cần biết sự quan hệ giữa mình và mọi người như thế nào. Họ luôn luôn đề cao cá nhân, tha hồ sử dụng mọi thủ đoạn tàn ác để phục vụ cho cá nhân, bất chấp đư luận của thế gian miễn sao được chuởng thụ theo ý mình muốn, chẳng quan tâm chú t nà o đến hậu quả.

Thí dụ, hiện nay trong xã hội nước Mỹ, dân chúng phần đông sống chủ nghĩa cá nhân nhiều hơn là sống quan hệ cộng đồng, chỉ biết mình mà không quan tâm đến mọi người chung quanh, nghĩa là sống thiếu dục ý năm cũnghọ hàng, thiếu tình thân thuộc chừ achan mặnnồng, thiếu nhân nghĩa thiếu tâm đồng, thiếu đitất cả thỉ chung giốngnòi.

b)- Biên Kiến (View of holding to an extreme): là chấp trước cmột bên, chấp trước cmột chiều. Biên Kiến được phân làm hai loại: chấp thường và chấp đoạn.

*- **Chấp Thường**: nghĩa là chấp rằng, linh hồn của con người sau khi chết vẫn còn là con người mãi mãi, tứ là dù ch lên Thiên Đườg hay xuống Địa Ngục, linh hồn cũn g vẫn là hình dáng con người, không bao giờ thay đỏi tư ớng trạng. Hơn nữa con người là chấp rằng,

trên học có một Đấng tối thượng luôn luôn không chết và quản lý con người cả mọi mặt từ sự sống chết cho đến sự tội phước.

Tất cả từ sự đi đứng nói năng cho đến sự ăn uống hít thở..v..v..... của con người đều do quyền năng của Đấng tối thượng nói trên tạo thành, ban rái cho hay trừng phạt đến.

Thí dụ, Ấn Độ Giáo,
Hồi Giáo..v..v..... đều tôn thờ một vị thần linh tối cao và học cũng chủ trương học quyền năng của Đấng chỉ tôn là trên hết. Đó là những pháp chấp thường, gọi là Ngoại Đạo Thường Kiến.

*- **Chấp Đoạn**: là chấp trước cho rằng, linh hồn của con người là do vật chất sanh ra. Con người sau khi chết, vật chất trong thân thể của họ đều bị tan rã và linh hồn của họ cũng không còn tồn tại. Họ lại cũng cho rằng, chỉ có quốc hồn mà không có linh hồn. Quốc hồn hay linh hồn cũng đều do vật chất sanh ra và chúng không có thật thể riêng. Đó là pháp chấp đoạn gọi là Ngoại Đạo Đoạn Kiến.

Thí dụ, Duy Vật chủ nghĩ chính là pháp chấp trước chấp đoạn, họ cho rằng, chỉ có quốc hồn mà không có linh hồn. Quốc hồn hay linh hồn cũng đều do vật chất sanh ra và chúng không có thật thể riêng. Đó là pháp chấp đoạn, gọi là Ngoại Đạo Đoạn Kiến.

c)- **Tà Kiến** (Perverse view): là chấp theo tà thuyết của ngoại đạo, mê tín dị đoan, chạy theo chủ nghĩa bất chính của thế gian, tạo nên sự tổn hại cho thế gian.

Thí dụ như đạo ông lên bà xuống, đồng bóng, xuấthôn, cầu cơ, thờ ông táo, ông địa, thần tài..v..v.....

d)- Kiến Thủ (Conception of a [bad] view as supreme): là chấp trước và bảo thủ, tức là cố chấp và bảo thủ những ý kiến sai lầm, những quan niệm không đúng.

Người kiến thủ thường cố chấp và bảo thủ những điều sai lầm của mình, phá hoại sự hoà hợp của tập thể, chia rẽ sự đoàn kết của cộng đồng, không chịu chấp nhận ý kiến chung, mặc dù ai khuyên gì cũng chẳng nghe theo.

Thí dụ, cùng sinh hoạt chung một đoàn thể, anh A và anh B đều phát biểu ý kiến. Ý kiến của anh A bị đa số không công nhận, cho là sai lầm. Thế mà anh A đã không tự giác, không chịu sửa sai, lại còn tự ái, bảo thủ, tìm mọi cách chống đối lại đoàn thể, không chịu chấp nhận ý kiến chung.

e)- Giới Cấm Thủ (Conception of [bad] ethics and modes of conduct as supreme): nghĩa là chấp nhận và gìn giữ những giới cấm không chân chính của tà giáo ngoại đạo.

Kẻ mê tín thường mù quáng chọn những giới cấm đó là chân lý, là sự thật, có khả năng giúp con người sẽ được làm Thánh, làm Thần, làm Trời, sẽ được lên Thiên Đường..v..v.....

Thí dụ, chàng Vô Nã ở thế giới pháp của Bà La Môn. Tông giáo này dạy chàng Vô Nã rằng: muốn trở thành bậc Phạm Thiên, phải đi giết một ngàn mạng người,

chặt lấymộtngànnóngtayútđemđioxôxâuvàdângnạplêncấptrênthìsẽđượ
cchứngquả. Chàng ta

nghe theovà đã giết đượccíntrămchínmườichínmạngngười.

Còn thiếumộtngườinữa,

chàngđịnhvềnhàgiếtmeccủamìnhchođủtúcổđểkìpthờinạplêncấptrên.

Đâylànămloạitâmlythuộcvềtộilỗivàsailâm.

Nămloạinày có hại không nhỏ cho chúng sanh nên đượcgọi chung là Ác Kiến

. Đặctánhcủaáckiếnlànhữngtâmlytộilỗixấuxaácdộc,
cũngchínhlànguyênnhâncủakhổđau,
củasanhtửluânhồitrongbacõivàluônluônngãnhậnsựhiếubiếtchânchán
h.

Tóm lại,

sáchủngtửtâmlycăn bản nói trên sở dĩ đượcxây dựng thành năm lực lớn mạ
nh là nhờ sự hỗ trợ củahaimườitâmlyTùyPhiềnNão.Nếunhưkhôngcóhaim
ườitâmlyTùyPhiềnNãotác dụng hỗ trợ,

sáchủngtửtâmlyphiềnnãocăn bản này bị cô lập và nằm yên trong kho tàng
A Lại Da, để rồi haomòndần theothờigianchờđếnngàymãnnghiep.

Ngườiitậpmuốntiêudiệtsáchủngtửtâmlyphiềnnãocăn bản nói trên khô
ngcòndấuvếtrongtâmthức con người chúng ta,

trướcchếtphảinuôidưỡngvàpháttriểnmườimộtnămnglựccủachủngtửtâmly
Thiệncchođượclớn mạnh;

muốncهومườimộtnămnglựccủachủngtửtâmlyThiệncđượclớn mạnh,

ngườiitậptrướcchếtphảihóagiảihaimườitâmlyTùyPhiềnNãođểchậndứn
gnămnglựcvàcôlậpnămnglựccủasáchủngtửtâmlyphiềnnãocăn bản khôngc
hophátsanh.

Nhờ đó năng lực của mọi người một chút tâm lý Thiên mới có cơ hội lên ngôi để chỉ đạo cho con người giả thái được sự an lạc và giải thoát khỏi đau khổ. Như vậy thế nào là hai mươi tâm lý Tùy Phiền Nã?

Hai

mười tâm lý Tùy Phiền Nã là những phiền nã thường quan hệ cũng như lệ thuộc và qua sự chỉ đạo của sáu chủng tử tâm lý phiền nã căn bản nói trên, chúng luôn luôn gây ra sự nhiễu loạn tâm trí con người. Hai mươi tâm lý Tùy Phiền Nã gồm có: 10 Tiểu Tùy, 2 Trung Tùy và 8 Đại Tùy.

c)- Những Chủng Tử Tiểu Tùy:

Tiểu là những tâm lý trong đó mỗi loại chỉ sinh hoạt độclập riêng rẽ trong phạm vi khả năng nhỏ hẹp của chính mình và không liên hệ cũng như không ảnh hưởng chút nào đến các tâm lý khác trong cùng một nhóm, do đó được gọi là tiểu. Tùy nghĩa là chúng muốn sinh hoạt, mỗi loại phải tùy thuộc và osáu chủng tử tâm lý phiền nã căn bản mới có thể phát khởi, nên được gọi là Tùy. Tóm lại, vì sự sinh hoạt từng cá nhân trong phạm vi nhỏ hẹp của đặctánh và bị ràng buộc, bị khống chế bởi sáu chủng tử tâm lý phiền nã căn bản, những tâm lý này được gọi chung là Tiểu Tùy. Tiểu Tùy gồm có 10 loại như: Phẫn, Hận, Phú, Nã, Tật, San, Cuống, Xiểm, Hại, Kiêu. Mười tâm lý này mỗi khi tác dụng thường khiến con người biểu lộ cử chỉ thô tục, mạnh bạo và nóng giận qua hành động và nói năng. Theo Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển II,

cùng một tác giả, trang 236 trình bày về chủ đề hành động và năng lực của 10 Tiểu Tù như sau:

*- Về hành động thô tục: “Có cử chỉ thô bạo, cục mịch, lỗ mãng, thái độ không được dịu dàng thanh nhã với những người bị bắt giam.”

*- Về năng lực thô tục: “Nói ra những lời cộc cằn, hung dữ, thiếu lễ độ, thiếu sự ái ngữ khoan dung với những người bị tù ghét.”

*- Về hành động và năng lực mạnh bạo: “Cử chỉ mạnh mẽ, thô鄙 và lời lẽ ác độc, dữ dằn, thiếu sự êm dịu ngọt ngào với những người đối nghịch.”

*- Về hành động và năng lực nông cạn: “Hành động nông nổi, hời hợt, lơ đãng, và nói những lời tầm thường, không sâu xa, thiếu suy nghĩ, thiếu cân nhắc lợi hại phải quấy với những người chung quanh.”

“Điều đặc biệt

10

Tiểu Tù này là một kỹ thuật sinh hoạt mà mỗi loại luôn luôn tác dụng riêng rẽ và không bao giờ quan hệ với nhau trong công cuộc hành sự, đó là nhược điểm của chúng nó và cũng là thuận lợi cho hành giả trên con đường tu tập phá giải.” Ý

nghĩa và đặc tính của mười tâm lý Tiểu Tù được giải thích như sau:

1)- **Phẫn** (Belligerence): là phẫn nộ, bực tức, tức giận.

Trạng thái tâm lý này thường thể hiện thái độ bực tức,

phẫn nộ và khó chịu đối với những người phạm tội hoặc trái nghịch.

Đặc tính của chúng là thúc đẩy tâm con người ở tình trạng bất an, bị chao động,

thiếu bình tĩnh sáng suốt mỗi khi đối diện với những sự việc không tốt. Con

người bị tâm lý phẫn điếu khiến,
chuyên gây tổn hại đến mạng sống của chúng sanh. Tâm lý này thuộc loại sân,
phát sanh từ tâm lý sân và cũng là một trong những năng lực nhằm ngăn chặn
hông cho tâm lý vô sân phát sanh.

Thí dụ, anh T nghe đồn rằng, anh C vu
khống và bêu xấu đời tư của anh với mọi người. Ngay lúc đó, anh T
liền phẫn nộ và tức giận nổi lên khiến cho anh trở nên bất an
giống như người đang ngồi trên đống lửa. Anh ăn không ngon,
ngủ không yên giấc và bằng mọi cách tìm gặp cho được anh C để đối chất
. Đây là những động tác của kẻ bị tâm lý Phẫn điếu khiến.

Tâm lý này luôn luôn sinh hoạt trong trường hợp không có đối tượng ghiệp diện.
Khi có đối tượng ghiệp diện,
tâm lý phẫn bị chuyển hoá thành tâm lý sân và nó không còn nguyên bản chất.

2)- Hận (Resentment): là hờn ghét, thù hận.
Trạng thái tâm lý này thường khiến con
người mãi mãi mãi mọi hờn oán trong tâm khả m không thể tha thứ và tìm đủ mọi
ách báo thù cho với cơ tước.

Tâm lý này sanh khởi sau khi tâm lý sân của phiề nã o cả bản không còn tác đ
ộgnữ và đặctánh củanó thích xúidụckẻ có tâm thù hận,
đigây sốnggiáo oán hờn đến với mọi người và cản trở không cho tâm lý vô sân
hát sanh.

Thí dụ, anh G và anh H có mối hận thù truyền kiếp giữa hai dòng họ đòibên.
Khi đối diện với anh H, anh G không bao giờ tỏ thái độ giận dữ, xỉ vả,
mắng chửi, nguyền rủa hoặc la

lối giống như những người có trạng thái tâm lý sâu thẳm và anh cũng không
 glò vẻ phẫn nộ hay
 giận tức giống như những người bị tâm lý phẫn nộ lên ngôi. Ở đây anh
 G lúc đó trước mặt anh H vẫn điềm tĩnh,
 vẫn lạnh lùng và trầm lặng xem như không có chuyện gì xảy ra.
 Nhưng trên thực tế anh đang gặm nhấm tìm mọi cách để trả thù anh H
 cho bằng được.

3)- Nỗi (Spite): là buồn phiền, buồn man mác.
 Trạng thái tâm lý này thường khiến con
 người nhố nhăng hững hờ và cáu gắt, những cuộc đời bất hạnh,
 những cuộc sống phũ phàng đã trải qua
 và tâm tư họ luôn luôn nằm trong trạng thái bất an.
 Người bị tâm lý này đi đâu cũng thấy khổ, phiền muộn,
 buồn trách và sống ray rứt trong lòng.
 Tâm lý này cũng phát sinh từ nơi tâm lý sâu thẳm của phiến não cả bản tác động và
 đặt tác nhân của nó khiến con người không còn hồn nhiên, vô tư như thuở nào.

Thí dụ, chị E và chị N
 là hai bạn thân với nhau. Một hôm hai chị đụng nhau vì quyền lợi thương
 mại, nguyên do hai người cạnh tranh thị trường với nhau.
 Từ đây hai chị buồn nhau không muốn gặp mặt và hai người ế un hủ lữ gặp mặt
 nhau thì tìm mọi cách tránh né.
 Từ đó hai người không còn vui vẻ tự nhiên như trước nữa.

4)-

Phú (Concealment): là chedấu tộilỗi không chongười khác biết. Trạng thái tâm lý này khiến con người thường biểu lộ cử chỉ sợ mất danh giá và sợ mất quyền lợi riêng tư đang có, chonên họ hay chedấu những tộilỗi mà họ đã phạm phải và họ không thành thật tănăn, không tự thú nhận những lỗi lầm sai trái đã tạnên. Tâm lý này đượcphátsanhtừnóitâm lý simê và đặctánhcủanó cántở không chotâmchân thật phátsanh.

Thí dụ, anh P đitrộm đồ củangười ta. Nhà chức trách tình nghi nên điềutra anh; anh cứ chối quanh. Đến khinhà chức trách đưara những chứng cứ cụ thể thì chừngđó anh mới chịu nhận tội.

5)- **Tật (Jealousy):** là tật đố, nghĩa là ganh ghét, ghen tỵ, hiềm khích. Trạng thái tâm lý này khiến con người thường ganh ghét và đố kỵ những người có tài năng và địa vị hơn họ. Theo tinh thần tiến bộ, chúng ta nên ủng hộ những người có tài năng, có địa vị trong xã hội và nên khuyến khích những người đó ralamviệc để đemlại những lợi ích chung cho chúng sanh. Thế mà người tật đố đã không ủng hộ những kẻ có tài mà trái lại còn tìm đủ mọi cách để bêu xấu họ trước quần chúng và hạ bệ họ xuống để đưaminhlên bằng những hành động không chân chính. Đặctánhtâm lý này hay biểu lộ sự ích kỷ, chỉ nghĩ đến mình trên hết và ngoài ra không còn biết đến ai. Con

người tậ đố luôn luôn chomình là kẻ quan trọng cả và tìm đứ mọi cách, dùng đứ mọi thủ đọ để đưamình lên chohơn mọi người ở nhữghà nhđộng không hânchánh.

Tâm lý này đượcphátsanhtừnơi tâm lý sânvà chậ đứ không chotâm lý không bởnxẻn phátsan, nguyênvitâm lý không bởnxẻn là tâm lý không ích kỷ, không keokiết, có lòng vị tha, thương người và quên mình, chonên không có tâm lý tậ đố xuấ thiện.

Thí dụ, anh B thấy anh A là người bình dân, thuộc hạng tầm thường trong xã hội. Một hôm, anh A cất nhà sang trọng nhất trong vùng và sang hờncả nhà củ anh B. Anh B thấy thế liền sanhlòng ganhty, kiếmkhuyệnbướimócdủ thứ việc đểsoibóianh A. Trong lúc đố, riêng anh B âm thầm bằng mọi cách thi đưacất nhà sao cho sang trọng hơn anh A mới chihuyên.

6)- San (Miserliness): là bởnxẻn, keokiết. Trạng thái tâm lý này khiến con người mỗikhicó tiền củ, có pháp hay hoặccó nghề giởithì thường hay chedấu, không muốncó ai biếtdến. Nếunhưcó ai đếnxinxỏ, người bởnxẻn liền từ chối không chịubốthí đểgiúp đờhọ trong cơn thiếuthốn. Nếunhưcó ai đếncầuhọc, người bởnxẻn lại dấunghề, không chịunâng đờkẻkháctiến thân và nếunhưcó bốthí hoặccógiúp đờ ai thì lại đặtdiềukiệnvớikẻcầuxincũng nhuvớikẻcầuhọc. Đặctánhcủatâm lý này thích đốngkịch làm ra vẻnhukẻquê mùa, đốtnát, nghề okhónhằm đểchedấuthân thế củahọ, với mục đích âm thầm tích trữ tài sản chonhiều và đọccquyềnkinh tế trong xã

ội một cách bất ngờ không ai đoán kịp.
Tâm lý này thường ngăn chặn không cho tâm lý không bền phát sinh.

Thí dụ, chị K lúc còn nghèo ốm khổ thường nương cây và nhờ chị B giúp đỡ là mả sản sống. Không bao lâu, chị K dần dần làm giàu trở nên giàu có và tiền vô như nước. Nhưng chị K lại rất keo kiệt, không dám xả. Mỗi khi gặp chị B, chị K cứ than thở rằng mình là mả nỏ. Chị K sởi than thở trước mặt chị B là nguyên vì sợ chị B nhờ cậy. Đến khi chính quyền ra lệnh kiểm tra tài sản dân chúng và năm 1976, ai này không thể ngờ rằng chị K lại là người tỷ phú. Chị gởi tiền và ong ngân hàng nhiều nơi. Đợt kiểm kê tài sản này của chính quyền tổ chức, chị K mất hết sự nghiệp trôi tuột hết một cách đau đớn.

7)- Cuống (Deceit): là dối trá, xảo quyệt. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người nín thở, hành động một cách khôn khéo nhằm để đối gạt và qua mặt mọi người với mục đích kiếm chác chút danh vọng, quyền lợi. Đặc tính của nó luôn luôn điều khiển con người chạy theo những việc bất chính. Con người mang bệnh cuống không từ chối bất cứ việc bất thiện nào và miễn sao vì lợi ích có lợi cho họ là được. Tâm lý này thuộc loại tham lam và si mê hợp tác điều khiển, đồng thời ngăn chặn không cho tâm lý không đối gạt phát sinh.

Thí dụ, ở Việt Nam, sau năm 1975, có một số tổ chức vượt biên rết tiền, nhằm mục đích đối gạt người để đoạt vàng. Khi lấy được vàng xong,

học họ hành khách ra khỏi rồi hết xuống biển để phi tang. Họ là những kẻ dối trá, xảo quyệt, không còn chút lương tâm, dám làm tất cả sự tàn ác để cứu người ta mà không chút nói tay.

8)- Xiêm (Dissimulation): là bợ đỡ, nịnh hót. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người hành động nịnh hót, bợ đỡ những kẻ có thế lực, có địa vị trong xã hội, họ nịnh bợ với mục đích cầu cạnh nể nang, danh vọng. Đặc tính tâm lý này thường xuyên dụ dỗ con người ham mê chạy theo thời cuộc, cứ mãi a dua theo thế lực để trục lợi, mua danh và làm những việc bất chính. Những người có tánh nịnh bợ không biết lễ nghĩa, liêm sỉ và miễn sao đạt được mục đích riêng tư, ích kỷ cho họ là được. Những người mang bệnh xiêm không bao giờ chịu nghe những lời khuyên giãi bày chân chính của thầy, của bạn và người lạ, họ còn chỉ trích, phê bình cho rằng, những kẻ khuyên giãi bày là hạng người ingudốt, sống không biết thích nghi với hoàn cảnh. Tâm lý này thuộc về tâm lý tham và si mê, chuyên làm trở ngại tâm lý không đuanịnh phát sanh.

Thí dụ, anh A muốn làm Quận Trưởng để trục lợi mua danh. Nhưng anh không có khả năng và cũng không có trình độ tương xứng. Anh ta khéo léo lòn cúi, bợ đỡ, nịnh hót với cấp trên, nàolàhùatheo, nàolàtângbốc, lo lót, lập công..v.v..... Nhờ đó anh mua được lòng của ông Tỉnh Trưởng và anh cũng được cấp trên nàolàhùatheo, nàolàtângbốc, lo lót, lập công..v.v..... ngđỡcholàm Quận Trưởng theo như anh muốn. Khi ông Tỉnh Trưởng này bị đổi đi nơi khác, anh ta

lạichạytheoôngTỉnhTrưởngmới. Anh cũngđỡtròhùatheo, tângbốc, lậpcông, lạidibêuxấuôngTỉnhTrưởngtrướccđểgiữvữngghếQuậnTrưởngmuônnăm vớiýđồthahồtrụclợihoanhởngthụ.

9)- Hại (Harmfulness): làlàmtổnhại. Trạngtháitâmlýnàythườngbiểuhiệnhànhđộnggiếthạichún gsinh mà không có chút thương xót. Đặctánhtâmlýnàythúcdấy con người ham thích chém giết, ham thích hành hạ và bứcnãochúngsinhbằngmọihìnhthức. Người có tâm lý hại thường bày tỏ tự nhiên tại, vuicườimộtcáchthỏathíchmỗikhinhìn thấy con người hay chúngsinhđangoànoại, đangdãidụavàđaukhổdướisựứcchếcủaahọ. Tâm lý này luôn luôn chướng ngại, ngănchậnkhoảngchotâm lý không tổn hại phát sinh và nó thuộc về loại tâm lý sân.

Thídụ, những người du đảng, những kẻ daobúathườngchuyênghềđánthuê, giếtmướn.Họcóánh hung bạo, thích chém giết và giết người không gómtay.

10)- Kiêu (Haughtiness): làkiêucăng, ngạomạn. Trạngtháitâmlýnàythườngxúidục con người hay kiêucách, ngạongễ, nhìnquầnchúngdướidôimắttấphèn. Ngườikiêucáchkhimìnhgiàu sang, cóquyềntước, cótàinăng, cósắcđẹp..v..v..... vượtrộihơnấtcảthìcoi ai không ra chi. Tất cả có sáu loại kiêu được phân định như sau:

- 1>- Không bệnh tật kiêu
- 2>- Trẻ tuổi hơn người kiêu
- 3>- Sắc đẹp kiêu
- 4>- Quý phái kiêu
- 5>- Giàu sang kiêu
- 6>- Học nhiều, biết nhiều kiêu.

Đặc tính của tâm lý này thường khiến con người tỏ thái độ khinh khể khác và tự đề cao cá nhân, cho họ là nhân vật quan trọng hơn cả. Đối xử với quần chúng, người kiêu cách luôn luôn thiếu sự nhún nhường, thiếu sự khiêm cung và lễ độ. Đây cũng là nguyên nhân sinh ra các tội lỗi. Tâm lý này cũng làm chướng ngại và ngăn chặn không cho tâm lý không kiêu phát sinh.

Thí dụ, ông A và ông B trước kia là bạn chí thân ở cùng quê. Lúc còn nhỏ, ông A nghèo hơn ông B và đến tát nước nhà của ông B tại tỉnh thành để đi học. Gia đình ông B đối xử với ông A rất đẹp. Đến khi tốt nghiệp, ông A khéo nịnh hót nên được cấp trên can nhắc lên Sài Gòn làm quan to, có nhà lầu xe hơi, có cổng kính tường cao. Một hôm ông B như đi lên Sài Gòn chơi, nghĩ đến tình xưa bạn cũ, nên ghé thăm ông A. Ông A đã không tiếp và lại còn bảo người ở ra trả lời rằng: “Quan lớn không có quen biết với kẻ ăn xin, đừng thấy sang bắt quàng làm họ. Ông nên về đi”. Đây là giọng nói của kẻ kiêu cách, của kẻ thiếu lịch sự và thiếu khiêm cung.

d)- Những Chứng Tử Trung Tù:

TrungTùynghĩalànhữngtùyphiềnnãosinhhoạthườnghĩểnlộ ra bênngoàirấtdễnhậnbiết. Phạm vi hoạtđộngcủachúngcũngrátrộnlớn. ChúngtửtâmlyTrungTùygồmcóhailoạinhư:

VôTàmvàVôQuý.CũngtheoKhảoNghiệmDuyThứcHọcquyển II cùngmộttácgiả, trang 234 trìnhbày: “Hai tâmlynàycũnglànhữngthứphiềnnãoluônluôntrợduyênnhữnghệđiểncàngtăngtrởngthêmlớnvàcũngngãnrởnhữngđiềuthiệnkhoạccơhội đểpháttriển. Hai tâmlynàythườngliênkếtvới cáctâmlybấthiệnkhácdểtạothêmthếlựcrộn lớnnhoviệchànhhoạtbấrchánhcủamìnhngỏhầuthoả mãnhữngdụclạc ánhân.

Bấtcứngườinàonếunhữihaitâmlyđâykhốngchếthìkểnhưthanhđanhcủahọtựchônviệcsâuthẩmgia trị cá nhânvàgây tạothêm nhiềunghịep báotộiáct hùoán.”ThànhphầnchúngtửtâmlyTrungTùygồmcó:

1/- VôTàm(Non-Shame): nghĩalàkhôngtựbiếtxấuhổ. Trạngtháitâmlynàythườngkhiến con người khôngbiếthẹn vớiilượngtâm, khôngbiếttôntrọngnhâncáchvàkhôngbiếtgữgìnphẩmgia củachínhmình.

Người vô tàmkhilàmnhữngviệctộilỗihoặcchànhđộngnhữngđiềusáiquấyk hôngthathiếtsửadổivàkhôngquântâmcảithiện.

Đặctánhcủatâmlynàychỉbiếtlàmtếnnàodeđượcthỏamãnhữgđòihỏicủathamđụccchoriêng cá nhânvàkhôngcầnbiếtdếnlẽphảitráicũngnhữgia trị củacon người.

Tâmlyvô tàmlànguyênnhânkhiếnchonhữgviệcxấuácmỗingàycàngthê

mnảy nở và lớn mạnh,
đồng thời lại ngăn ngừa và chặn đứng tâm tà phát sanh.

Thí dụ, anh A có những hành động bất chánh với vợ của anh B mà anh B lại là bạn thân của anh A. Đã vậy, mỗi khi đối diện với anh B, anh A không bao giờ cảm thấy xấu hổ trong lương tâm, lại còn tỏ vẻ vô ơn vã thân mật với anh B và xem như không có chuyện gì xảy ra, Anh A tỏ vẻ thân mật với anh B như thể nhằm mục đích để đi lại dễ dàng với vợ của bạn mình, mặc dù anh B chưa hề hay biết chuyện tồi tệ xảy ra trong gia đình của anh.

2/- Vô Quý (Non-Embarrassment): nghĩa là không biết thẹn với người. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người hiện bày thái độ không biết hổ thẹn với mọi người mỗi khi là những việc tột lỗi hoặc chà nhạo những điều sai quấy. Người vô quý không sợ ai chê trách, không cần biết đến nhân phẩm hay thể diện, vẫn cứ mặt tươm mà y đá, miễn là mình thoải mái được tỏ thái độ của mình, mặc chon người đời bình phẩm, phê phán và khinh khi. Đặc tánh của tâm lý này là ham thích là những việc xấu ác và bất chấp dluận của thế gian. Người vô quý chẳng những không biết xấu hổ về những hành động tột lỗi của họ và ngược lại, còn hãnh diện, còn tự hào chon những hành động của họ được mọi người quan tâm, chú ý và bình phẩm đến. Tâm lý này cũng là nguyên nhân khiến chon những việc xấu ác có cơ hội nảy nở,

phát triển mỗi ngày càng thêm mạnh mẽ và chận đứng không cho tâm lý quýp hátsanh.

Thí dụ, anh T là người chuyên sống nghề trộm cướp. Ai khuyên giãi anh cũng không nghe và còn trả lời rằng: “Thầy kệ tôi, chuyện tôi là tôi chịu, không can hệ đến mấy người”.

e)- Những Chứng Tử Đại Tù:

Đại Tù là những tù phiền não hoạt động trong phạm vi rộng lớn và quan hệ khắp cả tâm lý bất thiện khác để cùng sinh hoạt. Tâm lý Đại Tù gồm có 8 loại chứng tử như: Trạo Cử, Hôn Trầm, Bất Tín, Giải Đãi, Phóng Dật, Tán Loạn, Thất Niệm, Bất Chánh Tri. Theo Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển II, cùng một tác giả, trang 230 giải thích:

“Tám tâm lý này là những thứ phiền não thuộc loại ita xá thường là mầm đấp hong cách biểu tượng của một kẻ lãnh đạo và cũng không thể có trong con người tập đạo giá cngộ. Trong tám tâm lý Đại Tù, mỗi tâm lý đều hoàn toàn khác nhau tính chất. Cho nên hành giả vô cùng khó khăn trong sự tu diệt trừ một loại tâm lý này và cần cứ theo tâm bệnh của mỗi tâm lý, hoá giải từ ngbộ phận một cho đượ chữ hiệuhơn.” Tám loại chứng tử tâm lý Đại Tù đượ liệt kê như sau:

1/- Trạo Cử (Excitement): là lao chao, không điểmtĩnh. Trạng thái tâm lý này khiến thân thể và tâm linh của con người luôn luôn chao động và không yên tĩnh, như:

a>- Về thân thể, cử chỉ lãng xãng, đi đứng không đảm thắm, nhưng đôi lúc rung đùi, đi đứng hấp tấp, lao chao, làm việc giục giạt, tay chân móm máy, cử chỉ thiếu phong độ đứng đắn của bậc trưởng phu.

b>- Về mặt ngữ nghĩa, thích nói năng bậy bạ, tục tĩu, quàng xiên, như nói năng lấp bắp không ra đề, thích lý luận mớ đá, giẽu cợt, đùa giỡn, không trang nghiêm..v..v.....

c>- Về tâm ý, tư tưởng xằng bậy, méo mó, lộn nhac, không thanh tịnh, không đứng đắn, không lịch sự..v..v.....

2/- **Hôn Trầm** (Slow Lethargy):

là tối tâm trầm trệ. Trạng thái tâm lý này thường khiến tâm trí con người mờ mịt và đần độn, nghĩa là tâm trí không thông minh sáng suốt, không linh hoạt, nhay bén, lạnh lợm òi khi quan sát ngoại cảnh. Con người hôn trầm đối trước bất cứ điều gì vì việc gì để hiểu biết không cần, không sắc, phản ứng chậm chạp.

Đặc tính của tâm lý này ngăn chận sự hiểu biết của con người và còn chặn đứng không cho tâm lý huệ và tâm lý kinh an phát sanh.

Thí dụ như trò A và trò B học cùng một lớp với nhau. Khi thầy giáo giảng bài, trò A nghe đến đâu liền hiểu đến đó, hiểu một cách rõ ràng. Trái lại trò B tậ dụng Ý Thức tối đa, nhưng trò không hiểu chi cả, hoặc hiểu một cách mập mờ, hiểu không rõ ràng, hiểu chậm chạp. Khi về đến nhà, trò B suy nghĩ lại rồi sau đó mới hiểu thấu. Đó trạng thái tâm lý Hôn Trầm sinh hoạt.

3/-Bất Tín(Non-Faith): là không tin tưởng. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người không tin tưởng và có các pháp lành, không tin tưởng những điều chân thật, không tin tưởng những giá trị, những lợi ích chưa từng có của chân thật về mặt sự tuởng cũng như về mặt nguy ên lý. Đặc tánh tâm lý này hay nghi ngờ, hay thấcmắc, thiếu chuyên cần tiến tu đạo giác ngộ để được an lạc, thanh tịnh và giải thoát.

Thí dụ, có nhiều người tuởng đạo Phật cũng giống như các đạo khác, rồi vội khéptội cho đạo Phật là đạo mê tín, dị đoan, đạo theo thần quyền và chuyên môn rungủ xã hội.

4/- Giãi Đãi (Laziness): là lười biếng, trễ nải. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người sản tâm lười biếng trong việc tu học, không chuyên cần, không tinh tấn trong việc choá giải các điều ác và trễ nải tập cùng phát triển các việc lành. Tâm trí người giãi đãi không được thanh tịnh sáng suốt. Đặc tánh tâm lý này là cản trở việc tu học và chậndững không cho tâm lý tinh tấn phát sanh.

Thí dụ, người tu hành, ban đầu lúc nào cũng chuyên cần tụng niệm, ngồi thiền ngày đêm suốt đời không bao giờ thiếu mặt. Nhưng từ lâu ngày, họ sanh bệnh lười biếng, không thấy tụng kinh thờinao và ngồi thiền sơ sơ vàiphút choco lệt mà thôi.

5/- Phóng Dật (Non-Conscientiousness): là buông lung, phóng túng. Trạng thái tâm lý này khiến con người thường buông lung vọng niệm và thích cuộc sống buông thả theo tự do cá nhân, phóng túng chạy theo cáccuộc vui thú giả tạo củathế gian.

Đặc tánh củatâm lý này là không thích bị ràng buộc, bị còttrói trong bất cứ khuôn khổ luật lệ nào và cũng không thích ai điều khiển hay chỉhuymình. Người phóngdật thích sống tự do cá nhân và không chịu ai kềm chế và okhuôn khổ đạo đức hay luật lệ học đường.

Người phóngdật chỉbiết sốnghiện tại mà chẳng cầnnghĩđến tương lai, chẳng cầnđiềutrừ cáccđiều ác hay pháttriển cáccđiềulành. Tâm lý này luôn luôn chậndững không cho tâm lý tinh tấn phátsinh.

Thí dụ, một đứatrẻđi hoang, vì thiếu sựgiáo dục củacha mẹ, chonênsống củacuộc sống ănxin, đilang thang, ngủ đầu đìn hxóchợ, chuyênphá làngphá xóm; cũng giống như người tu hành không chịu kềm thúctâm tâm, không chịu giữ gìn giới luật củaphậtchỉ dạy.

6/- Thất Niệm (Forgetfulness): là mất chánh niệm, nghĩa là hay quên lãng,

tâm niệm không được tập trung. Trạng thái tâm lý này là thường khiến con người hay quên lãng những sự việc đã qua mà chính họ hiện đang quản lý, đang bảo trì.

Người thất niệm khôngghinhởnhững gì cần phải hànhở đểphổikiểmkhoachính xác trước khi đem ra sử dụng. Đặc tánh củatâm lý này là phân tâm con người trở nên tán loạn và ngăn chậnkhoảng không cho tâm lý chánh niệm phátsinh.

Thí dụ, anh A là một học sinh bị bệnh hay quên lãng; chonênanh học trước lại quên sau; học đâu quên đó, học mãi không thông. Khác nàon người đang cầm trong tay cây viết nguyền tử mà không hay biết, lạichạ đi tìm cây viết nguyền tử khắp nơi.

7/- Tán Loạn (Distraction): là rối loạn, nghĩa là tâm trí không an định một chỗ. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người phân tán tư tưởng, suy nghĩ lung tung, nhớ nghĩ đi đây quên ở kia, chừa dứt khoát, chừa kết thúc, lại nhỡ sang đi điều khác. Đặc tánh tâm lý này là điều khiến tâm trí con người trở nên rối loạn, hiểu biết sai lầm về tánh chất, giá trị và ý nghĩa của vạn pháp, đồng thời ngăn chặn không cho tâm lý chánh định phát sanh.

Thí dụ, khi người ngồi thiền, tâm họ loạn động, tưởng nhớ chuyện này chừa dứt khoát thì lại nhỡ sang chuyện khác. Học chính vì bị phân tâm như thế suốt thời gian tu tập, không thể tự kiểm chế và điều khiển tâm trí tập trung và ohoithở cho được an định, cũng như không thể chuyên chú và omột vấn đề duy nhất để quán chiếu. Bởi thế họ thường sanh ra loạn tưởng (những ý tưởng điên cuồng) trong suốt thời gian hành trì.

8/- Bất Chánh Tri (Non-Introspection): là không hiểu biết chân chánh. Trạng thái tâm lý này khiến con người hiểu biết mập mờ, nhận thức sai lầm về tánh chất, giá trị và ý nghĩa của vạn pháp. Người bất chánh tri là người không nhận thức được vạn pháp một cách rõ ràng và chính xác về mặt

sự tướng cũng như về mặt nguyên lý. Do đó họ thường hay lầm lạc và tin tưởng một cách mù quáng, đi theo những pháp bất thiện. Đặc biệt tâm lý này là thứ đẩy con người chạy theo những tà thuyết mê tín dị đoan và chận đứng không cho hiểu biết chân chính phát sanh.

Thí dụ, vấn đề tội phước của con người, theo giáo lý đạo Phật, đều do luật nhân quả nghiệp báo quyết định cả, nghĩa là người nào gieo nhân xấu ác thì nhất định phải gánh lấy quả báo khổ đau do chính họ gây nên. Thế mà người ngoài đạo không nhận thức được điều đó, lại mê chấp cho rằng, vấn đề tội phước trên chính là do quyền năng của đấng Thượng Đế ban xuống để thưởng phạt loài người.

g)- Những Chủng Tử Bất Định:

Còn những chủng tử tâm lý bất định (Changeable mental factors) là những tâm lý thuộc loại vô ký, tức là thuộc loại trung tính, nghĩa là không nhất định thiện hay ác. Những tâm lý này khi nào liên kết với các tâm lý thiện để chận đứng những điều tội ác không cho phát sanh thì được gọi là tâm lý thiện và ngược lại, chúng liên kết với các tâm lý ác để ngăn chận những điều thiện không cho phát sanh thì lại gọi là tâm lý ác. Tâm lý bất định gồm có bốn loại:

1/- Hối (Contrition): là hối hận, ăn năn. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người sanh tâm hối hận, ăn năn những việc đã làm. Hối hận có hai phần:

a>- Ắnăn, hõitiếcnhữngviệcthiện,
nhữngviệclợiíchđànglầmmàđãbỏ quacơhộiitốtkhôngchịuthựchiện,
hõitiếcnhữngmaymắndưadenmàkhôngchịutiếpnhận.

b>-
Ắnănhõihậnnhữngviệcxấuác,đànglẽkhôngnênthựchànhmàtrótđấilõg
âyrà, chonênlượgtâm cảmthấycảnrứtkhôngyên.

Hõidây cókhithiệnvàcũngcókhíác,
nghĩalàtùytheotruờnghợpmàđịnhmứcgiátrịcủahối.

Hõidượcgghinhậnnhưsau:

a- HốiThiện: nghĩalànhữngviệccácdấilõgâytaovàgiờđâybiếttỉnhngộ,
biếthõihận, đólàhõithiện.

b- HốiÁc: nghĩalànhữngviệclành,
nhữngviệclợiíchđãthựchiệnvàgiờđây lại ắnnăn,
lạihõitiếccchoviệclàmcủamìnhlãngphí, đólàhốiác.

Thídụ, anh T làngườiham danhvọng. Trướccôngchúng, trướcc
đồngbào, anhtỏtháitđộnghĩahiệp, đứngrà
giúpdỡmộtnghười bấthạnhnàodó. Khivềđếnnhà,
anhlạihõitiếcviệclàmcủamình.

2/- **Miên** (Sleep):
làngủnghỉ. Trạngtháitâmlý này thường khiếnthân thểvà tâmthần con
ngườitrởnênmệtmỏi, mêmuội, khôngtựchủ, uểoải, thíchngủnghỉ.

Đặc tính của tâm lý này là thường gây chướng ngại cho sự tập quán tư tưởng. Miên đây cũng có hai loại:

a>- Miên Thiện: nghĩa là con người không hề đến những điều ác, những tà thuyết không chân chính của ngoại đạo hay bị buồn ngủ và hay ngủ gục, đó là miên thiện.

b>- Miên Ác: nghĩa là con người không hề những điều thiện, nghe giảng chánh pháp hay bị buồn ngủ và hay ngủ gục, đó là miên ác.

Thí dụ, người tu hành, không thuyết pháp, nghe giảng kinh, hoặc ngồi thiền, thường hay bị ngủ gục. Trái lại họ đi xem hát, xem chèo thì sáng đêm không thấy buồn ngủ chút nào cả.

3/- Tâm (Investigation): là tìm cầu. Trạng thái tâm lý này thường khiến con người bận tâm lo nghĩ hay tìm tòi những hình ảnh, những dữ kiện, những chứng tích thô thiển bên ngoài có liên quan đến tánh chất, giá trị và ý nghĩa của vấn đề, của mục đích mà họ cần phải trình bày hay khả cứu, cần phải biện minh để làm sáng tỏ lập trường trước quần chúng. Tâm lý này không nhất định thiện hay ác, tùy theo trường hợp của sự việc. Tâm lý này được gọi là thiện khi nó sinh hoạt với những điều thiện và nó được gọi là ác khi nó sinh hoạt với những điều ác.

Đặc tính của tâm lý này là khiến cho tâm con người không được an định.

Thí dụ, Thầy A muốn giảng nghĩa Kim Cang Bảo Tháp trong kinh Pháp Hoa thì liên khi đó thầy tận tụy dốc tâm tìm đọc những kinh sách, tìm kiếm những dữ kiện, những chứng tích nào có liên quan đến nghĩa Kim Cang Bảo Tháp đem ra trình bày trước quần chúng Phật tử.

4/- Tư (Analysis): là chính xác xét đoán. Trạng thái tâm lý này là thường khiến con người bận tâm xét đoán, phân tích tỉ mỉ những nghĩa, những giá trị và những tánh chất của những sự việc đã được chứa trong cách hành xử, các sách vở, các chứng tích, các dữ kiện để cho Ý Thức nhận định một cách chính xác, nhận định không lầm lẫn. Tâm lý này cũng không nhất định thiện hay ác, tùy theo trường hợp của sự việc. Tâm lý tư được gọi là thiện khi nó sinh hoạt với những điều thiện và nó được gọi là ác khi nó sinh hoạt với những điều ác. Đặc tánh tâm lý này khiến cho tâm con người được an định, được thoải mái.

Thí dụ, nhờ cách hành xử, các dữ kiện, các chứng tích cụ thể có liên quan đến Duy Thức, những học giả khi nghiên cứu đến Duy Thức Học có thể nương nơi đó xét đoán một cách chính xác để nhận thức chi tiết sâu của lý Duy Thức không sai lầm.

Các nhà khoa học, các triết gia đã phát minh nhiều chủ thuyết, nhiều khoa học cơ giới một cách tinh vi..v.v..... đều do khả năng của họ tâm lý Tâm và Tư trong tâm lý Bất Định này. Còn nhiều chủ thuyết tâm lý khác,

quý độc giả muốn hiểu rõ hơn xin đọc lại Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển I cùng một tác giả.

Hơn nữa năng lực của chúng tôi căn bản vô minh cũng chính là một động lực kết hợp tất cả đơn vị biệt nghiệp nên chúng sanh hữu tình trong bacõi tạo thành khối cộng nghiệp và cộng nghiệp này luôn luôn bámlấy căn bản vô minh là mthể hung cho chúng sanh hữu tình trong vũ trụ bacõi;

thế giới cộng nghiệp của chúng sanh hữu tình trong vũ trụ bacõi không thể tác hờichúng tôi căn bản vô minh để có vapháp.

Trong vũ trụ bacõi có nhiều thế giới cộng nghiệp, như thế giới cộng nghiệp củaloài người thì sanh ra loài người, thế giới cộng nghiệp củaloài điạngục thì sanh ra loài điạngục, thế giới cộng nghiệp củaloài súc sanh thì sanh ra loài súc sanh, thế giới cộng nghiệp củaloàiinga quý thì sanh ra loàiinga quý..v..v..... nghĩa là thế giới cộng nghiệp củaloài này thì là mnền tảng sanh ra chúng sanh củaloài đó. Trong vũ trụ bacõi có bao nhiêu loài chúng sanh hữu tình thì trong nội tâm có bấy nhiêu thế giới cộng nghiệp.

Chúng ta biết được những chúng tôi này khi chúng nó tác dụng lôikéochúng ta hành động nó in ảnh và ý nghĩ theo sự điềukhiển củachúng. Chúng tôi nghiệp lực trong khotàng A Lại Da thì nhiều vô số không thể kể hết, đều do hành động tạo tác củachúng sanh hữu tình từ vô lượng kiếp về trước, lưulạimãichodến đời này và truyềndến nhiều đời về sau nếu như không được tẩy sạch.

B/- Một Loại Thuộc Về Nghiệp Tướng:

Nghiệp Tướng là loại nghiệp chỉ có hình tướng mà không có năng lực, như hình tướng barmá của chúng ta đã qua đời từ lâu mà chúng ta vẫn nhớ hình ảnh đó không quên, như hình tướng những phong cảnh mà chúng ta tham quan được lưu lại trong tâm thức mà vẫn không quên nó, những hình ảnh đó hoàn toàn thuộc loại nghiệp tướng.

Tất cả hình tướng từ nơi thế giới ngoài cảnh, trong đó bao gồm hình tướng có thể chất (hữu thể thì thiết pháp) và hình tướng không có thể chất (vô thể thì tình pháp) đã trải qua từ vô lượng kiếp về trước và cho đến hiện tại đã được thân nhận và tàng trữ trong tâm thức A Lại Da với dạng chữ ngữ, tất cả đều là những nghiệp tướng và những nghiệp tướng này thuộc loại hình ảnh mẫu (blueprints)

để sử dụng và oviệc xây dựng và pháp trong thế gian. Vạn pháp trong thế gian ngoài cảnh có bao nhiêu hình tướng khác nhau thì trong nội tâm A Lại Da

đã có bấy nhiêu loại nghiệp tướng riêng biệt không giống nhau với hình thức chữ ngữ. Những chữ ngữ nghiệp tướng nó trên mặt dù có nhiều hình tướng riêng biệt nhau và chúng nhiều vô số kể không thể đếm được, nhưng theo Duy Thức Học những chữ ngữ nghiệp tướng đó tổng quát không ngoài ba loại là Hữu Tình Tướng, Vô Tình Tướng và Vô Minh Nghiệp Tướng.

1)- Hữu Tình Tướng:

Hữu Tình Tưởng là những hình tượng của chúng sanh hữu tình, nghĩa là những hình tượng của chúng sanh có tình cảm và có hiểu biết, tức là những chúng sanh đó có sáu Tâm Thức chiêngóp mắt ở trong như Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức, nhằm hợp tác để cùng sinh hoạt, chonên đượcgọi là chúng sanh hữu tình tượng.

Những hình tượng của chúng sanh hữu tình trong thế gian gồm có nhiều loại khác nhau, như loài người và loài động vật.

Loài người thì cũng có nhiều hình tượng khác nhau như, người da trắng, người da vàng, người da đỏ và người da đen..v..v.....
Loài động vật thì cũng có nhiều hình tượng khác nhau như, loài ngựa, loài bò, loài chó, loài heo,

loài gà, loài chim..v..v..... Tất cả hình tượng của những loài hữu tình nói trên nơi thế gian đều có mặt trong nội tâm A Lại Da với hình dạng là chủng tử, không ngoàimục đích dùng làm nhân tượng cho việc xây dựng sanh mạng của chúng sanh hữu tình ở kiếp sau, chonên nhà Duy Thức gọi chúng với danh xưng là chủng tử nghiệp tượng.

Để hình như trong Duy Thức Tam Thập Tụng Luận của Bồ Tát Thế Thân, haicâu đầu củabàitụng nhập đề giảithích: “Do giả thuyết ngã pháp, hữu chủng tử nghiệp tượng chuyển”, nghĩa là lý do giả sử nói đến ngã pháp nà o thì ngã tướng và pháp tướng đó chuyển biến hiện ra. Thídụ như, chúng ta ngồi đây nói đến Hoà Thượng Thích Thiệu Hoa thì ngã tướng Hoà Thượng Thích Thiệu Hoa hiện ra trong trí thức, nói đến Hoà Thượng Trí Thủ thì ngã tướng Hoà Thượng Trí Thủ hiện ra trong trí thức. Có thể nói tất cả ngã tướng trong thế gian đều có mặt trong tâm thức A Lại Da với trạng thái chủng tử nghiệp tượng.

Tất cả chúng tôi nghiệp tướng đã y nhà Duy Thức để u cho là giả tướng vì chúng nó không phải là chân tướng. Chân tướng là hình tướng chân thật, nghĩa là hình tướng mặc dù trải qua nhiều đời nhiều kiếp kể từ vô thủy đến nay vẫn không bị thay đổi tướng trạng, chonên được gọi là chân tướng. Còn giả tướng là hình tướng giả tạo không chân thật, nghĩa là hình tướng theo thời gian luôn luôn bị thay đổi tướng trạng, thay đổi mãi không giống hình tướng ban đầu. Thí dụ cha mẹ tên là A sinh ra con đặt tên là B, nhưng hình tướng của đứa con tên B thì không giống hình tướng chú tna của cha mẹ tên A và giả sử đứa con tên B đó lại có con tên là C thì hình tướng của cháu C cũng không giống chú tna hình tướng của ba mẹ tên B và hình tướng của cháu C lại càng khác xa hình tướng ông nội bà nội của nó tên A. Hiện tượng đó cho thấy, nghiệp tướng luôn luôn bị thay đổi hình tướng theo thời gian, chonên gọi chung nghiệp tướng đây là chúng tôi giả tướng.

Những nghiệp tướng thuộc loại hữu tình sẽ đã được thân nhận và ở trong nội tâm A Lại Da trở thành chúng tôi chính là do Ý Thức cảm thọ tạo thành, chonên nhà Duy Thức gọi những chúng tôi nghiệp tướng hữu tình là Thọ Giả Tướng; Thọ Giả Tướng nghĩa là hình tướng của những chúng tôi sinh hữu tình do Ý Thức cảm thọ mới trở thành chúng tôi. Thí dụ, anh A yêu cô B thì trong tâm của anh A có hình bóng của cô B với hình dạng chúng tôi nghiệp tướng; đồng thời cô B yêu anh A thì trong tâm của cô B cũng có hình bóng của anh

Avớihìnhdạngchúngtửnghiệptướng; nhưnghaingườiianh A vàcô B
 bịtrởngaiyêunhauvìhaibênkhôngđượcmôđănghộđối, do
 đóhaingườicùngthựtmộtlợcvànguýenkiếpsausẽgặpnhau. Sau
 khihaingườicùngchếtmộtlợc, tâmlinhanh A
 chunvàochúngtửnghiệptướngcủacô B
 đểlàmnhântướngchokiếpsau;còntâmlinhcô B
 cũnchunvàochúngtửnghiệptướngcủaanh A
 đểlàmnhântướngchokiếpsau;tronglúcđónghiệpáicủaanh A
 mạnhhơnnghịepáicủacô B, chonênnghịepáicủaanh A
 lôikéocảnhântướngcủahaingườianh A vàcô B
 cùnghaudầuthaivàogiađìnhhanh A, lúcđómẹanh A liềnsanhdôihaidừa
 con, mộttraivàmột gái; theoluậtnhânquả,
 quánhchiếunhậnthấyhaidứasanhđôitraigáinày,
 viliuânlýcholàanhemruộttthịt,
 nhưngthựctếởkiếptrước,haidứachínhlàvợchồngchưađượccứơigả. Hai
 đứasởđĩbịsanhdôilà do Ý Thứctạothànhthợgiảtướng.

Hiệntượngthứhai, anh C yêumếnâuyếmmcon mềovàanhthườngôm con
 mềocùnnghủchung, do đóhìnhbóng con
 mềotrởthànhnghịep tướngtrongtâm củaanh C
 vàđồngthờihìnhbóngcủaanh C trởthànhnghịep tướngtrongtâm của con
 mềo. Anh C saukhichết, tâmlinhcủaanhchunvàonghịep tướng con
 mềođểlàmnhântướngchokiếpsau; lúcđónghiệpáilôicuốntâmlinhanh C
 đầuthaivàogiađìnhbầymềođểtrởthànhmềo con
 củakiếpsau.Trườnghợpnàychúng ta đôikhicũngthấy, mộtítngườisanh
 ra cóbótheo, nghĩlàtrongchỗbớtđócolôngmọc ra giốngnhũlong con
 heo,điềunàychobiếtkiếptrướccủahọlàkiếpheođượcdầuthailàmngườivà

cái bố thí đó, nhà Duy Thức gọi là Nghiệp Dư; Nghiệp Dư nghĩa là nghiệp pheo của kiếp trước chưa dứt sạch, còn thừa lại ở kiếp này. Có người sanh ra bị bớt khí, nghĩa là chỗ bớt đó lông mọc ra giống như lông con khỉ, nghĩa là kiếp trước của họ là kiếp khỉ được đầu thailà m người ở kiếp này..v..v.. Tất cả hình tướng vừatrình bày đã y đề u được gọi là Thọ Giả Tướng. Bất cứ hình tướng nào của những chúng sanh hữu tình nơi thế giới hiện tượng bên ngoài đã được thân nhận và ở trong nội tâm A Lại Da để thành chủng tử thì những hình tướng đó được gọi là chủng tử nghiệp tướng hữu tình. Căn cứ nơi giá trị nhân quả nghiệp báo, những chủng tử nghiệp tướng hữu tình này y đề u thuộc loại chánh báo (chánh báo là quả báo chánh nhân) mà chúng không phải là chủng tử nghiệp tướng thuộc loại báo (báo là quả báo là mầm nướng tựa). Tuy là mang giá trị chánh báo, những chủng tử nghiệp tướng hữu tình này cũng vẫn mang tánh chất ảo tưởng (Cause of Illusions) và chúng đã được thân nhận từ hiện tượng chúng sanh hữu tình nơi thế giới bên ngoài để kết thành chủng tử trong nội tâm A Lại Da. Người ta quên những chủng tử nghiệp tướng hữu tình nói trên không ngoài ai hơn chính là do Ý Thức thứ sáu; Ý Thức này khi nhận thức một chúng sanh hữu tình này thì liền chụp lấy hình tướng của chúng sanh hữu tình đó thu vào, đồng thời tra truyền cho Thức Mặt Nạ cất giữ và quản lý trong kho tàng Thức A Lại Da để làm nhân tướng cho kiếp sau.

2)- Vô Tình Tướng:

Vô Tình Tướng là hình tướng của những chúng sanh vô tình, nghĩa là hình tướng của những chúng sanh không có tình cảm không có hiểu biết, tức là chỉ có tất cả cảnh giới tướng của nghiệp duyên có mặt trong thế gian. Những cảnh giới tướng của nghiệp duyên đây đều là thuộc loại cảnh giới tướng vô tình và những cảnh giới tướng vô tình này chính là một loại hình tướng của vạn pháp trong vũ trụ, trong đó có hình tướng của sơn hà đại địa, của trăng sao ngân hà, của cỏ cây hoa lá..v..v..... Thử dụ như chúng ta ngồi đây mỗi khi nhắc thành phố Sài Gòn thì hình tướng thành phố Sài Gòn từ trong nội tâm A lại Da hiện ra, nhắc thành phố Nha Trang thì hình tướng thành phố Nha Trang từ trong nội tâm A Lại da hiện ra..v..v..... Tất cả cảnh giới tướng vô tình đây mặc dù đã thành hình tướng nơi thế giới ngoại cảnh, nhưng vì do nghiệp duyên kết hợp thành, cho nên chúng nó vẫn không có tự tánh và chúng nó vẫn là thuộc loại giả tướng. Chúng nó một khi được chuân tập (nội kết) và ở trong nội tâm A Lại Da để trở thành chủng tử thì những chủng tử cảnh giới tướng đây cũng là giả tướng và chúng không ngoài mục đích dùng để là nhân tướng cho kiếp sau. Những chủng tử cảnh giới tướng vô tình trong nội tâm A Lại Dakhông chỉ huân tập một lần trong một kiếp mà chúng nó đã được chuân tập trải qua vô số lần trong vô số kiếp, nghĩa là chúng nó đã được chuân tập trải qua từ vô thỉ cho đến ngày nay và sẽ được chuân tập trải qua mãi mãi muôn đời về sau.

Cũng nhìn vào giá trị nhân quả nghiệp báo, những cảnh giới tướng vô tình đây cho dù đã được xây dựng thành hình tướng nơi thế giới ngoại cảnh, cho đến được nội kết thành chủng tử nơi trong nội tâm A Lại Da, tất cả đều là

y báo chí là mđiểm tựa cho các chúng sanh hữu tình chán báo sinh hoạt. Mỗi lần một chúng sanh hữu tình chán báo ra đời thì trong thời gian đó chính họ chạy theo nghiệp dục đã tạo ra một số cảnh giới tương vô tình y báo mới, để rồi những cảnh giới tương vô tình y báo đó nối tiếp nhau tập trở thành những nghiệp dục nối tiếp để là nhân tướng y báo cho những chúng sanh hữu tình chán báo ở kiếp kế tiếp. Cứ như thế, những cảnh giới tương vô tình y báo nối tiếp tục ra đời và nối tiếp tục chuân tập để thành những nghiệp dục và tiếp tục mãi trãi dài qua từ đời này sang đời khác, từ vô lượng kiếp về trước cho đến muôn đời về sau không bao giờ chấm dứt. Có thể nói, tất cả những cảnh giới tương vô tình y báo đã được tàng trữ trong nội tâm A Lại Da đều là giả tướng, chonên chúng được gọi là những tướng không có gốc.

3)- Vô Minh Nghiệp Tướng:

Ngoài những nghiệp tướng hữu tình và những nghiệp tướng vô tình ra, còn có một thứ nghiệp tướng khác nữa vô cùng quan trọng không thể thiếu mặt ở bất cứ lãnh vực nào trong tiến trình xây dựng vạn pháp nơi thế ngoại cảnh bacoĩ. Nếu không có những nghiệp tướng này, vạn pháp nơi thế giới ngoại cảnh bacoĩ không thể thành lập. Những nghiệp tướng này theo Duy Thức Học mang danh xưng là những nghiệp tướng.

Chủng tử vô minh nghiệp tướng nói trên chính là chủng tử căn bản, là nền tảng để cho các chủng tử khác phát sanh. Các chủng tử khác gồm có Chủng tử Chứng Tụ Chứng Phần Nghiệp Tướng và Chủng tử Tứ Đại Nghiệp Tướng. Hai loại chủng tử này sở dĩ được thành hình là do chủng tử vô minh nghiệp tướng tùy duyên chuyển hoá thành.

a/- Chủng Tử Vô Minh Nghiệp Tướng:

Chủng tử vô minh nghiệp tướng từ đâu sanh ra? Chủng tử vô minh nghiệp tướng chính là một khối năng lực được tổ hợp của tất cả năng lực của chi mạng vô minh (có tên khác là simê) từ nơi hết thảy chúng sanh hữu tình trong bacõi kết thành. Năng lực của Tạng Như Lai nơi chântâm chun và o chủng tử vô minh nghiệp tướng liền biến thành Tạng Thức, gọi là Thức A Lại Da. Theo Đại Thừa Khởi Tín của ngài Mã Minh, do Hoà Thượng Thích Thiện Hoa dịch: “Tạng Như Lai thì lấy trí tuệ là mánh và chọn chântâm là m thể, còn Tạng Thức thì lấy vô minh nghiệp tướng là mánh và cũng chọn chântâm là m thể”. Tạng Như Lai và Tạng Thức chaitrạng thái khác nhau, một bên là chângiá và một bên là mê vọng. Tạng Như Lai là tướng trí tuệ của chântâm và Tạng Thức là tướng mê vọng của vô minh. Tạng Như Lai là nền tảng phát sanh ra cảnh giới y báo và chư Phật chánh báo nơi chântâm như trong mười phương, còn Tạng Thức là nền tảng căn bản phát sanh ra cảnh giới y báo và chúng sanh chánh báo trong bacõi và bản chất của Tạng Thức thì biến độn liên tục không ngừng, nhà Duy Thức gọi bản chất của nó là Tâm Thức hằng chuyển như bộ clưu,

nghĩa là bản chất của Tạng Thức luôn luôn chuyển động như dòng thác nước đổ
 ồ xuống dốc. Nhờ biến động liên tục không ngừng,
 Tạng Thức không bị biến tướng,
 cũng như dòng nước nhờ chảy liên tục không ngừng chọn nguồn nước mới
 ồng và dòng nước cũ nhường chỗ cho nước mới. Cũng từ đó cho thấy, nhờ Tạng Thức biến động liên tục,
 chọn thế giới và chúng sanh trong bac ãi mới sanh tồn và nếu như Tạng Thức
 ngừng chuyển động thì thế giới và chúng sanh trong bac ãi bị sụp đổ không còn
 tồn tại.

b/- Chứng Tự Chứng Phần Của Tâm Tâm Thức.

Chứng Tự Chứng Phần của tâm Tâm Thức từ đâu sanh ra? Theo
 Duy Thức Học Chứng Tự Chứng Phần của tâm Tâm Thức đều được biến tướng
 từ vô minh nghiệp tướng. Danh từ Chứng Tự Chứng Phần là căn cứ nơi Tự Ch
 ứng Phần của tâm Tâm Thức mà đặt tên cho khác biệt.

Điều đặc biệt đứng trên lập trường tác dụng của Tâm Thức mà nhận thức thìn
 năng lực của Tạng Thức A Lại

Đạt trong vô minh nghiệp tướng theo nhu cầu của nghiệp lực liên tác dụng biến
 tướng thành Tự Chứng Phần để sinh hoạt và vô minh nghiệp tướng lúc đó cũng
 bị biến tướng theo được mang tên là Chứng Tự Chứng Phần của Tạng Thức và
 phần này dùng để chọn năng lực của Tạng Thức an trụ trong đó.

Năng lực của Tạng Thức trong vô minh nghiệp tướng cũng theo nhu cầu của
 nghiệp lực liên tác dụng biến tướng thành Tự Chứng Phần của Thức Mạt

Na và vô minh nghiệp tướng lúc đó cũng bị biến tướng theo được mang tên là C
 hững Tự Chứng Phần của Thức Mạt Na

và phần này cũng dùng để chọn năng lực của Tự Chứng Phần mang tên Thức Mạt Na an trú trong đó, Chứng Tự Chứng Phần của Ý Thức, Chứng Tự Chứng Phần của Nhân Thức, của Nhĩ Thức, của Tỷ Thức, của Thiệt Thức và của Thân Thức đều là biểu tượng của vô minh nghiệp tướng và Tự Chứng Phần của Ý Thức, Tự Chứng Phần của Nhân Thức, của Nhĩ Thức, của Tỷ Thức, của Thiệt Thức và của Thân Thức đều là biểu tượng của năng lực Tạng Thức thành hình. Năng lực của Tạng Thức thì dường như năng lực của dòng điện, năng lực dòng điện Tạng Thức chung và nghiệp tướng Chứng Tự Chứng Phần của Mạt Na thì biến thành năng lực dòng điện Tự Chứng Phần Mạt Na, năng lực dòng điện Tạng Thức chung và nghiệp tướng Chứng Tự Chứng Phần của Ý Thức thì biến thành năng lực dòng điện Tự Chứng Phần Ý Thức và năng lực dòng điện Tạng Thức chung và nghiệp tướng Chứng Tự Chứng Phần của Nhân Thức, của Nhĩ Thức, của Tỷ Thức, của Thiệt Thức, của Thân Thức thì liên biến thành năng lực dòng điện Tự Chứng Phần của năm Tâm Thức nói trên.

Năng lực Tự Chứng Phần của Tạng Thức, của Mạt Na, của Ý Thức, của Nhân Thức, của Nhĩ Thức, của Tỷ Thức, của Thiệt Thức, của Thân Thức mỗi khi tác dụng sinh hoạt thì có tên là Kiến Phần; Kiến Phần là phần tác dụng nhận thức của tám Tâm Thức và còn đối tượng đến nhận thức của Kiến Phần tám Tâm Thức được gọi là Tướng Phần và Tướng Phần này là phần hình tượng của vạn pháp dùng để nhận thức và Tướng Phần này cũng do Kiến Phần của tám Tâm Thức nương nơi vạn pháp tạo ra để làm đối tượng chọn nhận thức. Kiến Phần của tám Tâm Thức không thể duy trì hằng trực tiếp nơi vạn pháp cả thế giới chung từ bên trong lẫn thế giới hiện tượng bên ngoài để nhận thức;

chúngmuốnnhậnthứcvạnphápcảbêntrongnộitâmlấnbênngoàiphảiqua
TướngPhầncủavạnphápcđó do
KiếnPhầncủatámTâmThứcbiếnhiện.KhôngcóKiếnPhầncủatámTâmT
hứcthìhấtdịnhkhôngcóTướngPhầncủavạnphápcđểnhậnthức,
mặcdùvạnphápvẫncònhiệnnhữutrongthếgian.
TómłaitấtcảchúngtửnghiệptướngmangtênChứngTựChứngPhầndềulàg
iảtướngđượcphátsanhtừvôminh nghiệptướng,
chonêncúngcũngđượcgọilàchúngtửkhôngcónguồngốc.

c/- NghiệpTướngCủaTứĐại:

Còn nghiệptướngcủatứđạitừđâusanh ra?
NhưtrênphầnnóivềTứĐạicótrìnhbàyy:
Nghiệptướngcủatứđạichínhlàkhốicộng nghiệptậpkhícủacáphiềnnãovôminhtạothành.
NănglựccủatạngThứcchunvàokhốicộng nghiệptậpkhícủacáphiềnnãovôminhliênthành ra bốnthứnghiệptướngcủatứđại,
đồngthờinănglựccủatạngThứcchunvàobốnthứnghiệptướngcủatứđạibi
ếnthànhnănglựccủadất, nước,
gióvàlửa.Trườnghợpnàycũnggiốngnhưtánhướtcủanướcchunvàokhốilư
ợngkhíbiếnthành ra sương, chunvàokhốilượngkhóibiếnthành ra mây,
chunvàokhốilượngmuốibiếnthành ra
nướcbiển..v..v.....Mặcdùbiếnthành ra nhiềuhìnhtướngkhácnhau,
nhūhìnhtướngsươngmù, hìnhtướngmây, hìnhtướngnướcbiển..v..v.....
nhưngtánhướtcủanóvẫnkhôngmấtbảnchất.
CóthênóichúngtửnghiệptướngvôminhcủatạngThứcALại Da,

các chũng tử nghiệp tướng Chứng Tự Chứng Phần củ a tâm Tâm Thức,
các chũng tử nghiệp tướng củ a Tứ Đại, tất cả đều là giả tướng,
chonên chúng cũng đư ợc gọi là chũng tử không có nguồ n gốc.

III.- NGUYÊN LÝ XÂY DỰNG VẠN PHÁP NGOẠI CẢNH.

Theo Duy Thức Học hiện tượng vạn pháp nơ i thế giới ngoạ i cảnh,
trong đó có chúng sanh hữu tình và chúng sanh vô tình,
nhu trê n đã trìn h bà y chính là thành quả đã đư ợc xây dựng nê n và chúng đư ợc
hở i điể m từ nơ i chũng tử nghiệp tướng củ a hiện tượng vạn pháp nơ i thế giới nộ i
tâm A Lại Da là m nguyên nhâ n.
Trường hợp nà y cũ ng giố ng như vạn pháp nơ i thế giới ngoạ i cảnh đều đư ợc ph
á t sanh từ nơ i hạ t giố ng củ a chúng đê n nả y nỏ và phá t trỉ ê n. Nế u như không có hạ
t giố ng đê n nả y nỏ và phá t trỉ ê n thì vạn pháp không thể nà o có mắ t trong thế gian
. Chũng tử củ a hiện tượng vạn pháp nơ i thế giới nộ i tâm A Lại Da
nế u như không có thì hiện tượng vạn pháp nơ i thế giới ngoạ i cảnh thì lấ y đầ u đê
thà n h lập. Nhữ ng chũng tử củ a hiện tượng vạn pháp nơ i thế giới nộ i tâm A
Lại Da đư ợc gọi là Nhâ n Tướng,
và nhữ ng hiện tượng vạn pháp nơ i thế giới ngoạ i cảnh do Thức A Lại Da
xây dựng thà n h hìn h tướng đư ợc gọi là Quả Tướng.

Hiện tượng vạn pháp nơ i thế giới ngoạ i cảnh so
sá n cũ ng tươ ng tợ n như nhữ ng hìn h nhâ n vật trê n mà nả n h Ti Vi
và chũng tử củ a hiện tượng vạn pháp và nhâ n sanh nơ i thế giới nộ i tâm A Lại
Da cũ ng tươ ng tợ n như nhữ ng hìn h nhâ n vật trê n mà nả n h Ti
Vi đã đư ợc chấ t trong kho tàng

DVD với dạng chữ ngử. Sự vắng mặt của vạ pháp nơithế giới ngoạicảnh, mà người ta cho là chúng nó đã bị hoạidiệt, nghĩa là chúng nó đã chếtmất, nhưng trên thực tế chúng nó vẫn còn tồn tại trong thế giới chữ ngử nơinội tâm

A Lại

Da, điều đó cũng không khác nàonhững hình ảnh nhân vật trên màn ảnhTi Vi khi bị điệncúp không còn hiện nữa, nhưng không có nghĩa là chúng nó đã bị xoá sổtiêudiệt, trái lại trên thực tế chúng nó vẫn còn tồn tại trong kho tàngDVD. Hiện tượng vạ pháp nơithế giới ngoạicảnh đều do Tâm Thức ALại Da dựa trên pháp tướng củahiện tượng vạ pháp nơithế giới chữ ngử xây dựng thành hình tượng trong thế gian, điều đó cũng giống như những hình ảnh nhân vật trên màn ảnhti vi sở dĩ được hiện hình là đều do dòng điệntác dụng chiếu sỏitừ nơi DVD. Ý nghĩa này được thấy trong câuthơ của ThiềnsưVạnHạnh;

ThiềnsưVạnHạnh trước khi việntịch có để lại bỗncâuthơ gọi là ThịTịch; trong bỗncâuthơ đó, có câuthơ đầu nóilên ý nghĩa trên và câuthơ đầu như sau: “Thân Như điệnnảnhữ hoàn vô”, câuthơ này có nghĩa là thân thể con người và vạ pháp trong thế gian theo ThiềnsưVạnHạnh so sánh cũng giống như điệnnảnh trên màn ảnh, chúng nó không có vấn đề sanh diệt, mà chỉ có vấn đề hiện nửu và không hiện nửu đấythôi; yếu chửcâu này nóilên rằng, Thiềnsư không còn hiện nửu ở cõi này nửu không có nghĩa là đã việntịch mà nó đúng nghĩa là hạnh nguyện củangàidã việnmãn, rồi isaudóngàisẽ hiện nửu ở cõi khác để tiếp tục độ sanh, cũng tương tự như những hình ảnh trong kho tàngDVD

tích tụ những thứ ôn nhiễm nhớt và sắc pháp đất y tế là chỉ cho đất, nước, gió, lửa bị ôn nhiễm những thứ nhớt; Ấm là ngăn che, Sắc Ấm nghĩa là từng loại sắc pháp chừa nhóm ngăn che trituyệt không cho phát sanh sáng soi.

Sắc Uẩn là chỉ cho Tứ Đại ở trong cõi Dục và Sắc Ấm là chỉ cho Tứ Đại ở trong cõi Sắc. Tứ Đại trong cõi dục bị ái dục đứng đầu chỉ đạo là ôn nhiễm các chất đất, nước, gió, lửa trở nên nặng nề nhớt trong ngũ trược cách thức như: kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược và mạng trược, vì năm thứ này là nhiệm mô lâu đời nguy hiểm nhất của tứ đại và khiến tứ đại bị biến thái trở thành nhân tố trong trược và trở thành nhân tố căn bản trong thế gian. Ngũ trược cách thức theo Tự Điển Phật Học Huệ Quang, tập 5, trang 4619 giải thích:

“Ngũ Trược theo tiếng Phạn là Pānca Kasāyāh, là chỉ cho năm thứ cặn đục khởi lên trong kiếp giảm:

“1- Kiếp Trược (Phạn: Kalpakasāya). Vào thời kiếp giảm, lúc tuổi thọ con người rút ngắn còn 30 tuổi thì nạn đói kém xảy ra, lúc giảm còn 20 tuổi thì nạn bệnh tật xảy ra, lúc giảm còn 10 tuổi thì nạn chiến tranh xảy ra, tất cả chúng sanh trong thế giới đều bị hại.”

“2- Kiến Trược (Phạn: Drstikasāya). Chánh pháp đã diệt, tượng pháp dần dần khởi lên, tà pháp bắt đầu sanh, tà kiến tăng mạnh, làm cho con người không tập pháp lành.”

“3- Phiền Não Trước (Phạn: Klesákasāya). Chúng sanh nhiều uáidục, tham lam bỗnsẻn, thích đấutránhduanính, dổitrá, tiếpnhậntàpháp, nêntâmthầnbịnãoloạn.”

“4- Chúng Sanh Trước (Phạn: Sattva kasāya). (Còn gọi là Hữutình trước): Chúng sanh phần nhiều uácdộng, khônghiếukính cha mẹ, người lớn tuổi, khôngsợquả báoác, khôngtạocôngđức, khôngtuhệthí, khônggiữgìntraigiới.”

“5- Mạng Trước (Phạn: Āyakasāya) (còn gọi là Thọ trước): Thời xưa con người thọ 8 vạn tuổi, đời nay do ác nghiệp tăng trưởng nên tuổi thọ giảm dần, người trăm tuổi rất hiếm.”

Nếu như chọn lấy sắc củatrọng trước này xây dựng vạn pháp, nghĩalàxây dựng chúng sanh hữutình và chúng sanh vô tình trong thế gian thì vạn pháp trong thế gian đãylẽ đượgnhiêntrởnên bị ô nhiễm lập tức và chúng không còn trong sạch nữa. Thí dụ như khi con người già chết, tứ đạinởi thân thể củahọlúc đó bị tan rã và bay mùihồithối. Còn Tứ Đạitrong cõi sắc thuộc loại tinh túy, chúng hoàn toàn ở trạng thái inãnglực, theo Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển I, tác giả Thích Thắng Hoan, trang 215 giảithích bốn năng lực tinh túy này như sau:

“1>- Đất: là năng lực chướng ngại, nghĩalà năng lực thuộc loại cứng rắn, cóánhcáchngănngại, khiếnchophát sanh chất ngại và rắncắcnhưđất, nên gọi là Địa Đạ.”

“2>- Nước: là năng lực lưu nhận, nghĩa là năng lực kết hợp dung hoá những chất ngạicủa năng lực chướng ngạikhông đồng đều nhautạothành ra nhiều nguyên chất khác nhau, như nước dung hoá trong mọi sự vật, nên gọi là Thủy Đại.”

“3>- Gió: là năng lực phiêu động, nghĩa là năng lực di động biến dịch khiến cho cá chiệntượng sanh diệt biến hoá như gió, nên gọi là Phong Đại.”

“4>- Lửa: là năng lực viêmnhiệt, nghĩa là sức nóng hàmtàng trong vạn vật như lửa, nên gọi là Hoả Đại.”

b- Hai là nghiệp tướng.

Nghiệp Tướng là một loại tượng trạng, hình thái, mô hình củachúng sanh hữu tình và củachúng sanh vô tình, trong đó có con người (Forms) mang tánh chất tập khí đã được nội kết trong Thức Thể A Lại Da thành chủng tử (tiềm năng). Theo tác phẩm “Con Người Được Sanh Ra Từ Đâu” cùng một tác giả, trang 6 giải thích:

“Nghiệp Tướng là chỉ những mô hình kiến trúc (Constructional models) hoặc những hoạ đồ kiêu mẫu (Blueprints) nhằm để xây dựng con người và vạn pháp thành những hình tượng duyênsanhiệnhữutrong vũ trụ. Nghiệp tướng tập khí không những là mô hình kiến trúc biểu hiện ra ngoài thân thể qua hiển tướng, hình tướng, biểu tướng; hiển tướng là tướng xanh, vàng, đỏ, trắng, sáng, tối..v..v.....;

hình tướng là tướng dài, ngắn, vuông, tròn, mập, ốm..v..v.....;
 biểu tướng là tướng đi, đứng, nằm, ngồi, lấy, bỏ, co, duỗi..v..v.....
 Còn là mô hình kiến trúc biểu hiện nội tại bên trong thân thể chúng sanh qua
 hệ thống sinh lý, như hệ thống tuần hoàn, não là thần kinh, phế phổi,
 gan ruột, tim thận..v..v.....
 chomột sanh mạng sinh hoạt tồn tại trong thế gian.”

Nghiệp Tướng có hai loại: một loại là Hữu Tình Tướng (nhân sanh)
 và một loại là Vô Tình Tướng (vạn pháp)
 cũng có tên là Cảnh Giới Tướng. Hữu Tình Tướng cũng gọi là Ngũ Tướng thuộc
 chánh báo và Cảnh Giới Tướng
 (Vô Tình Tướng) cũng gọi là Pháp Tướng thuộc y
 báo. Một chúng sanh hữu tình tướng (nhân sanh) chánh báo nào khi được sanh
 ra thì lúc đó cảnh giới tướng (vạn pháp) y
 báo của họ quanh hệ cũng phải được sanh theo để là môi trường sống cho chín
 hợ sanh trưởng và tồn tại. Thí dụ một con người chánh báo khi được sanh ra
 thì lúc đó cảnh giới tướng y báo của con
 người đó cũng phải sanh theo để là môi trường sống như không khí,
 lương thực, áp xuất..v..v..... để họ sanh trưởng và tồn tại trong thế gian;
 cũng như một con cá chánh báo khi được sanh ra
 thì phải có một số lượng nước tăng trưởng để là môi trường sống cho con
 cá đó ăn uống hít thở,..v..v..... Một con nai chánh báo khi được sanh ra
 thì lúc đó cảnh giới tướng y báo của con nai con
 cũng phải được sanh theo để là môi trường sống cho chính con
 nai đó sanh trưởng và tồn tại;
 cho đến bất cứ loài động vật nào một khi chánh báo được sanh ra
 thì lúc đó cảnh giới tướng y

báo của chúng cũng phải được sản xuất để là môi trường sống cho chính chúng nó sản xuất và tồn tại. Điều đáng chú ý, một chúng sanh hữu tình hánh báo được sanh ra, nhà Duy Thức gọi là tự biến; tự biến nghĩa là chính tự thân của một hữu tình hánh báo biến nhiệm sanh khởi riêng biệt theo định luật nhân quả; còn cảnh giới tương của cộng đồng chủng loại cùng nhau biến nhiệm để cùng nhau hỗ trợ cho cảnh nhân của hữu tình tự biến nói trên được sản xuất theo định luật duyên sanh gọi là cộng biến. Thí dụ trong thành phố, mỗi ngọn đèn điện tự sanh khởi ánh sáng riêng biệt để soi sáng gọi là tự biến; cùng lúc đó ánh sáng chung của cả triệu ngọn đèn điện tự biến hoà hợp tăng thêm ánh sáng chiếu tỏ khắp thành phố trở nên rực sáng, ánh sáng chung đó gọi là cộng biến.

c- Ba là nghiệp lực,

Nghiệp lực như trên đã trình bày là một năng lực thúc đẩy nhân sanh (con người) chạy theo nghiệp báo để trả quả do nghiệp nhân làm ra. Theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang, quyển 6, trang 4764 giải thích: “Nghiệp là năng lực được hình thành do những hành vi đời quá khứ kéo dài đến hiện tại hoặc tương lai. Ngoài ra “Nghiệp” còn bao hàm tư tưởng nhân quả báo ứng về mặt hành vi thiện ác như khổ vui và tư tưởng luân hồi trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai.” Ngoài nghiệp tham sân si..v..v..... ra còn có vô số nghiệp lực khác nữa, như nghiệp phạm hạnh, nghiệp pháp, nghiệp sát sanh, nghiệp trộm cướp, nghiệp tà dâm, nghiệp vọng ngữ..v..v..... và những nghiệp đó do nghiệp năng, hành động tạo tác, ý chí thúc đẩy gây ra kể từ vô thỉ cho đến nay

chờ cơ hội chiêu mộ của báo lành hay dữ trong hiện tại do nghiệp đó quyết định.

Tất cả nghiệp nói trên đều gọi chung là nghiệp lực. Cũng theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang, quyển 6, trang 4766 giải thích; “Nghiệp lực chi phối đời sống của chúng sanh trong 3 cõi, 9 địa, lại do tánh chất của nghiệp tương ứng với mỗi loại, mỗi cảnh giới.” Những nghiệp lực này được nội kết trong nội tâm A Lại Da thành chủng tử gọi là nghiệp chủng tử. Nghiệp chủng tử này khi gặp được duyên để tác dụng sanh khởi gọi là nghiệp nhân và nghiệp nhân này dẫn dắt chúng sanh hữu tình

(nhân sanh) luân hồi trong ba cõi chính địa gọi là dẫn nghiệp. Nghiệp nhân dẫn dắt chúng sanh hữu tình

(nhân sanh) đi thọ quả báo gọi là nghiệp báo. Nghiệp báo nghĩa là quả báo của nghiệp, tức là quả báo khổ vui do nghiệp nhân thiện ác chiêu mộ. Theo Luận Thành Thật 8, Phẩm Tâm Thọ Nghiệp Báo (Đại 32,298 thượng) giải thích: “Ta ở nghiệp thiện thì được quả báo an vui, ta ở nghiệp bất thiện thì chịu quả báo khổ, nghiệp bất động được quả báo không khổ không vui.” Cũng trong Từ Điển Phật Học Huệ Quang, quyển 6, trang 4767 giải thích: “Trong nghiệp báo, nghiệp quyết định con người già nghèo, sống lâu chết yểu và vận mệnh, gọi là

“Mãn nghiệp”. Nghiệp quyết định tánh cách chung và điều kiện sinh hoạt chung của con người gọi là “Dẫn nghiệp”. Tướng chung của các quả báo hữu thọ sanh là người, là súc vật gọi là “Tổng báo”.

Dù cùng thọ sanh là người nhưng có sự khác nhau về già nghèo, trí ngu, tốt xấu gọi là “Biệt báo”. Chủ thể quả báo, tức thân và tâm của hữu tình là

“Chánh báo”; cõinướcvàcác vậtthọđụnglàchỗnướnggácủahữutình, nêngọilà “Y báo”. Cõinước, núisôngcònlàquảbáoủanhiềungườicùngthọđụng, do cộngnghịpcùngchiêucảm, chonêngọilà “Cộngbáo”. Do nghiệpmàcóquảbáo, đólàlẽtấtnhiênthìgọilà “Nghiệpquảphápnhiên”. Từvôthỉđến nay biết bao chúngsinhữutìnhtựtạoláybiết bao nghiệpbáoriêngtứđểrồithọnhậnluânhôichịulấynhữngnghiệpbáođó. Tất cảnhữngdũkiệntrêndềuhoàntoàn do nghiệpplựccquyếndịnhcả.

d- BốnlàThứcALại Da,

Thức A Lại Da là danh từ chung chỉ cho thức thể mang danh nghĩa A Lại Da là một loại tâm thức là mầm tảng căn bản cho vũ trụ bacõi hiện hữu và tồn tại. Thức này theo Duy Thức Học là cội gốc của các pháp, là nguồn gốc của vạn hữu vũ trụ trong bacõi, có khả năng khiến cho vạn hữu trong bacõi tồn tại, không bị mất đi, nêngọiTạngThức. Thức này là kho tàng dung chứa tất cả chủng tử của vạn pháp để là mầm nôi sinh ra và nuôi lớn vạn pháp trong thế gian, chonêncũngđượcgọilàChủngTửThức.

Trong thế giới quan Phật Giáo gọi Thức này tên là Thức Vô Biên Xứ; Vô Biên Xứ nghĩa là chốn trú của Thức này rộng lớn mênh mông không thấy bờ mé ranh giới của nó. Thức này đích thực là kho nôi năng lượng khổng lồ không có hình tướng chonênkhông thấy ranh giới của nó và nó cũng chính là kho nôi năng lượng của Tạng Như Lai nơi thế giới chân như và kho nôi năng lượng của Tạng Như Lai

khi bị ôn nhiễm bởi vô minh nghiệp tướng liền trở thành khối năng lượng của Th
 ức A Lại Da (Tạng Thức).
 Thế giới chân như là thế giới chân thật không hư vọng, không biến đổi
 (Chân là không hư vọng, như là chẳng biến đổi).
 Ranh giới giữa khối năng lượng Thức A lại
 Da ở nơi cõi mê vọng và giữa khối năng lượng của Tạng Như Lai ở nơi cõi chân
 như được gọi chung với danh nghĩa là Phi Tướng Phi
 Phi Tướng Xứ. Thí dụ như ranh giới giữa áp xuất (sức hút)
 của địa cầu và giữa áp xuất của mặt trăng có tên là Quỹ Đạo.
 Quỹ Đạo là một khoảng cách rộng lớn nằm giữa hai áp xuất của địa cầu và của
 mặt trăng. Vị trí của Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ nằm giữa Tạng Như Lai
 và Thức A Lại Da
 cũng giống như vị trí của Quỹ Đạo nói trên. Nếu như một vị Phật đứng trong thế
 giới chân như nhìn xuống thế giới mê vọng thì vị trí Phi Tướng Phi
 Phi Tướng Xứ chính là bờ mê; còn chúng ta
 đứng trong thế giới mê vọng nhìn lên thế giới chân như thì vị trí Phi Tướng Phi
 Phi Tướng Xứ chính là bờ giác; điều này cũng giống như chúng ta
 ở nơi quả địa cầu nhìn lên cung trăng thì vị trí quỹ đạo chính là ranh giới của cun
 g trăng, còn như chúng ta
 ở nơi cung trăng nhìn xuống quả địa cầu thì vị trí quỹ đạo chính là ranh giới của q
 uả địa cầu không khác.

Trạng thái năng lượng Thức A lại
 Da trong bacoĩ cũng chính là không gian năng lượng chung của abacoĩ và khôn
 g gian năng lượng này luôn luôn biến động không ngừng,
 nhà Duy Thức cho không gian năng lượng biến động không ngừng này là hàng
 chuyển như bộ lưu,

nghĩa là nó luôn luôn chuyển động như thác nước đổ xuống dốc. Chúng sanh hữu tình và vô tình trong bacõinờ không gian năng lượng biến động không ngừng này của Thức A Lại Da mà được tồn tại, nếu như không gian năng lượng của Thức A Lại Da không chuyển động thì nhất định chúng sanh hữu tình và vô tình trong bacõi liên tục biến lập tức. Chúng sanh hữu tình và vô tình trong bacõi đối với năng lượng Thức A Lại Da thì năng lượng Thức A Lại Da được gọi là Thức Thể; hình tướng của Thức A Lại Da trong chúng sanh hữu tình và vô tình nơi bacõi gọi là Thức Tướng. Năng lượng Thức A Lại Da tác dụng sanh ra chúng sanh hữu tình và vô tình trong bacõi gọi là Thức Dụng.

Năng lượng Thức A Lại Dakhi tác dụng sanh hoạt được gọi tên là Kiến Phần A Lại Da (là phần tác dụng của A Lại Da) và Kiến Phần này kích hoạt nghiệp tướng này để sanh khởi cho một sanh mạng chúng sanh hữu tình thì kiến phần Thức A Lại Da đó được mang tên là Thức Dị Thục; Thức Dị Thục là tên khác của Thức A Lại Da và nó cũng chính là ông thợ kiến trúc để xây dựng sanh mạng của chúng sanh hữu tình và sanh mạng của chúng sanh vô tình trong bacõi.

2.- Hình Thức Xây Dựng Chúng Sanh Hữu Tình Và Vô Tình.

Tâm Thức A Lại Da muốn xây dựng chúng sanh hữu tình và vô tình ở ngoài cảnh thì phải bắt đầu từ

nơi chúng tử của chúng sanh hữu tình và vô tình trong nội tâm DVD A Lại Da,

nếu không có những chúng tử này trong tâm thì nhất định không có chúng sanh hữu tình và vô tình ở ngoài cảnh.

Khi xây dựng chúng sanh hữu tình và vô tình ở ngoài cảnh, Tâm Thức A Lại Da nhất định phải qua sự chỉ điểm của Thức Mạt Na thứ bảy, vì Thức này là tâm thức quản lý tất cả chúng tử hồ sơ chúng sanh hữu tình và vô tình trong kho tàng A Lại Da. Trong kho tàng A Lại Da, có vô số hồ sơ chúng sanh hữu tình và vô tình nơi thế giới ngoài cảnh,

đã được tàng trữ lâu đời từ vô lượng kiếp về trước với hình dạng chúng tử và những chúng tử đó do Tâm Thức Mạt Na này quản lý,

vì thế nhà Duy Thức căn cứ theo vô số chúng tử của những chúng sanh đầy đặc không đếm được nói trên mà đặt cho Tâm Thức A Lại Da với danh xưng là Nhứt Thiết Chủng Thức. Nhứt Thiết Chủng Thức là tên khác của Tâm Thức A Lại Da,

vì Tâm Thức này là một kho chứa chuyên môn tàng trữ tất cả chúng tử của chúng sanh hữu tình và vô tình. Còn Thức Mạt Na

này thì lại căn cứ theo luật nhân quả nghiệp báo mà chọn những chúng tử chúng sanh hữu tình này và vô tình này cần phải trả quả trước thì chỉ điểm cho Tâm Thức A Lại Da

ra tay xây dựng thành hình tướng sớm hơn trong thế gian để báo ứng khi bị làm lạc. Nói chung hơn, trong vô số chúng tử nói trên, Tâm Thức Mạt Na

muốn chọn những chúng tử nghiệp báo này ra trước theo nhu cầu đã được khẳng định để trả quả thì Tâm Thức A Lại Da

căn cứ theo đó xây dựng thành hình tướng trong thế gian của kiếp này; còn những chúng tử nghiệp báo khác thì phải chờ đợi thời gian khác của kiếp sau. Tâm

Thức Mạt Na

nếu không chỉ dẫn những chúng tử cần phải sanh trước cho ăcsanhsauthì lúc đó Tâm Thức A lại Da không biết là msaodể thực hành đúng theo luật nhân quả nghiệp báo. Hiểu chỉ nhxá chơn, sự hiện hữu và sinh tồn của chúng sanh hữu tình và vô tình ở ngoài cảnh đúng ra phải nói chính là Duy Nghiệp, nghĩa là sự sanh diệt của chúng sanh hữu tình và vô tình trong thế gian ngoài cảnh không phải do Tâm Thức A Lại Da quyết định mà ở đây đúng là do nghiệp báo quyết định, mà trong đó Tâm Thức A Lại Da chỉ hành theo lệnh của nghiệp báo mà thôi. Quasự nhận thức của Duy Thức, Tâm Thức A Lại Da không phải là Thượng Đế mà ở đây nghiệp báo mới chính là Thượng Đế, cũng như trong con người, linh hồn không phải là Thượng Đế mà ở đây nghiệp báo mới chính là Thượng Đế, nguyên vì nghiệp báo là nhân tố chính quyết trong việc không chết tất cả sự sinh hoạt của tất cả chúng sanh hữu tình và vô tình. Nên biết thêm, Tâm Thức A Lại Da xây dựng từng cá thể của một nhân sanh, một chúng sanh hữu tình chánhbáothành hình tượng riêng biệt gọi là tự sanh hay tự biến nhằm để hưởng lấy quả báo riêng khác nhau được gọi là tự quả. Tâm Thức A Lại Da xây dựng chúng sanh vô tình báothành hình tượng với tánh cách cộng đồng chung loại cùng nhau phát triển gọi là cộng sanh hay cộng biến để cung ứng môi trường sống cho một nhân sanh, một chúng sanh hữu tình chánhbáodósanhtồn.

A.- Hình Thức Xây Dựng Chúng Sanh

Hữu Tình.

Chúng sanh hữu tình là những chúng sanh có tình cảm và hiểu biết như con người..v..v.....và các loài động vật. Theo

Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển I cùng một tác giả, trang 352 giải thích, “Thức A Lại Da xây dựng chúng sanh hữu tình có bốn hình thức:

hình thức sanh ra bằng bào thai gọi là thai sanh; hình thức sanh ra bằng trứng gọi là noãn sanh;

bằng chổ ấm thấp gọi là thấp sanh, hình thức sanh ra

bằng cách chuyển hoá gọi là hoá sanh. Những chúng sanh hữu tình sanh ra

bằng bào thai như loài người, loài bò, loài trâu, loài chó..v..v.....;

những chúng sanh hữu tình sanh ra bằng trứng như loài gà,

loài chim..v..v.....; những chúng sanh hữu tình sanh ra

bằng chổ ấm thấp như côn trùng (Insects), loài rận (bugs) loài bọ hung

(beetles)..v..v.....; những chúng sanh hữu tình sanh ra

bằng chuyển hoá như loài lăng quăng (mosquitos) biến thành loài ấu trùng,

loài nhộng (chrysalis) biến thành loài bướm

(butterflies)..v..v.....” Các cõi trời Vô Sắc sanh ra

chúng sanh hữu tình bằng cách vọng hiện, thí dụ như hình bóng con người,

hình bóng mặt trăng,

hình bóng cây cảnh dưới đáy hồ nước trong bằng cách vọng hiện từ nơi con

người thật đứng bên bờ hồ, mặt trăng thật trên trời sanh,

cây cỏ thật bên ven hồ. Các cõi trời Sắc sanh ra

chúng sanh hữu tình bằng cách hoá sanh.

Các chúng sanh hữu tình trong cõi Dục sanh ra đầy đủ bốn hình thức Thai

Sanh, Noãn Sanh,

Thấp Sanh và Hoá Sanh đã nói ở trên. Nói tóm lại tất cả chúng sanh trong ba cõi

được sanh ra với bất cứ hình thức nào cũng đều do Tâm Thức A Lại Da kiến tạo cả.

1/- Sự Quan Hệ Của Chúng Sanh Hữu Tình Qua Mười Hai Nhân Duyên.

Phương thức xây dựng những chúng sanh hữu tình ở cõi Dục chính là Mười Hai Nhân Duyên, nguyên vì chúng sanh hữu tình ở cõi này do ái dục không chế toàn diện, chonê đức Phật ghé tất cả chúng sanh hữu tình và vô tình trong cõi Dục chung lại với một danh xưng là Dục Giới. Chử Ái trong Mười Hai Nhân Duyên gọi là Ái Dục, Ái Dục đây, theo Duy Thức Học, nghĩa là luyến ái tình dục giữa hai tính: tính âm và tính dương, giữ giống đực và giống cái, giữ anam và nữ; như Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển II cùng một tác giả, trang 142 giải thích: “Ái Dục, tức là đam mê sắc dục tình hai giới anam nữ khác tính với nhau”. Đây là yếu tố đã nạo Tâm Thức A Lại Da xây dựng (Thủ) từng cá thể của tất cả chúng sanh hữu tình ở cõi Dục được sanh rành rảnh để góp mặt trong thế gian. Ngoài trừ hoá sanh, tất cả chúng sanh hữu tình ở cõi này phần lớn đều được sanh ra qua hình thức thaisanh, noãn sanh và thấp sanh và chúng đều được kiến tạo ở phương thức Mười Hai Nhân Duyên nói trên. Mười Hai Nhân Duyên là đạo lý duyên khởi của Phật Giáo chủ trương và đạo lý duyên khởi này chính là công thức xây dựng chi dàn hriêng cho chúng sanh hữu tình, m

à không phải công thức xây dựng có tác dụng phổ thông dành cho toàn bộ vạn pháp. Ý nghĩa Mười Hai Nhân Duyên, theo Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển II cùng một tác giả, trang 126 giải thích: “Tiếng Phạn là Dvādaśaṅgapratītya-Samutpāda, nghĩa là mười hai điều kiện quan hệ với nhau để thành hình một con người hay một chúng sanh hữu tình khởi đi từ Nhân Dị Thục đi đến Quả Dị Thục, chuyển biến qua nhiều giai đoạn và cần nhiều yếu tố hỗ trợ cho việc nảy nở và phát triển.”

2/- Giáo Nghĩa Mười Hai Nhân Duyên:

Mười Hai Nhân Duyên cũng có tên là Mười Hai Chi, tức là mười hai điều kiện hỗ trợ cho một nhân duyên trong tiến trình sanh khởi và phát triển để thành hình tướng cho một nhân sanh hay một chúng sanh hữu tình trong thế gian. Thành phần Mười Hai Nhân Duyên gồm có: Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh và Lão Tử. Giáo nghĩa của Mười Hai Nhân Duyên, theo Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển II cùng một tác giả, trang 127 giải thích như sau:

“1/- Vô Minh (Avidyā): Vô Minh là trạng thái Tâm Thức mê hoặc và pháp, không chứng ngộ được chân lý của các pháp, không thông đạt được nội dung giá trị tri kiến khai phương pháp phá hoại giả nguồngốc của hoặc, của nghiệp, cũng như của khổ để đạt đến giác ngộ toàn diện.”

Để hiểu rõ trạng thái vô minh, thí dụ như con người bị vô minh che lấp, theo giá trị Phật Giáo khi vào trong bào thai, khi ở trong bào thai cũng như khi

ra khỏi bà o thai họ hoàn toàn không biết.
Trùng hợp thứ hai khi đứa bé mới sinh ra,
tâm của nó cũng bị vô minh hôn mê chọn nó rất ngay thơ không hiểu biết
chứ đâu có sự việc bên ngoài, nhờ lớn lên và ở trường học mới để xóa dần vô minh,
nhờ đó trí tuệ của nó mới được phát sanh trở thành kỹ sư bác sĩ...v.v.....

“2/-Hành

(Samskàra): là chỉ cho một năng lực có tánh cách giống như nghiệp,
nhưng nó không phải là nghiệp và nó cũng không phải là hành động của một
năng lực nào khác ngoài năng lực đó phát sanh.

Hành ở đây chính là một năng lực được phát sanh từ vô minh nghiệp tướng và
sanh hoạt khắp bacõi, đồng thời hôn mê Tạng Như Lai và biến Tạng Như
Lai thành Tạng Thức (Thức A Lại Da).
(Xem lại trong Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển I, tái bản lần thứ hai,
trang 201). Tóm lại Hành trong mười hai Nhân Duyên chính là năng lực được
phát sanh từ Vô Minh mà ở đây nó không phải phát sanh từ nghiệp lực,
nguyên vì nghiệp lực có nhiều loại, có loại thiện, có loại ác, có loại vô ký,
nhưng bản chất của Hành thì hoàn toàn xấu ác và nó không có chút nào tánh
thiện trong đó cả.

Hơn nữa mỗi loại nghiệp đều có năng lực riêng tư như nghiệp sát tợn có năng
lực khiến cho Tâm Thức nổi lên cương giận dữ thì dĩ nhiên Vô Minh
tợn cũng có năng lực gọi là Hành và năng lực này tác dụng lâu dần và pháp
lực chuyển đến đời bất diệt.”

“3/- Thức (Vijnàna): Thức trong Mười Hai
Nhân Duyên chính là chỉ cho Tâm Thức A Lại Da
thứ tám và Tâm Thức này không phải là Ý Thức thứ sáu, nguyên vì Ý

Thứthứsáu trongthờikỳ nàychưacó danhnghĩa,
nghĩalà nóchỉ mangtênchungvớinămThứcởtrướcgọi làLụcNhập(sáucủa
đivào) hay làLụcXứ (sáuchỗphát sanhhiểubiết).
VêusauLụcNhậpđượckhatriểngiátriliềntrởthànhLụcThứcGiới
(sáuranhgiớihiểubiết), hoặcLụcThứcXứ(sáuchỗphát sanhhiểubiết)
màtrongđó Ý Thức thứsáu đượcmangtên là Ý ThứcGiới hoặc Ý
ThứcXứ.LụcNhậpnghĩalà sáucánhcủacủaDanhSắ đểhiểubiếtvàchọn
lưanhữngđiểmtựanàohợpduyêntroingviệcthànhhìnhsinhmệnhchokiếpsau
liênkýgởisốphậnmìnhvàodó.” Qua
nhữngdữkiệnnóitrêncóthểkhảngđịnhThức Chi trongMười Hai
NhânDuyêncínhlàchỉchoTâmThứcALại Da
thứtámmà nó khôngphảichỉ cho Ý Thức thứsáu.

“4/- DanhSắc (Nàma-
Rùpa):DanhSắclà danhtừgọichungcảhailãnhvựctinhthầnvàvậttchất,
nhưDanhlàchỉchophươngđiệntinhthầnvàSắclàchỉchophươngđiệnvậttch
ất.” DanhvềphươngđiệntinhthầntrongđógồmcóThứcDịThụcALại Da,
NghịệpLựcvàNghịệpTượng;
cònSắcvềphươngđiệnvậttchấtnhưsắcmtrongngủấm hay
sắcuẩnntrongngũuẩnntrongđógồmcóbổntánhchấtnhưđất, nước, gió, lửa.
Đứngvềphươngđiệnsắcuẩngồmcócácloạihạtgống,
nhưhạtgốngnoãnchâu (đùmtrứng) củacácpụnữ, hậtgốngđậuxanh,
hậtgốnglúagạo..v..v.....Cácloạihậtgốngđâychỉlàyếutốvậttliệuxây
cấtdùnglà mtrợduyêncácchủngtửtrongnội tâmhiệnthànhhìnhtượngnoin
goạicảnhvềphầnvậttchất, nhưhìnhtượng con người,
hìnhtượngcâyđậuxanh, hìnhtượngcây lú..v..v.....

“5/- Lục Nhập (Sad-Ēyatana): Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt, quyển I, trang 779 do Phân Viện Nghiên Cứu Phật Học Hà Nội xuất bản 1992 giải thích: “Lục Nhập trong Thập Nhị Nhân Duyên là Nội Lục Nhập, tức là sáu căn.”..... Sáu Căn đây là chỉ cho sáu Căn Thức của Nội Lục Nhập mà không phải sáu Căn của Ngoại Lục Nhập. Sáu Căn của Ngoại Lục Nhập là chỉ cho sáu giác quan của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý thuộc về sáu xứ trong mười hai xứ (thập nhị xứ). Sáu xứ này là sáu chỗ, sáu cơ sở tức là chỉ cho sáu giác quan; còn sáu Căn của Nội Lục Nhập được gọi là sáu Căn Thức tức là chỉ cho sáu Tâm Thức có khả năng thâm nhập sáu trần cảnh của vạn pháp bên ngoài mà Mười Hai Nhân Duyên gọi là Lục Nhập. Vì đã có sáu căn của nội lục nhập trong thân Trung Ấm, cho nên thaibà o của chúng sanh hữu tình dần dần trở thành ngũ môn sáu Căn của Ngoại Lục Nhập vô cùng phức tạp. Hiện tượng này được thấy trong Đức Phật và Phật Pháp, trang 439, ghi rằng: “Trong thời kỳ thai nghén, Lục Nhập (Salà yatana) của thaibà o dần dần phát triển từ những hiện tượng tâm-vật-lý gồm tiềm lực vi tế vật trở thành ngũ môn sáu lục căn vô cùng phức tạp.” Tóm lại Lục Nhập trong mười hai nhân duyên thuộc về Nội Lục Nhập chính là chỉ cho sáu Tâm Thức từ Nhân Thức cho đến Ý Thức.

“6/- Xúc (Sparsa): Theo Duy Thức Học, Xúc là một loại tâm sở, một trong năm Biến Hành có nhiệm vụ hướng dẫn các Tâm Thức gia tiếp với các trần cảnh bên ngoài để có cảm giác..... Thân Trung Ấm (Danh) chun và o v à tiếp xúc với Tâm Thức của cha mẹ sau khi l ử a đ u c l ó e ra gọi là xúc. Từ đó cho thấy Xúc ở đây là chỉ cho sáu Tâm Thức hay Lục Nhập tiếp xúc với sắc, hoặc nói cách khác Thân Trung Ấm (Danh)

trong đó có sáu Tâm Thức (Lục Nhập) tiếp xúc với Sắc (Sắc Uẩn) thuộc tinh cha huyết mẹ để có cảm thọ, nên gọi là Xúc.”

7/- Thọ (Vednà): Thọ là thọ nhận, là cảm giác sau khi tiếp xúc đối tượng. Ý nghĩa chữ Thọ có nhiều kinh luận giải thích, như Câu Xá Luận quyển I ghi rằng: “Thọ là chỗ tiếp nhận của xúc”..... Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển I, trang 290 ghi rằng: “gọi cho đủ là thọ thai, nghĩa là Thân Trung Ấm không còn sáng suốt để phân biệt, liền bị mê vọng và chấp nhận tinh cha huyết mẹ trong tử cung làm chỗ nương tựa để sanh tồn lâu dài nên gọi là thọ”. Như vậy, Thọ trong mười hai nhân duyên gọi cho đủ là thọ thai, nghĩa là lãnh nhận thân phận kiếp sau của Thân Trung Ấm (Danh) trong việc chuyển tiếp luân hồi của dòng sanh mệnh.”

“8/- Ái (Trsnà): là đam mê chấp trước tất cả sự vật nên gọi là ái. Chữ Ái có nhiều nghĩa như Phật Quang Đại Từ Điển, quyển 6, trang 5457 giải thích: “Chữ Ái được gọi là ái tình nghĩa là tự mình có quan hệ nhân duyên máu huyết với thân tộc; chữ Ái được gọi là dụ lạc, nghĩa là đặt định tình ái đối với nhân vật nào đó; chữ Ái được gọi là ái dục, nghĩa là căn cứ nơi tánh quan hệ tình ái mà đặt tên; chữ Ái được gọi là khát ái, nghĩa là chỉ chấp trước trước của nhân quá khứ gây nên bệnh si mê tình ái.” Chữ Ái một Chi trong Mười Hai Nhân Duyên thì thuộc về Ái Dục, tức là đam mê sắc dục tình ái giữa nam nữ khác tính với nhau.

Như trong Khảo Nghiệm Duy Thức Học, quyển I, trang 290 giải thích: “Thân Trung Ấm tiếp xúc với Tâm Thức của cha mẹ bằng sự luyện ái của Lục Nhập nên gọi là Ái hay là Ái Dục. Thân Trung Ấm nếu như thuộcnam tính thì luyện ái với người mẹ. Còn Thân Trung Ấm nếu như thuộcnữ tính thì luyện ái với người cha.”

Chữ Ái trong Mười Hai Nhân Duyên rất quan hệ với Danh thức là Thân Trung Ấm thì không có nghĩa là khác ngoàinghiã củahaichữ Ái Dục trong việc thọ nhận sinh mệnh ở kiếp sau.”

“9/- Thủ (Upadana): chữ Thủ có nhiều nghĩa là nắm lấy, chấp lấy, chiếm giữ, xây dựng..v..v..... Đại Tỳ Bà Sa Luận, quyển 48 giải thích chữ Thủ có nghĩa: “giữ gìn, nắm lấy và chọn lựa.”..... Chữ Thủ theo Mười Hai Nhân Duyên chính là nghĩa xây dựng. Tâm Thức (Thức Alaya) trong thân trung ấm (Danh) bắt đầu lấy nguyên liệu tinh cha huyết mẹ thuộcsắc củan (Sắc) xây dựng hệ thống sanh lý cho thân kiếp sau, nên gọi là xây dựng. Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển I, trang 290 giải thích: “Sau khi chấp nhận tinh cha huyết mẹ trong tử cung làm mới nươngtựa, Kiến Phần Thức Alaya của Nhân Dị Thức y cứ theo ngã tướng của Thân Trung Ấm cuối cùng đã có sẵn bắt đầu xây dựng chủng sanh hữu tình ở kiếp sau nên gọi là Thủ (Thủ nghĩa là xây dựng).”

“10/- Hữu (Bhava): nghĩa là có, có mặt, tồn tại, sanh tồn..v..v..... Chữ Hữu trong mười hai Nhân Duyên nghĩa là Thân Trung Ấm đã được tượng hình thành một sinh mệnh của kiếp sau do Tâm Thức Alaya xây dựng.

Nhìn về sự hiện hữu của một con người, Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển I, trang 291 giải thích: “Nhờ sự gián tiếp của người cha và nhờ sự trực tiếp của người mẹ qua nhau bà o thai, Kiến Phần Thức Alaya của đấng bé trong bụng cứ tiếp tục xây dựng để thành hình con người nên gọi là Hữu.”

“11/- Sanh (Jāti): là sanh sản, thọ sanh, thai sanh, sanh khởi..v..v..... nghĩa là xuất hiện một sinh mệnh mới hiện hữu trong dòng sống của vạn hữu tu ông chử y muôn đời bất diệt theo nghiệp lực cuốn trôi. Câu Xá Luận quyển 9 giải thích chử Sanh như là:

“Đây là chỉ cho sự quan hệ trong một sát nathácthaikết sanh đời vị lai.”

Thành Duy Thức Luận quyển 6 phần Thập Nhị Nhân Duyên 337 giải thích chử Sanh như là: “Trong thời gian chết [Trung Hữu] đến [Bổn Hữu] chử có già suy đều gọi là sanh.”..... Chử Sanh trong Mười Hai Nhân Duyên là chỉ cho một sinh mệnh mới của Thân Trung Ấm (Danh) hội đủ điều kiện tạm thời sanh ra

đời để tiếp tục trưởng thành của giai đoạn kiếp sống nhân duyên nghiệp báo.

Khảo Nghiệm Duy Thức Học quyển I, trang 291 cùng một tác giả giải thích:

“Khi đến chử tháng và mùng ngày,

đấng bé trong bụng người mẹ liền được sanh ra nên gọi là Sanh. Sau khi sanh ra, đấng bé không còn thân phận người mẹ trực tiếp nên người mẹ cung cấp qua

nhaubà o thai và nó phải tự ăn uống với hình thức bú sữa để cung cấp nguyên liệu cho Kiến Phần Thức Alaya của chính nó tiếp tục xây dựng để hoàn thành bộ máy sinh lý con người”, đó gọi là Sanh.”

“12/- Lão Tử (Jarà-Marana): là già và chết, nghĩa là giai đoạn suy tàn và chấm dứt nghiệp báo của một sinh mệnh. Hai chữ Lão Tử này được thấy trong Tương Ưng Bộ Kinh II, trang 3 và 4, đức Phật giảng như sau: “Này các Tỷ Kheo, thế nào là lão tử? Cái gì thuộc chúng sanh này, khác, thuộc bộ loại chúng sanh này, khác, bị già, yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ giảm, các căn chín muồi, đấy gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này, khác, hay thuộc bộ loại chúng sanh này, khác sự từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các cấu tạo, thân thể vứt bỏ. Đấy gọi là chết.”..... Như trên trình bày Lão Tử trong Mười Hai Nhân Duyên là nối liền hai hiện tượng già và chết thành một Chi để nói lên ý nghĩa sanh diệt biến hoại trong giai đoạn tồn tại cũng như trong giai đoạn chuyển hoá của một sinh mệnh hiện hữu.”

3/- Phương Thức Xây Dựng Chúng Sanh

Hữu Tình:

a, Những Điều Kiện Để Xây Dựng:

Chúng sanh hữu tình muốn có mặt trong thế gian phải hội đủ những điều kiện sau đây mà trong Phật Giáo gọi là Nhân Duyên.

Nhân là chỉ những điều kiện chính yếu và Duyên là chỉ những điều kiện phụ thuộc là trợ duyên, gọi chung cả hai điều kiện này ở trình bày với danh xưng là Nhân Duyên. Thí dụ cho dễ hiểu hơn,

như một cái nhà muốn được choàn thành đúng tiêu chuẩn để ở thì đòi hỏi phải có những điều kiện cần bản sau đây mà người chủ nhà nên chuẩn bị trước:

- 1, Tài chính,
- 2, Hoạ đồ kiểumẫu (Blueprint)
- 3, Kiến Trúc Sư
- 4, Vật liệu xây cất.

Nhân Duyên là những điều kiện để xây dựng chúng sanh hữu tình gồm có:

- 1, Nghiệp Lực (năng lực tài chính)
- 2, Nghiệp Tướng (hoạ đồ kiểumẫu)
 - 3, Thức Di Thức (kỹ sư kiến trúc).
 - 4, Tinh cha huyết mẹ (vật liệu xây cất)

Nghiệp lực, Nghiệp tướng và Thức Di Thức là thuộc về Nhân, trong Mười Hai Nhân Duyên gọi là Danh và Ái Dục. Còn tinh cha huyết mẹ thì thuộc về Duyên, trong Mười Hai Nhân Duyên gọi là Sắc.

Muốn xây dựng một chúng sanh hữu tình góp mặt trong thế giới ngoài cảnh, căn cứ theo phương thức Mười Hai Nhân Duyên, Thức Chi chính là chỉ cho Thức Di Thức là một kiến trúc sư, Tâm Thức này chủ trì công trình xây dựng sanh mạng cá thể (thân thể riêng) của một chúng sanh hữu tình, như là sanh mạng riêng biệt của một con người để góp mặt trong thế gian. Kiến trúc sư Thức Chi này sanh hoạt trên hai phương diện, phương diện tự biến (biến hiện riêng biệt)

sanh mạng cá thể của một chúng sanh hữu tình và phương diện cộng kiến
 (chung nhau biến hiện) sanh mạng tổng thể (thân thể chung nhau)
 của cộng đồng hữu tình. Trước hết Thức Chi quan hệ với Ái Dục Chi
 (nghiệp lực) và Danh Chi (nghiệp tướng) cùng với Sắc Chi
 (vật liệ u xâ y cấ t)
 để xây dựng sanh mạng một cá thể chúng sanh hữu tình chấ n hấ o sớ m hầ o n h
 à n h ì n h t ư ớ n g ; đ ồ n g t h ờ i T h ứ c C h i n à y q u a n h ệ v ớ i V ô M i n h C h i
 củ a c ộ n g đ ồ n g đ ồ n g h ọ v à củ a c h ử n g l ọ a i đ ể n ớ i k ế t h ệ t h ố n g n ă n g l ự o n g t ư l ư o
 n g s a n h t ồ n n ằ m h ỗ t r ợ m ồ i t r ườ n g s ố n g y
 b á o c h o c á t h ể c h ứ n g s a n h h ữ t ì n h c h ấ n h á o n ớ i t r ê n đ ư ợ c n ắ y n ớ v à p h á t t r i ể
 n. Đ i ể n h ì n h n h ữ t h ầ n t h ể v ậ t c h ấ t củ a c o n c á i c h ì n h l à d o m á u h ư ệ t củ a c h a
 m ẹ q u a n h ệ đ ể n ắ y n ớ v à p h á t t r i ể n , t h ầ n t h ể củ a c h a m ẹ c h ì n h l à d o
 m á u h ư ệ t củ a ô n g n ộ i b à n ộ i ô n g n ộ a i b à n ộ a i q u a n h ệ đ ể n ắ y n ớ v à p h á t t r i
 ể n ,
 c ứ q u a n h ệ n h ữ t h ể t r ư ỳ e n đ ể n đ ồ n g h ọ v à c ộ n g đ ồ n g h ầ n l ọ a i t r ồ n g s ự h ỗ t r ợ đ
 ể s a n h t ồ n .

b, Trong Tiến Trình Xây Dựng:

Một sanh mạng của chúng sanh hữu tình nào, như một con
 người vừa mới từ trần (chết),
 Thức Di Thức trong thân thể của họ bỏ thân xác thì nay liền chun và o thân tướ
 n g c h ư ệ t t i ế p t r ồ n g t r ồ n g g i ớ i n ớ i n ộ i t â m m à h ọ t h ườ n g n ằ m m ớ v à t h ầ n t ướ n
 g đ ó t r ồ n g L i ể u S a n h T h o á t T ử g ọ i l à T h ầ n T r ồ n g Ấ m . T h e o
 K h ả o N g h i ệ m D u y T h ứ c H ọ c q u ỹ n II c ù n g m ộ t t á c g i ả , t r a n g 1 7 3
 g i ả i t h í c h : “ Đ ầ u t i ề n k h i m ộ t c h ứ n g s a n h n à o đ ó v ừ a m ớ i c h ế t ,

Thứcdịthụccủahọbỏthântướngquảđịthụccđãsửdụnggliềnnhũn vàothântướ
ngchuyểntiếptrongtrunggiớimàhọthườgnằmmớgoilàThânTrungẤm.”

CũngtheoLiễuSanhThoátTử,

“TrungGiớilàthếgiớichuyểntiếpđểđịnhnghịepkiếpsaucủamộtchúngsa
nhữutình.ThếgiớiTrungGiớichuyểntiếpđógiớihạnthờigianchomộtsan
hạngthântrungấmmchỉcóbốnmườichínngàypháidítáisanh qua
kiếpsau.”Sau bốnmườichínngàydịnhnghịep, TâmThứcMạtNa
củachúngsanhữutìnhvừamớitừtrần (chết)

liềnnhọnấynghịeptướngcủadịnhnghịepsaucùngdùnglàmnhândịthục,
theoMười Hai NhânDuyềngọilàDanh Chi. DanhChi
đâygọichodủlàDanhTướngvàDanhTướngnàygồmcóbayếutốvàtrongba
yếutónóitrêndữợcgọilàNghịeptướng,

Nghịeplực,ThứcdịthụcmàThứcdịthụccởđâycótenlàThức Chi trongMười
Hai

NhânDuyên.Thứcdịthụccủanhânduyềnnàyquanhệvớinghiệpnhânthấ
ngcuộc (KhiênDẫnNhânnghĩalànhânlôikéo)

vàinghiệpnhânthấngcuộchướngdẫnThứcdịthụccđithựchiệncôngtrìnhxây
dựngthânthểcủahữutình,củangườivừamớitừtrầnđểthànhhìnhtướnggởkiế
psau. CũngtheoKhảoNghịemDuyThứcHọcq quyển II cùngmộttácgiả,
trang 176 giảithích:

“ThânTrungẤmcuốiccùngsaubốnmườichínngàycủaNhândịthụcmangda
nhnghĩalàDanh bao gồmLụcNhập Chi củamười Hai
NhânDuyềnnởtrong, do KhiênDẫnNhân (NghịepNhân)
lôikéoditìmcácduyềnquanhệđểthộthânnkiếpsautheoluậtnhânquảquyết
định.Tronglúc cha mẹgiaohợp, lửaáidụclóe ra

là mở cửa kiếp sa đảnh cho Thân Trung Ấm cuối cùng gọi là Danh Chun và ok
 ết duyên. Thân Trung Ấm cuối cùng chun và otiếp xúc với Tâm Thức của cha
 mẹ để kết duyên chokiếp sa gọi là Xúc, tức là Xúc Chi trong Mười Hai
 Nhân Duyên. Thân Trung Ấm cuối cùng tiếp xúc với Tâm Thức của cha
 mẹ để kết duyên chokiếp sa bằng sự luyến ái nên gọi là Ái Dục, tức là Ái Chi
 trong Mười Hai Nhân Duyên.....
 Thân Trung Ấm cuối cùng bị ái dục mê vọng chấp nhận Quán Đãi Nhân
 (đùm trứng) trong tử cung gọi là Sắc (tức là Danh Sắc thuộc vật liệ uxây cất)
 làm chỗ gá thân chokiếp sa gọi là thọ thai, tức là Thọ Chi trong Mười Hai
 Nhân Duyên.”

“Thức Chi (Thức Di Thức) của Mười Hai
 Nhân Duyên trong giai đoạn thọ thai liên sinh hoạt trên hai phương diện: một là
 à xây dựng sanh mạng cá thể (hữutình)
 chánh báo theo tinh thần tự biế giúp cho Nhân dị thực thành hình thân thể Quả
 dị thực và hai là xây dựng vũ trụ môi trường sống y
 báo (của cộng đồng dòng họ và chủng loại)
 theo tinh thần cộng biế n cho sanh mạng cá thể (hữutình)
 chánh báo của quả dị thực nói trên nẩy nở và phát triển.”

a, “Thứ nhất, Thức Di Thức (Thức Chi)
 trong Thân Trung Ấm cuối cùng chọn lấy tinh cha huyết mẹ
 (noãn châu của đùm trứng) gọi là Sắc Uẩn (vật liệ uxây cất)
 mang tên Danh Sắc của Mười Hai
 Nhân Duyên và căn cứ theo Nghiệp Tướng kiểumẫu (Blueprint)
 đã có sẵn trong Nhân Dị Thực bắt đầu xây dựng thân thể Quả Dị Thực
 (quả tướng) của chúng sanh hữutình đó ở kiếp sa nên gọi là Thủ Chi

một trong Mười Hai Nhân Duyên (Thủ Chi nghĩa là xây dựng). Thân Trung Ấm cuối cùng của Nhân Dị Thục được tượng hình từ bào thai trong tử cung hoặc trong trứng thành đứa con do Thức Dị Thục liên tục xây dựng, nên gọi là Hữu Chi một trong Mười Hai Nhân Duyên (Hữu Chi nghĩa là tượng hình). Đứa con trong bào thai hoặc trong trứng..v.v.....

của Thân Trung Ấm cuối cùng hội đủ điều kiện liên sinh ra gọi là Sanh Chi một trong Mười Hai Nhân Duyên..... Sau khi đứa con được sanh ra, Thức Dị Thục trong Thân Trung Ấm cuối cùng không còn tiếp nhận nguyên liệu bên trong do người mẹ cung cấp qua nhau bào thai, hay nguyên liệu đã có sẵn trong trứng mà ở đây phải lấy nguyên liệu từ bên ngoài tích lũy nên những đứa con mới sanh tựa như nấu chín thể để tiếp tục xây dựng hoàn thành thân tướng của Quả Dị Thục..... Thân tướng Quả Dị Thục của những đứa con nói trên bắt đầu già là lần và đi đến chỗ chết để chấm dứt một sanh mạng đã định nghiệp gọi là Lão Tử và để chuyển sang một sanh mạng định nghiệp khác trong dòng thác sanh tử lưu chuyển.”

b, “Thứ hai, Thức Dị Thục (tức là Thức Chi) trong Mười Hai Nhân Duyên khi xây dựng sanh mạng cá thể chánh báo cho Nhân Dị Thục của một chúng sanh hữu tình hay nhiều chúng sanh hữu tình, đồng thời cũng xây dựng vũ trụ môi trường sống y báo (nơi cộng đồng đòng họ và nơi chủng loại) cho các sanh mạng chánh báo đó nảy nở và phát triển. Trước chết Thức Dị Thục nương tựa Vô Minh và Hành của Mười Hai Nhân Duyên là những nguyên lý cấu tạo vũ trụ của mỗi loài chúng sanh hữu tình chánh báo để xây dựng môi trường sống y

báo của sanh mạng chảnh báo đó quanhệ. Vô Minh
 và Hành là nguyên lý thuộc công nghiệp (nghiệp chung)
 của từng loại chúng sanh hữu tình chảnh báo, như loài người, loài thú,
 loàiinga quỷ, loàiisúcsanh..v..v..... Trường hợp như,
 Thức Dị Thục nương theo Danh Sắc cha mẹ anh A để xây dựng cá thể anh A
 thì căn cứ theo Vô Minh và Hành thuộc công nghiệp của loài người
 (như cộng đồng dòng họ và nhân loại) mà anh A
 quanhệ liên xây dựng môi trường sống y báo cho anh A
 nẩy nở và phát triển. Giả sử Thức Dị Thục nương theo Danh Sắc của nai cha
 và nai mẹ để xây dựng cá thể một nai con thì căn cứ theo Vô Minh
 và Hành thuộc công nghiệp của loài nai mà nai con
 quanhệ liên xây dựng môi trường sống y báo cho cá thể nai con
 nẩy nở và phát triển. Giả sử như, Thức Dị Thục nương theo Danh Sắc theo cha
 và mẹ để xây dựng bày theo thídụ mười hai con thì căn cứ theo Vô Minh
 và Hành thuộc công nghiệp của loài heo mà bày theo con
 quanhệ liên xây dựng môi trường sống y báo cho mỗi cá thể bày theo con
 nẩy nở và phát triển. Sự xây dựng các loài khác của Thức Dị Thục cũng giống
 như thế.”

“Hai chi Vô Minh và Hành nơi Mười Hai
 Nhân Duyên là yếu tố tạo nên vũ trụ môi trường sống của từng loại chúng sanh
 hữu tình và hai chi
 này thuộc về Định Biệt Nhân (nhân quyết định riêng biệt từng loại)
 trong mười Nhân mà còn có tên nữa là Đồng Loại Nhân (nhân đồng loại)
 trong sáu Nhân.”

“ Nói chung lại, Mười Hai Nhân Duyên là những điều kiện quan hệ để sanh khởi isanh mạng cá thể của mỗi chúng sanh hữu tình và chúng không phải là những nhân tố riêng biệt giống như Ngũ Uẩn quan hệ với nhau trong việc cấu trúc sanh mạng của các chúng sanh hữu tình. Hơn nữa, giá trị nguyên lý Mười Hai Nhân Duyên chỉ là gạch nốngiữ ahaidòngsanh mạng của mỗi cá thể chúng sanh hữu tình khởi điểmtừ quá khứ và điđến vậilaitrên lãn hvựcduyên khởi. Những từ ngữ trong Mười Hai Nhân Duyên nhằm điểntả những điều kiện quan hệ để thành hình sanh mạng của mỗi chúng sanh hữu tình trên lãn hvựcnhân quả nghiệp báo. Sự duyên khởi của mười hai Nhân Duyên là xây dựng nghiệp báo của mỗi chúng sanh hữu tình bắt nguồntừ Nhân Dị Thục chuyển biến qua nhiều trạng thái điđến Quả Dị Thục để góp mặtt trong thế gian. Thức Chitrong Mười Hai Nhân Duyên là điểukiệnquan trọng trong việc xây dựng chúng sanh hữu tình trên hailãn hvực, một là xây dựng cá thể của mỗi isanh mạng và hailà xây dựng môi trường sống họcá thểsanh mạng đónắynở và phátttriển. Thức Chi dựa theo Danh Sắc Chi xây dựngsanh mạng cá thể cho chúng sanh hữu tình hoidủ điểukiệnnhân duy ên để hiệnhữu, đồng thờidựatheo Vô Minh Chi và Hành Chi xây dựng môi trường sống cho chúng sanh hữu tình đónắynở và phátttriển. Có thể nói, nguyên lý Mười Hai Nhân Duyên mà đức Phật chủ trương là rút ra tinhbatừ Kinh Hoa Nghiêm, nhằm giảithích sựsanh thànhmỗi chúng sanh hữu tình quailãn hvựcnhân quả nghiệp báo trên đòngthácsanhtử luân hoid trong bacõicủa Khổ Đế và Tập Đế mà kinh Phật thường gọi là Thuận Lưu Sanh Tử.

Thuận Lưu Sanh Tử nghĩ là chúng sanh hữu tình mà ít người thuận theo đồng thá
csanhtử luân hồi. Còn như muốn ra
khỏi đồng thácsanhtử luân hồi của Khổ Đế và Tập Đế, chúng ta
theo lối đức Phật dạy phải sống đúng Bát Chánh Đạo nơi Đạo Đế và Diệt Đế th
uộc nguyên lý nghịch lưu của đồng thácsanhtử luân hồi mà kinh Phật thường g
ọi là Nghịch Lưu Sanh Tử. Nghịch Lưu Sanh Tử nghĩ là chúng sanh hữu tình đi
ngược lại đồng thácsanhtử.”

B/- Phương Thức Xây Dựng Chúng Sanh Vô Tình.

Vạn pháp ở đây là chỉ cho chúng sanh vô tình.

Chúng sanh hữu tình nghĩ là những chúng sanh có tình cảm có phân biệt có hi
ểubiết, như con
người và các loài động vật chính là chỉ cho các chúng sanh hữu tình và những ch
úng sanh này nhờ có sáu tâm thức sinh hoạt chọn mới có cảm giác.

Sáu tâm thức hiện hữu trong thân thể của chúng gồm có: Nhãn Thức,
Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức.
Những chúng sanh hữu tình có sáu tâm thức này hiện hữu sinh hoạt,
Phật giáo gọi chung với danh xưng là chúng sanh hữu tình.

Chúng sanh vô tình nghĩ là những chúng sanh không có tình cảm không có ph
ân biệt thiểubiết, như các loài thực vật, cỏ cây sông núi..v.v.....
chúng nó chính là chỉ cho vạn pháp thuộc chúng sanh vô tình và chúng sanh vô t
ình này trong thân thể của chúng nó không có sáu Tâm Thức nói trên hiện hữu
để sinh hoạt,
chọn nên chúng nó không có cảm giác. Vì trong thân thể của chúng nó không có

sátâm thứ chiệ nhữ đễ sinh hoạt,
 chon ên Phật giá o g ị chung v ớ i danh xưng là chúng sanh vô tình. Chúng sanh
 vô tình nà y hiệ nhữ trong thế gian,
 theo Duy Thức Học cũng đễ thuộ cloạ i duy ên sanh và chúng đã đ ợ c phát xu
 ấ t từ n ớ i cảnh gi ớ i ch ử n g t ử trong n ộ i tâm A Lại Da.
 Sự hiệ nhữ củ a chúng sanh vô tình trong thế gian không ngo à i mục đ ớ i là m ớ i
 ảnh gi ớ i y
 bá o v ề n ăng l ợ n g t ử l ợ n g s ă n h t ồ n đ ể b ồ i d ưỡ n g cho th ể v ậ t ch ấ t củ a các
 chúng sanh nhữ t ồ n đ ợ c s ă n h t ử ợ n g qua
 s ự ă n u ố n g h ớ i th ớ ..v..v.... Ch ử t r ị c ồ n g t r ị n h x ă y d ự n g cho chúng sanh vô tình đ
 â y c ũ n g ch ớ i n ấ t là Thức D ị Th ụ c Chi, m ộ t chi trong m ộ i hai Nhân Duy ên.
 Từ đ ớ i cho th ấ y,
 N ấ n đ ầ y ch ớ i n ấ t là ch ỉ cho ch ử n g t ử củ a cảnh gi ớ i củ a chúng sanh vô tình trong n ộ i t
 â m A Lại Da
 và Duy ê n đ ầ y ch ớ i n ấ t là ch ỉ cho nhữ n g h ậ t gi ố n g củ a chúng sanh vô tình n ớ i ngo
 ạ i cảnh, n ấ t gi ố n g đ ậ u x ă n h, h ậ t gi ố n g xo à i, h ậ t gi ố n g l ầ u ..v..v.....,
 chon ê n t ừ hiệ n t ượ n g đ ớ i m ớ i có danh xưng là Nhân Duy ê n.

1, Những Điều Kiện Để Xây Dựng:

Những điều kiện Nhân Duy ê n đễ kiế n t r ụ c chúng sanh vô tình đ ợ c liệ t kê s ă u
 đ ầ y g ồ m có:

- a- Nghiệp l ự c thuộ cloạ i v ớ k ỷ (Nghiệp l ự c n ầ y thuộ cloạ i t r ụ n g t ớ i n h)
- b- Nghiệp t ượ n g (hoạ đ ồ kiế m ấ u)
- c- Thức D ị Th ụ c (k ỷ s ư kiế n t r ụ c)
- d- Nhữ n g h ậ t gi ố n g củ a nhữ n g chúng sanh vô tình ở b ề n ngo à i

(vậtliệuxây cất)

Mộtchúngsanhvô tìnhnà omuốnđượccómặttrongthếgiandểbồidưỡnghan
glượngưlươngsanhtônchomộtchúngsanhhữutìnhsanhtrởngvàtồn tại,
ngoàicôngthứcMười Hai
NhânDuyênkhôngcóphươngphápnàokhácdểthaythế.Nhưngkhôngphải
Mười Hai
NhânDuyêndây là yếutốtoàndiệnrêncôngtrìnhthựchiệnxây dựngchúng
sanhvô tìnhcũnggiốngnhaunhưxây dựngchúngsanhhữutình.TrongMười
Hai NhânDuyên, cómộtvài Chi
cầnphảithayđổiyngĩadanhmụcđểviệcxây dựngsanh mạngchúngsanhv
ô tìnhchođượchoàn thànhtốtđẹp, như:

1)- LụcNhập: Lụcnhậplàsáucơquanhiếubiết;
chúngsanhvô tìnhkhôngcầnđếnLụcNhập,
vìnhữngchúngsanhnày khôngcầnđếnsáutamthứcởtrướccómặtđểsinhho
ạtgốngnhưchúngsanhhữutình.Sựhiếubiết củachúngsanhvô tìnhbằnghìn
hthứctrựcgiác, nghĩalàchúnghiếubiết bằngcáchtrực tiếpdối tượng qua
sựđiềukhiểncủa TâmThứcMặt Na thứbảymà không qua
trunggianảnhửcủatượngphần.Điềnhìn nhưcây mít, câyxoài, hoalan,
hoahồng..v..v.....cũngcó tìnhhyêugiữagiốngđựcvàgiống cái,
cũngcó cơquansanhlý đểsanhsảnnòigiống;nhữnghiệntượngnày chochún
g ta biết,
cácchúngsanhvô tìnhmỗikhisinhhoạttìnhhyêubằng hànhđộngbảnnăng, tr
onglúcđó khôngcó mặt của Ý
Thứcthứsáuhướng dẫn,phânbiệtvàchọn lựa.

2)- Thọ Chi: ở đây nghĩa là tiếp nhận mà không có cảm thọ. Thọ Chi khác cảm thọ.

Thọ Chi đối với chúng sanh vô tình chỉ có tiếp nhận đối tượng traotruyền theo bản năng, nghĩa là tiếp nhận qua sự chỉ đạo của Tâm Thức Mạt Na thứ bảy không cần đến cảm thọ của Ý Thức thứ sáu; còn cảm thọ nghĩa là cảm giác qua sự tiếp xúc đối tượng dưới sự hướng dẫn của Ý Thức thứ sáu. Trong sự tiếp xúc đối tượng, có Ý Thức thứ sáu góp mặt thì mới có cảm thọ và ngược lại không có Ý Thức thứ sáu góp mặt thì không có cảm thọ.

Trường hợp như người bị bệnh thư, lúc đó bác sĩ chụp thuốc mê và người hộ để thực hiện ca mổ ruột; bác sĩ chụp thuốc mê và người hộ nhằm mục đích nhất Ý Thức thứ sáu của họ không cho sinh hoạt để bác sĩ thực hiện ca mổ cho được dễ dàng không bị trở ngại đến người bệnh; trong lúc bác sĩ đang mổ, người bị bệnh thư không có chút cảm giác đau khổ nào đến với mình, vì lúc đó Ý Thức thứ sáu của họ không có mặt trong người hộ; sau khi bác sĩ mổ xong, hết thuốc mê, người bệnh mới có cảm giác đau khổ, vì Ý Thức thứ sáu của họ đã sinh hoạt trở lại.

Như thế cảm thọ là chỉ có sự cảm giác của Ý Thức thứ sáu và chỉ riêng chúng sanh hữu tình mới có cảm thọ. Ý Thức thứ sáu của chúng sanh hữu tình vì có cảm thọ hay bén qua sự phân biệt chấp trước, cho nên mới có cảm giác khổ, cảm giác lạc và cảm giác xả (trung bình không khổ không lạc) Ngược lại chúng sanh vô tình thì hoàn toàn không có cảm thọ cho nên chúng không có cảm giác khổ lạc.

3)- Ái Chi: Ái Dục (Ái Chi) của chúng sanh vô tình thì thuộc loại ái dục vô ký, nghĩa là chúng sanh vô tình hành động ái dục theo thói bản năng sanh tồn, trong lúc đó không có Ý Thức góp mặt, chonên không có phân biệt thiện ác, tốt xấu, ưa thích hay chán chê, chonên gọi là Ái Dục Vô Ký. Ái dục vô ký còn có tên nữa là Ái Dục Trung Tính. Hành động Ái dục trung tính của chúng sanh vô tình là hành động dâm dục không có luyến ái, không có đam mê, nhằm mục đích sanh nở giống giống kế thừa để nối tiếp sự nghiệp cung ứng năng lượng nutrương cho chúng sanh hữu tình sanh trưởng và tồn tại trong thế gian. Ngoài sự thay đổi danh xưng và ý nghĩa của ba chi như Lục Nhập, Thọ và Ái, các chi khác còn lại trong Mười Hai Nhân Duyên vẫn là yếu tố cần thiết không thể thiếu trong việc kiến tạo sanh mạng một chúng sanh vô tình góp mặt trong thế gian, cũng giống như kiến tạo một chúng sanh hữu tình đã đề cập ở trước. Điều đặc biệt:

2, Trong Tiến Trình Xây Dựng:

Một chúng sanh hữu tình chánh báo mỗi khi được Thức Dị Thục (tức là Thức Chi trong mười hai nhân duyên) sanh ra trong thế gian thì lúc đó cũng trong thế gian nó trên Thức Dị Thục này tiếp theo lập tức sanh ra một số cảnh giới của chúng sanh vô tình hy báo mà chúng sanh hữu tình chánh báo đó quan hệ đến nối kế thế thống năng lượng nutrương sanh tồn nhằm hỗ trợ môi trường sống y báo cho cá thể chúng sanh hữu tình chánh báo nó trên nutrương sanh tồn. Nói một cách khác, một chúng sanh hữu tình chánh báo ra đời thì lúc đó một số cảnh giới của chúng sanh vô tình y

báo, cũng tiếp tục sanh theo để cung ứng năng lượng tu dưỡng sanh tồn cho chúng sanh hữu tình chánh báo đó nương tựa sanh trưởng và tồn tại. Có thể nói, tất cả chúng sanh hữu tình chánh báo và vô tình y báo được Thức di thực sanh ra trong thế gian cũng đều theo phương thức này.

C.- Hình Thức Xây Dựng Vũ Trụ và Chúng Sanh Hữu Tình.

Vũ trụ gồm có thế giới loài người, địa cầu, mặt trời, mặt trăng và các hành tinh trong không gian.

Điều đặc biệt sự có mặt của vũ trụ đều tùy thuộc và sự có mặt của chúng sanh hữu tình,

nguyên vì chúng sanh hữu tình là điểm trung tâm của vũ trụ. Đầu tiên theo Duy Thức Học nhận xét vũ trụ và chúng sanh hữu tình cả hai xuất hiện cùng một lúc,

nguyên vì chúng đều phát xuất từ thế giới chung tử trong nội tâm A Lại Da do Kiến Phần Thức A Lại Da thực tế tạo dựng nên,

trường hợp này cũng giống như hình ảnh vũ trụ và chúng sanh hữu tình trên màn ảnh (Screen font) cả hai đều được xuất hiện (hiện tượng)

cùng một lúc phát xuất từ tiềm năng (Memories) trong Harddisk của Computer do dòng điện thực tế tạo dựng nên.

Trước chết quả địa cầu đầu tiên được Kiến Phần Thức A Lại Da chuyển hoá từ nơi nguồn khí quyển vô minh nghiệp tướng (Whirl-Atmosphere)

trong không gian cô đọng lại thành khối năng lượng và tượng hình theo pháp tướng (Nghiệp Tướng) của trái đất, đồng thời chọn lấy không gian (không đại)

là chỗ điểmtựa. Điều đặc biệt ở phía trong pháp tướng địa cầu có năm yếu tố vật lý được cấu trúc thành hình, theo Phật giáo gọi là Ngũ Luân. Ngũ là năm và Luân là vòng tròn như bánh xe; ngũ luân gồm có: Địa luân (đất), Thủy luân (nước), Hỏa luân (lửa), Kim luân (quặng vàng) và Phong luân (gió); trong đó Phong luân là yếu tố quan trọng chính nó điều khiển địa cầu chuyển động theo áp suất của nó và nhờ địa cầu chuyển động giúp cho bốn luân kia hiện hữu và tồn tại không bị tan rã, trường hợp đó cũng giống như hơi thở của con người là gió (phong luân) và nhờ hơi thở của con người khiến cho đất, nước và lửa trong thân thể con người không bị tan rã. Tuổi thọ của quả địa cầu, theo Nhị Khoá Hiệp Giải của ngài Quán Nguyệt do Hoà Thượng Thích Khánh Anh dịch, trang 321 giải thích là 960 triệu năm.

Các chúng sanh hữu tình (chánh báo) đều tiên xuất hiện trên quả địa cầu (y báo) bằng cách hoá sanh, nghĩa là chúng chuyển hoá từ hình tướng này sang hình tướng khác (Transform). Rồi từ đó lại tạo thành chủng và phát triển theo loại đó, nghĩa là loài người phát triển theo phương pháp sanh ra bằng bào thai gọi là thai sanh; loài động vật khác, có loài phát triển theo phương pháp sanh ra bằng trứng gọi là noãn sanh và có loài phát triển theo phương pháp sanh ra chỗ ẩm thấp gọi là thấp sanh. Các chúng sanh hữu tình cứ tiếp tục sanh ra rồi lại chết đi, chết đi rồi lại sanh ra nữa và liên tục mãi như thế trong thời gian quả địa cầu sanh trưởng và phát triển.

Các chúng sanh hữu tình bảm và o quả địa cầu để sanh trưởng cũng giống như

ác loài vi trùng bám và ở trong thân thể con người để sanh trứng. Còn các ảnh hưởng phụ thuộc như cỏ cây hoa trái..v..v....
 ...toàn bộ đầu tiên cũng thuộc loại hoá sanh nhằm mục đích làm chỗ nương tựa cho tất cả chúng sanh hữu tình chấn bá o sanh trứng và tồn tại, cũng như quả địa cầu và không khí để là y
 bá để làm chỗ nương tựa cho vạn vật sanh tồn. Sự cấu trúc cách hành tinh khác..v..v..... trong vũ trụ cũng giống như sự cấu trúc quả địa cầu, nhưng các yếu tố để cấu trúc cách hành tinh khác..v..v..... so với quả địa cầu có hơi khác về tính chất, chonên nhiệt độ không giống nhau, như mặt trời, mặt trăng..v..v.....hiện đang góp mặt và sinh hoạt trong thế gian.

D.- Công Thức Xây Dựng Vũ Trụ và Chúng Sanh Hữu Tình.

Nơi quả địa cầu, như trên đã trình bày các chúng sanh hữu tình chấn bá o và các chúng sanh vô tình
 bá o đầu tiên toàn bộ đều được chuyển hoá để hoá sanh, khởi điể từ nơi thế giới chúng tử kiểumã trong nội tâm A Lại Da và chúng được Kiến Phần Thức A Lại Da trực tiếp kiến lập; rồi sau đó các chúng sanh hữu tình chấn bá o cũng như các chúng sanh vô tình y bá o khác lần lượt sanh ra trên quả địa cầu phần lớn đều do luật nhân quả nghiệp báo quyết định, chonên chúng phải trải qua công thức nhân duyên sanh mà không phải qua hình thức chuyển hoá để hoá sanh,

nguyên vì người chủ trì công việc xây dựng chúng sanh hữu tình và vô tình nói
 rõ chính là Thức Dị Thục mà không phải Kiến Phần Thức A Lại Da.
 Tại sao thế, Kiến Phần Thức A Lại Da
 là căn cứ nơi Tướng Phần mà kiến lập danh xưng,
 còn Thức Dị Thục là căn cứ nơi nhân quả nghiệp báo mà kiến lập danh xưng,
 nghĩa là danh xưng của Thức Dị Thục là căn cứ nơi Nhân Dị Thục mà lập danh.
 Bản chất Thức Dị Thục chính là Kiến Phần Thức A Lại Da chuyển hoá thành.
 Nguyên nhân, chúng ta nghiệp báo ở trong nội tâm A Lại Da
 khi có mặt Kiến Phần Thức A Lại Da
 ở trong thì chúng ta nghiệp báo đó trở thành Nhân Dị Thục và Kiến Phần Thức
 A Lại Da lúc đó cũng trở thành Thức Dị Thục.
 Còn căn cứ nơi nhân quả nghiệp báo, Nhân Dị Thục trong nội tâm A Lại Da
 chính là nhân chánh và những hạt giống trong cõi cảnh để kết thành quả dị thục
 nơi thế giới bên ngoài chính là duyên trợ
 (duyên trợ giúp) và còn có tên nữa là duyên phụ
 (duyên phụ thuộc). Đề cập đến công thức nhân duyên sanh dùng để xây dựng
 các chúng sanh hữu tình chánh báo chính là Mười Hai
 Nhân Duyên mà ý nghĩa Mười Hai
 Nhân Duyên như trước đã trình bày ở đề mục
 “Phương Thức Xây Dựng Chúng Sanh Hữu Tình”. Ở đây trình bày
 “Phương Thức Xây Dựng Chúng Sanh Vô Tình”, theo Duy Thức Học,
 khi xây dựng một chúng sanh hữu tình chánh báo,
 Thức dị thục khởi đi từ chủng tử DVD trong nội tâm với hình thức là Danh,
 bao gồm nghiệp tướng, nghiệp lực cá thể vô ký ở trong và kết hợp với sắc,
 bao gồm hai hạt giống, giống đực và giống cái trong cõi duyên
 (thuộc vật thể uxa y cát) làm trợ duyên trực tiếp (là Xúc Chi)
 để hoàn thành hình tướng (gọi là Sanh Chi)

hiện hữu trong thế gian. Đồng thời Thức dị thực quan hệ Vô minh và Hành thuộc nguyên lý công nghiệp của đồng loại (nghiệp chung của cộng đồng chủng loại) để cung ứng năng lượng tu dưỡng sanh tồn nhằm trợ duyên môi trường sống

để báo cho chúng sanh hữu tình chánh báo sanh trưởng và tồn tại. Thức dị thực phân thành hai loại: Thức dị thực nội tâm và Thức dị thực ngoại tâm. Thức dị thực nội tâm bao gồm: nghiệp báo, nghiệp tướng loại báo và Thức dị thực; Thức dị thực ngoại tâm bao gồm: nghiệp báo, nghiệp tướng loại báo và Thức dị thực. Thức dị thực nội tâm và Thức dị thực ngoại tâm liên xây dựng thành hình tướng báo con và nhờ các duyên khác từ nơi báo

cha mẹ cung ứng năng lượng tu dưỡng sanh tồn nhằm trợ duyên môi trường sống công nghiệp đồng loại để giúp báo con nảy nở và phát triển nơi ngoại cảnh. Điểu hình như giống đực và giống cái của báo, hai giống này cũng giao hợp nhau để sanh giống báo con. Hai giống báo này khi sanh báo con phải qua sự trợ giúp của Thức Mạt Na thứ bảy với hiện tượng sinh hoạt táidục theo bản năng, trong đó không có Ý Thức thứ sáu hợp tác. Các chúng sanh vô tình khác cũng giống như thế, cũng theo luật nhân quả nghiệp báo, chuyển từ nhân chủng tử nơi nội tâm và kết thành hoa quả nơi ngoại cảnh.

IV.- VẠN PHÁP NGOẠI CẢNH QUAN HỆ NGUYÊN LÝ NHÂN QUẢ NGHIỆP BÁO.

Tất cả pháp hiện có mặt trong thế gian kể cả hữu tình và vô tình qua cái nhìn của Phật Giáo đều nằm trong nguyên lý nhân quả nghiệp báo quyết định, không có pháp nào thoát ra khỏi vòng trói buộc của nguyên lý này. Nguyên lý này không ai có quyền ban cho hay thưởng phạt mà ở đây chính mình tự tạo oái y rồi tự trói buộc để rồi tự chịu đựng sự thưởng phạt. Nói cách khác, chúng sanh hữu tình tự gây nhân thì nên cứ để rồi tự hưởng lấy quả báo tốt xấu. Vậy nhân quả nghiệp báo nghĩa là gì?

Nhân quả nghiệp báo nghĩa là nghiệp lực báo ứng theo nguyên lý nhân quả, nghiệp lực là một nguyên nhân muốn được báo ứng phải trải qua thời gian mới thành kết quả; thời gian của nhân quả nghiệp báo bao gồm cả quá khứ, hiện tại và vị lai. Theo Kinh Niết Bàn, Phẩm Kiều Trần: “Báo củ a thì nên cứ, như bóng theo hình. Nhân quả ba đời, tuần hoàn chẳng dứt. Đời này sống uổng, sau hối không kịp”. Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt có đoạn nói: “Tất cả chúng sanh đều bị trói buộc và nghiệp, đều nương theo nghiệp, tùy theo nghiệp mà chuyển vận.”

Thời gian của nhân quả nghiệp báo, theo Duy Thức Học chọn lấy sanh mạng của một chúng sanh hữu tình là mệnh giá trị; sanh mạng của một chúng sanh hữu tình hiện hữu và tồn tại trong thế gian cho là hiện tại, trước đó là quá khứ và sau đó là vị lai; thí dụ như chọn lấy sự hiện hữu và tồn tại một trăm năm của một con người cho là hiện tại, trước đó là quá khứ và sau đó là vị lai.

1/- Về Nhân Quả:

Trước chết vấn đề nhân quả, tiếng phạn là Hetu-phala, nghĩa là nguyên nhân và kết quả.

Tư tưởng nhân quả có nhiều thuyết chủ trương khác nhau như, bên Tiểu Thừa thì chủ trương chia nhân quả thành ra 6 nhân và 5 quả làm chủ yếu; còn bên Đại Thừa thì chủ trương chia nhân quả thành ra 10 nhân và 5 quả làm chủ yếu. Muốn hiểu rõ 6 nhân 5 quả và 10 nhân và 5 quả như thế nào xin xem Khả o Nghiệm Duy Thức Học, quyển II cùng một tác giả, trang 75 và trang 84 sẽ rõ hơn. Ở đây cũng trong vấn đề nhân quả, để khỏi bị lẫn lộn danh xưng với các kinh luận của Tiểu Thừa và Đại Thừa sử dụng,

nhà Duy Thức đặt cho nó một danh xưng là Nhân Dị Thục và Quả Dị Thục. Dị Thục nghĩa đen là chừa chín mùi, nghĩa bóng là chừa tác dụng để thành kết quả. Nhân Dị Thục nghĩa là nguyên nhân trong nội tâm chừa tác dụng để thành hoa trái nơi ngoại cảnh; còn Quả Dị Thục là những hạt giống trợ duyên ở ngoại cảnh đã được kết quả từ nơi hoa trái nhưng chừa nếm mộng, chừa nếm mầm để thành hoa trái kết tiếp nếm mộng là Quả Dị Thục. Điều đáng chú ý,

Chủng tử của chúng sanh hữu tình và vô tình so sánh với Nhân dị thục trong nội tâm A Lại Da thì hoàn toàn khác nhau, chủng tử chỉ là một tập khí được chuân tập từ hiện tượng bên ngoài kết thành hình tượng và chính nó không có chấ lượng, nghĩa là không có Thức dị thục ở trong; Tập nghĩa là nội kết và Khí nghĩa là chấ thời, như hơi sen và otrà gọi là trà sen; Chủng tử này do đó có Thức dị thục chun và do đó sanh khởi thì trở thành Nhân dị thục, một khi Nhân dị thục này không gặp được duyên để sanh khởi thì bị biến tướng và chủng tử đó liền bị biến dạng ngay lập tức;

trường hợp này cũng như hạt đậu xanh một khi nứt mộng mà không gặp được
duyên để thành hoa trái thì bị hũ thối ngay lập tức và hạt đậu xanh đó mất giống,
cũng như nõn chấu trong buồng trứng của người mẹ một khi không gặp được
duyên để thành hình người con thì bị hũ thối biến ra
kinh nguyệt và Nhân Di Thục của người con đó bị mất dạng.

2/- Sự Biến Chuyển Của Nhân Quả.

Nhân Di Thục khi gặp duyên (duyên chính yếu)
ở ngoài cảnh như cá chạt giống, như tinh cha
huyết mẹ để thành hình tướng và cá chình tướng thân thể đã y theo Duy Thức H
ọc gọi là quả vô ký,
quả vô ký nghĩa là quả trung tính không nằm trong quanniệm thiện ác tốt xấu,
vì nó không có mặt Ý
Thức thứ sáu chôn nên không có phân biệt. Trường hợp như thân thể của cỏ cây.
.V..V.....

đều nằm trong trạng thái trung tính thuộc quả vô ký chôn nên vấn đề thiện ác tốt
xấu đối với chúng không quan hệ chút nào. Trường hợp như con người,
thân thể của họ cũng thuộc trong trạng thái quả vô ký vì bản thân của họ không
có vấn đề phân biệt, nhưng chỉ khi nào bản thân của họ sinh hoạt mà có Ý
Thức thứ sáu của họ hoạt động thì lúc đó con
người họ mới có quanniệm thiện ác tốt xấu, lý do kể quanniệm thiện ác,
tốt xấu chính là Ý Thức thứ sáu. Điển hình như một em bé hai tuổi, con
người của em bé mặc dù có Ý Thức thứ sáu hoạt động,
nhưng em bé đối với bản thân mình vẫn chưa phân biệt được vấn đề thiện ác tốt
xấu,
đến khi em bé trưởng thành từ mười tám tuổi trở lên thì lúc đó vấn đề quanniệm

thiện ác tốt xấu đối với em bé vô cùng quan hệ. Từ hiện tượng nói trên cho thấy, bản thân của con người chính là thuộc loại vô ký và sự quan niệm thiện ác tốt xấu của con người đó chính là do Ý Thức thứ sáu của họ phân biệt. Các loài động vật khác cũng thế, thân thể của chúng nếu như không có Ý Thức thứ sáu chỉ đa o phân biệt thì thân thể của chúng cũng thuộc về quả vô ký. Thân thể quả vô ký của chúng đã ym ỹ khi kết thành hoa trái thì hình hữnh hạt giống hoa trái đó mới thật sự gọi là quả dị thực, nghĩa là quả này chưa được chín mùi để kết thành hoa trái khi tiếp chokiếp sau, vì lý do đó nên gọi chúng nó là quả dị thực.

3/- Nhân Quả Quan Hệ Ba Đời:

Nhân Quả phổ thông ai cũng đều biết Nhân là nguồn gốc sanh ra các pháp và Quả là các pháp được sanh ra từ nguyên nhân. Trong sự hình thành của tất cả các pháp trong thế gian đều nằm trong luật nhân quả quyết định. Về mặt quan hệ nhân quả theo thời gian, nhân thì có trước và quả thì có sau, nên gọi là nhân quả khác thời. Theo Duy Thức Tông: “Chúng tử sanh chúng tử là mối quan hệ nhân quả khác thời, còn chúng tử sanh hiện hành (thành hình tướng) và hiện hành huân (nội kết) chúng tử là mối quan hệ đồng thời”. Cũng trong Duy Thức Tông, nhĩn sâuthêm nữa, Nhân Dị Thực của một chúng sanh này đó đó trong nội tâm A Lại Da chính là nhân của nó ở kiếp trước, còn hạt giống cùng loại của nó ở hiện tại nơi ngoại cảnh chính là Quả Dị Thực của kiếp này và Quả Dị Thực của kiếp này lại trở thành là trợ duyên cho Nhân Dị Thực của nó nơi kiếp sau nương nơi đó sanh trưởng để kết thành hoa trái. Nhân

quả ba đời của một chúng sanh hữu tình cũng như vô tình cứ như thế nối tiếp nhau mãi không cùng tận. Theo Kinh Nhân Quả Nghiệp Báo có câu: “Dục tri tiền thế nhân kimsan hotho giả thị, yếu tri hậu thế quả kimsan hotho giả thị”, muốn biết kiếp trước của mình như thế nào hãy xem kiếp này mình đang sống, muốn biết kiếp sau của mình như thế nào hãy xem kiếp này mình đang gây tạo. Từ đó cho thấy kiếp này là quả báo của kiếp trước và kiếp này cũng là nguyên nhân của kiếp sau, nếu chọn kiếp người là mệnh mức giá trị thời gian. Những hiện tượng trên đây chứng tỏ nhân quả ba đời của tất cả chúng sanh, một chúng sanh chẳng những chịu ảnh hưởng trực tiếp đến nghiệp báo một đời mà phải chịu ảnh hưởng nghiệp báo trải qua nhiều đời; một chúng sanh trong một đời không những trả quả một nghiệp báo mà phải trả quả nhiều nghiệp báo.

4/- Nhân Quả Ba Đời Quan Hệ Nghiệp Báo.

Điều đặc biệt, một nhân dị thụ của kiếp trước thể hiện ra một quả dị thụ của kiếp này, nhưng ở đây trái ngược nhau cho thấy hiện tượng một nhân dị thụ của kiếp trước lại sanh ra nhiều quả dị thụ của kiếp này. Điểu nhìn như một hạt lúa lại sanh ra nhiều bông lúa và một bông lúa lại sanh ra nhiều hạt giống lúa con, một hạt đậu xanh sanh ra nhiều trái đậu xanh và một trái đậu xanh sanh ra nhiều hạt giống đậu xanh con; một con heo sanh ra nhiều heo con và mỗi heo con có nhiều hạt giống (đùn trứng) để tiếp tục sanh ra nhiều heo cháu chắt; một con người sanh ra nhiều đứa con và mỗi đứa con

có nhiều hạt giống (đùm trụng) để sanh ra nhiều cháu nội, cháu ngoại...v..v.....

Giờ đây với hiện tượng nói trên xuyên qua cái nhìn của Duy Thức, một nhân dị thụ của một chúng sanh trong kiếp trước có ở đời sanh ra nhiều quả dị thụ của kiếp này là nhằm mục đích để trả những quả của kiếp trước mà họ đã gây tạo, đã mắc nợ; hiện tại mỗi chúng sanh có bao nhiêu quả dị thụ của kiếp này là điều đó chứng tỏ họ đã mắc nợ bấy nhiêu nghiệp báo của kiếp trước cần phải trả. Một hạt lúa sanh ra bao nhiêu hạt lúa con quả dị thụ của kiếp này là điều đó chứng tỏ hạt lúa ấy phải trả bấy nhiêu nghiệp báo giống lúa của kiếp trước mà hạt lúa đó đã mắc nợ; một con heo sanh ra bao nhiêu heo con của kiếp này là điều đó chứng tỏ con heo đã phải trả bấy nhiêu nghiệp báo giống heo của kiếp trước mà nó đã mắc nợ; con người có bao nhiêu hạt giống (noãn châu) quả dị thụ của kiếp này để sanh con là điều đó chứng tỏ họ phải trả bấy nhiêu nghiệp báo về con cái của kiếp trước mà họ đã mắc nợ. Thí dụ như con người, giả thuyết cho rằng, số của họ ở kiếp này phải sanh ra 12 đứa con để trả 12 quả báo về con cái mà họ đã mắc nợ của kiếp trước; nhưng kiếp này họ vì kinh tế eo hẹp sợ nuôi không nổi 12 đứa con, chonên chỉ sanh hai đứa con mà thôi, thế là họ đã khất nợ 10 đứa con còn lại để kiếp sau mới trả; theo nguyên lý này kiếp sau của họ có lẽ không nữa nên sanh ra 12 đứa con để trả nợ mà phải sanh ra 22 đứa con, vì trong đó họ còn nợ 10 đứa con của kiếp trước đã khất nợ mà họ chưa trả và cứ như thế nghiệp báo của họ mãi không chấm dứt lên không biết bao

giờchấmdứt.Hiệntạimỗichúngsanhhữutìnhcó bao
 nhiêuhạtgiốngquảdịthụclà do
 nghiệpbáokiếptrướccquyđịnhphảitrảsốntrongkiếpnàylà bao
 nhiêuthìThứcDịThụccảncứnớisốntớđoxây dựngthànhbấynhiêuhạtgiống
 quảdịthục.Sựcó mặtcủatấtcảchúngsanhtrongthếgiandềulà do
 nghiệpbáoquyếtđịnhmàkhôngphải do ThứcDịThụccquyếtđịnh;
 sựsanhtồn hay sựhoạidiệtcủatấtcảchúngsanhcũngđều
 donghiệpbáoquyếtđịnh;
 ThứcDịThụccchỉlàkẻthihànhthEOSựchỉdẫncủanghiệpbáo,
 chonênnghiệpbáođây cũngchínhlànguyênnhâncăn bảntrongsựsanhtrở
 ng, tồn tạivàhoạidiệtcủatấtcảchúngsanh;
 nghiệpbáochochúngsanhsốngthìchúngsanhmớiđượcsốngvànghiệpbáo
 bảochúngsanhchếtthìchúngsanhđóphảichết. Cho
 nênnghiệpbáo làyếu tốquan trọngkhôngthiếumặtttrongsựkiếntạovàsanht
 ồn củatấtcảchúngsanh,
 chonênnhàDuyThứcchonó cáitên là KhiênDẫnNhân;
 KhiênDẫnNhân lànguyênnhânlôikéovàchỉdẫnThứcDịThụcthànhnhi
 ệmvụkiếntạovàphápthEOSựquyếtđịnhhủanó.Đangtronglúckiếntạonở
 achừngchomộtsanhmạnghữutình,
 nghiệpbáooyêucầubỏcuộcthìThứcDịThụcliềnrútlui,
 bảlạisanhmạngđónữachừngvàkhiếnthosanhmạngđótrởên nhưhoại,
 khôngthểgóp mặtttrongthếgian.Vớihiệntượngnày ngườiđời gọi làsanhma
 ngchết yểuchết non, nghiệpquả củanó khôngthành.
 Thídụnhư,mộtnườiiphụ nữcóthai,
 nghĩalàThứcDịThụcthờalệnnghiệpbáoliềnxây dựngthân thểđứabéthà
 nhìnhtượngtrongbụngngườiphụ nữđóđểsanhra đòinợ,
 tronglúcđangxây dựng,

nghiệp báo của đấng bé yêu cầu bỏ cuộc thì Thức Di Thục liền rút lui và bà o thai của đấng bé đó trong bụng người phụ nữ bị hu hoại khiến cho thân thể của đấng bé đó tan rã trở thành máu huyết, thế là đấng bé đó không được sống trên đời.

V.- KẾT LUẬN.

Vấn đề vạn pháp trong vũ trụ từ đâu sanh ra và sanh bằng cách nào thì ở đây chỉ có Duy Thức Tông và Pháp Tướng Tông trả lời chính xác và cụ thể hơn. Theo Duy Thức Tông và Pháp Tướng Tông, vạn pháp trong vũ trụ có thể chính xác là đầu tiên được sanh ra từ nơi vọng niệm, trường hợp đầu y giống như thế giới và nhân sanh trong mộng mớ cũng được sanh ra từ nơi vọng niệm. Thế giới vọng niệm là do Kiến Phần Thức A Lại Da trực tiếp nương nơi cảnh giới y báo của chư Phật trong mười phương tạc dựng nên. Còn thế giới nghiệp duyên là do Thức Di Thục nương nơi thế giới vọng niệm tạc dựng nên và tạc dựng bằng cách nào?

Chúng sanh hữu tình trong thế giới vọng niệm, sáu Tâm Thức của họ nương nơi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, mê vọng tạc tạc không biết bao nhiêu tội lỗi từ sanh và sáu phiền não căn bản của họ kết nối tạc thành biết bao nguyên nhân hữu lậu; những thứ tội lỗi từ sanh và những nguyên nhân hữu lậu này nọ kết thành chủng tử nghiệp báo được tạc trữ trong nội Tâm A Lại Da để làm nhân tố cho việc luân hồi sanh tử về sau. Hiện tượng này cũng không

khác nà on hư con người trong mộng,
 sáu Tâm Thức của người trong mộng tiếp xúc với sáu trần trong cõi mộng,
 mê vọng ta ở đây biết bao tội lỗi trong mơ
 (thí dụ như ai dụ cho ả sát nhân người trong mơ),
 những thứ tội lỗi đó cũng được nộ kết thành chủng tử hữu lậu và cũng được tàn
 gử trong ôi Tâm A Lại Da
 để làm nhân tố cho việp luân hồi tái sinh về sau. Có thể nói, thế giới vọng niệm
 à thế giới nghiệp duyên,
 cả hai không thể trực tiếp hiện hữu nơi thế giới ngoài cảnh mà tất cả đều phải
 qua dạng thức chủng tử trong tâm thức A Lại Da để làm nhân tố duyên khởi.

Những chủng tử tội lỗi từ sinh và những chủng tử nguyên nhân hữu lậu trong tâm
 m A Lại Da bao gồm tất cả nghiệp lực và nghiệp tướng
 (trong đó có cả nghiệp tư tưởng vô tình và chúng sanh tư tưởng hữu tình)
 đều là những yếu tố của nghiệp duyên để kiến tạo vạn pháp hữu tình và vô tình
 nơi thế giới ngoài cảnh. Vạn pháp nơi thế giới chủng tử trong nội tâm A lại Da
 chính là nhân tư tưởng và vạn pháp nơi thế giới ngoài cảnh chính là quả tư tưởng. Đâ
 y là những nguyên nhân tạo ra
 những thế giới nghiệp duyên của những chúng sanh hữu tình và của những cảnh
 nghiệp vô tình tái sinh luân hồi trong lục đạo.

Những nghiệp tượng giả i thích trên đúng như những câu trong bài sám Quy Mạng
 giải: “.....Đệ tử chúng đấng, tự di chân tánh, uổng nhập mê lưu,
 tù sanh tử dĩ phiêu trầm, trạc sắc thính nhĩ tham nhiễm,
 thập triền thập sử tích thành hữu lậu chi nhân,
 lục căn lục trần vọng tác vô biên chi tội”, nghĩa là đệ tử chúng con,
 tự bỏ chân tánh, uổng mình vào chốn mê vọng, nổi trôi theo dòng tử sanh,

tham nhiêm chạytheosắ đẹp, tiếng hay;
mườitriềnmườiisử,tíchtrủthànhnhânhữulậu,
sáucănsáutrầnvọngtạolắmtộitửsanh.....”

Qua nhữngdữkiệndãtrìnhbàytrongtácphẩmnày, cóthểkhắgđịnhrằg,
vạnpháptrongvũtrụ,tắtcắđềudo DuyThứctạodựgnên,
DuyThứcnếunhưkhôgcóthìnhắđịnkhôgcóvạnpháptrongthếgian.
VithếDuyThứcTôngcũgnhưPháptrượgTông,cắhaichủtrượgvạnphá
ptrongthếgiandềudo ThứcBiến, nêngọi làDuyThức.

Sắgắcxongngày 15 thắg 4 đl nắm 2018

Tắcgiắ ThíchThắgHoan

NHỮNG KINH SÁCH THAM KHẢO

- *- KhắoNghiệmduyThứcHọc, quyển I và II, tácgiắ ThíchThắg
Hoan
- *- DuyThứcBiến, tácgiắ ThíchPhổHuân
- *- LượcSửPhậgGiáoẤnĐộ, tácgiắ Thích
Thanh Kiểm
- *- DuyThứcPhượgTiệndằmcủacứsĩ
ĐườgĐạiviên
- *- DuyThứcHọc, tácgiắ ThíchThiệnhoa
- *- BiệntừgBiệnlậntậgThích, dịchgiắ

ThíchThắngHoan

*- CâuXáLuậncủaThếThân

*- Con NgườiSanh Ra TừĐâu, tácgiảThích
ThắngHoan

*- KháiLuậnVềDuyThứcHọc, dịchgiả
ThíchThắngHoan.

*- ThànhThậtLuận,

*- TừĐiểnPhậtHọcHuệ Quang.

*- NhịKhoáHiệpGiảidịchgiảHoàThượng
ThíchKhánh Anh.

*- KinhNiếtBàn, PhẩmKiềuĐàm,

*- KinhBáoNghịệp Sai Biệt.

*- LuậnĐạiThừaKhởiTín, trongPhậtHọc
PhổThông, tácgiảHoàThượngThích
Thiện Hoa.

THÍCH THẮNG HOAN

**VẠN PHÁP
QUA CÁI NHÌN
CỦA
DUY THỨC**

PL 2562 –DL 2018

